ISSN 1859 – 1000

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

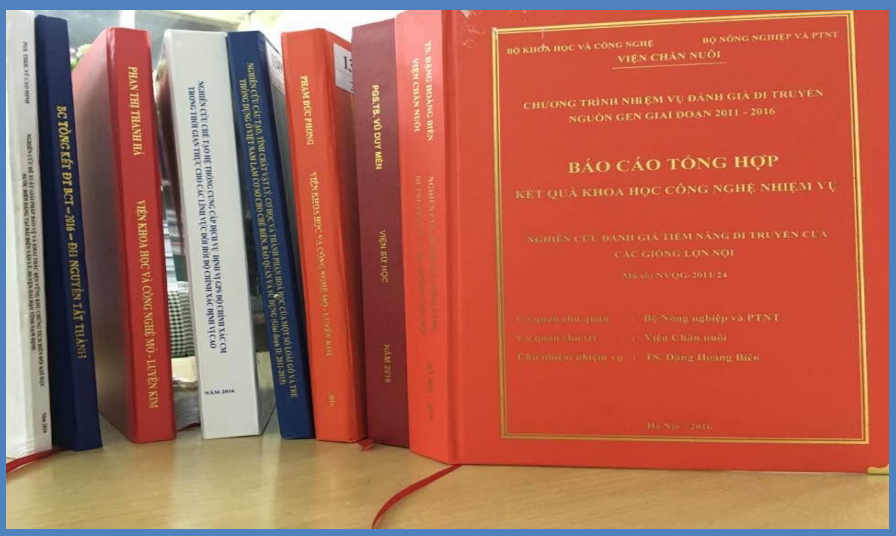

SỐ 02 (2023)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
National Agency for Science and Technology Information

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

ISSN 1859-1000

(Định kỳ 1 số/tháng)

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban:	THS. VŨ ANH TUẤN
Phó Trưởng ban:	ThS. Võ Thị Thu Hà
Uỷ viên thư ký:	ThS. Nguyễn Thị Thưa
	CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu
	CN. Nguyễn Thu Hà

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu	2
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng trakết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	8
Phụ lục: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	110

LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ".***

Xuất bản phẩm ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ"***được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: **http://sti.vista.gov.vn**. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 1 số/tháng nhằm thông báo kịp thờithông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu./.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 3934-9116- Fax: (024) 3934-9127- E-mail: *quanly@vista.gov.vn*

Website: http://www.vista.gov.vn/

GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

❶ ❷ ❸ ❹

82597. 08-2022 **Giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử về quản lý Bảo hiểm xã hội trong phạm vi cả nước**/ ThS. Lê Nguyên Bồng, Nguyễn Hoàng Phương; Nguyễn Thị Thanh Mai; Trần Thanh Tùng; Nguyễn Thị Trà My; Dương Vương Tuấn; Đoàn Tràng Tuân; Hà Trọng Hiếu; Nguyễn Thị Thu Hoài; Nguyễn Thị Thu Hường - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ thông tin, 2021; 05/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

❺ ❻ ❼ ❽ ❾

Nghiên cứu bối cảnh, chiến lược chuyển đổi số, chiến lược dữ liệu quốc gia và của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Đánh giá thực trạng và tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý, vận hành các cơ sở dữ liệu điện tử của của Bảo hiểm Việt Nam. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử. ——— ❿

Số hồ sơ lưu: 19779

❶	Mã biểu ghi trong CSDL
❷	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
❸	Tên nhiệm vụ
❹	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
❺	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
❻	Cấp nhiệm vụ
❼	Nơi viết báo cáo
❽	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
❾	Năm viết báo cáo
❿	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU

1.Khoa học tự nhiên 8
10101. Toán học cơ bản 8
10102. Toán học ứng dụng 8
10103. Thống kê 10
10201. Khoa học máy tính 10
10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học 11
10304. Vật lý hạt nhân 12
10402. Hoá vô cơ và hạt nhân 13
10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân) 13
10507. Núi lửa học 13
10508. Trắc địa học và bản đồ học 14
10509. Các khoa học môi trường 14
10513. Thuỷ văn; Tài nguyên nước 16
10612. Động vật học 16
10614. Sinh thái học 18
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ 18
20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị 20
20105. Kỹ thuật thuỷ lợi 20
20201. Kỹ thuật điện và điện tử 21
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),.. 22
20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông 25
20205. Viễn thông 26
20302. Chế tạo máy nói chung 27
20303. Chế tạo máy công cụ 28
20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp 29
20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng 29
20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm) 30
20403. Kỹ thuật hoá dược 31

20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen 31
20507. Vật liệu xây dựng 32
20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...) 32
20604. Kỹ thuận chẩn đoán bệnh 33
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật 33
20704. Viễn thám 35
20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học. 36
21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất) 37
21101. Kỹ thuật thực phẩm 38
3. Khoa học y, dược 40
30104. Thần kinh học (bao gồm cả Tâm sinh lý học) 41
30206. Huyết học và truyền máu 41
30211. Ngoại khoa (Phẫu thuật) 42
30218. Nội tiết và chuyển hoá (bao gồm cả đái tháo đường, rối loạn hoocmon) 42
30220. Niệu học và thận học 43
30221. Ung thư học và phát sinh ung thư 44
30301. Khoa học về chăm sóc sức khoẻ và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..) 44
30302. Chính sách và dịch vụ y tế 46
30401. Dược lý học 46
30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc 46
30404. Hoá dược học 48
30503. Công nghệ liên quan đến xác định chức năng của ADN, protein, enzym và tác động của chúng tới việc phát bệnh; đảm bảo sức khỏe (bao gồm cả chẩn đoán gen, các can thiệp điều trị trên cơ sở gen (dược phẩm trên cơ sở gen 48
4. Khoa học nông nghiệp 49
40102. Thổ nhưỡng học 52
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm 53

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả 56
40105. Cây công nghiệp và cây thuốc 61
40106. Bảo vệ thực vật 62
40107. Bảo quản và chế biến nông sản 63
40199. Khoa học trồng trọt khác 65
40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi 66
40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi 67
40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi 68
40299. Khoa học chăn nuôi khác 69
40402. Tài nguyên rừng 70
40403. Quản lý và bảo vệ rừng 70
40404. Sinh thái và môi trường rừng 71
40405. Giống cây rừng 71
40406. Nông lâm kết hợp 72
40502. Di truyền học và nhân giống thuỷ sản 73
40504. Nuôi trồng thuỷ sản 73
40507. Bảo quản và chế biến thủy sản 75
40599. Khoa học công nghệ thuỷ sản khác 76
499. Khoa học nông nghiệp khác 76
5. Khoa học xã hội 77
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh 81
50202. Kinh doanh và quản lý 82
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.. 91
50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác 95
50402. Nhân khẩu học 95
50404. Dân tộc học 96
50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội 97
50501. Luật học 99
50601. Khoa học chính trị 100
50602. Hành chính công và quản lý hành chính 100

50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị..... 105
50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội..... 107
599. Khoa học xã hội khác 107
6. Khoa học nhân văn.....108
60199. Các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác..... 108
60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam108
60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ..... 109

THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

1. Khoa học tự nhiên

10101. Toán học cơ bản

84464.02-2023 **Hệ lai: Mô hình mean-field và phương pháp số**/ TS. Nguyễn Tiến Dũng, ThS. Nguyễn Hữu Hiệp; ThS. Hoàng Anh Tuấn; TS. Nguyễn Lưu Sơn; ThS. Nguyễn Anh Trà - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, 2022; 05/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các tính chất của phương trình phi tuyến xuất hiện từ giới hạn của các mô hình mean field chuyển trạng thái. Phát triển một số lượng đề xấp xỉ cho các hệ chuyển trạng thái. Nghiên cứu các phương trình giới hạn, khảo sát sự tồn tại và duy nhất của các nghiệm và sau đó nghiên cứu một số tính chất định tính của chúng. Cải tiến kỹ thuật đã đem đến sự thành công cho các phương pháp xấp xỉ nghiệm gần đúng cho các phương trình vi phân ngẫu nhiên nhằm đưa ra các lược đồ xấp xỉ mơi cho các hệ chuyển trạng thái.

Số hồ sơ lưu: 20675

84480.02-2023 **Một số vấn đề trong đại số vi phân và hình học đại số có sử dụng các hệ đại số máy tính**/ TS. Ngô Lâm Xuân Châu, TS. Lê Thanh Hiếu; TS. Phạm Thùy Hương - Bình Định - Trường Đại học Quy Nhơn, 2022; 08/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu sự tồn tại và tính toán nghiệm tổng quát đại số của các phương trình vi phân đại số cấp một tương đương với phương trình autonom. Từ đó đưa ra các thuật toán hữu hiệu để tìm nghiệm tổng quát đại số của các phương trình đó. Phát triển, nghiên cứu các tính chất mới, các thuật toán mới có tính chính xác và độ tin cậy cao, tốc độ xử lý nhanh để tìm xấp xỉ các biểu diễn hạng thấp cho các đa thức tổng bình phương Hermit. Đưa ra các thuật toán chất lượng để giải quyết một số bài toán thực tế nhằm giúp các nhà lập trình, các kỹ sư thuận tiện hơn trong nghiên cứu. Đưa ra một điều kiện cần và đủ để tính xác định hữu hạn của ma trận trên đặc số bất kỳ, ưu tiên giải quyết vấn đề con để xác định một phương pháp thích hợp cho vấn đề đặt ra.

Số hồ sơ lưu: 20687

10102. Toán học ứng dụng

84463.02-2023 **Kết hợp tiền mã hoá và xử lý tín hiệu thu cho hệ thống đa người dùng đa đầu vào đa đầu ra**/ PGS. TS. Vũ Văn Sơn, TS. Phạm Thanh Hiệp; TS. Đinh Triều Dương; ThS. Hoàng Đức Vinh; ThS. Trần Mạnh Hoàng - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2022; 08/2018 - 02/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiến hành nghiên cứu và đề xuất một phương pháp mới để cải thiện hiệu năng của hệ thống MU-MIMO, đặc biệt đối với trường hợp nhiều người dùng trong cùng một búp khi mà các phương pháp đã đề xuất

không thực sự hoạt động hiệu quả. Tiến hành nghiên cứu lý thuyết, xây dựng các công thức và tính toán xác suất dừng, thông lượng của hệ thống đối với cả phương pháp đề xuất và các phương pháp đã có để có thể so sánh kết quả của các phương pháp trên nhiều tham số khác nhau. Phương pháp đề xuất được kết hợp với kỹ thuật thu thập năng lượng và áp dụng vào các hệ thống có chuyển tiếp để nâng cao hiệu quả và đưa đề xuất sát với thực tế hơn.

Số hồ sơ lưu: 20682

84488.02-2023 **Một số phương pháp chỉnh hóa cho bài toán không chỉnh**/ GS. TS. Đặng Đức Trọng, TS. Cao Xuân Phương; TS. Nguyễn Thị Mộng Ngọc; TS. Nguyễn Đăng Minh; ThS. Nguyễn Minh Điện; ThS. Trần Quốc Việt - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh, 2022; 05/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Trong bài toán không chỉnh, việc khắc phục sự mất ổn định là chủ đề được quan tâm nhất. Trong đó, xác định sai số tối ưu và cách lựa chọn tham số chính hóa để có kết quả sai số tối ưu là vấn đề được chú ý nhiều và có giá trị trong việc tính toán. Khảo sát các phương pháp chỉnh hóa tối ưu cho các bài toán không chỉnh. Sử dụng các phương pháp giải tích như phương pháp Tikhonov, phương pháp triển khai Fourier... và các phương pháp trong thống kê phi thm số để giải bài toán chỉnh hóa, bài toán xác định sai số tối ưu và bài toán xác định tham số tối ưu.

Số hồ sơ lưu: 20661

84494.02-2023 **Hàm đa điều hoà dưới quaternionic và toán tử Monge-Ampère**/ PGS. TS. Nguyễn Xuân Hồng, TS. Nguyễn Thị Liên; TS. Hoàng Việt; ThS. Hoàng Văn Cần - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2021; 04/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chứng minh sự tồn tại, tính liên tục Hölder, sự ổn định cho các nghiệm của bài toán Dirichlet đối với phương trình Monge-Ampère trên một số miền. Việc tiếp theo là tìm đặc điểm của các hàm đa điều hoà dưới quaternionic sao cho chúng ta có thể xấp xỉ nó bằng các hàm đa điều hoà dưới quaternionic xác định trên các miền lớn hơn. Nghiên cứu hàm F-cực đại. Nghiên cứu các ngưỡng chính tắc có trọng và khối lượng Mong-Ampère.

Số hồ sơ lưu: 20664

84501.02-2023 **Một số khía cạnh đại số của vành chuỗi lũy thừa hình thức và ứng dụng**/ TS. Phan Thanh Toàn, TS. Lê Thị Ngọc Giàu; TS. Võ Ngọc Thiệu - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 2022; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cấu trúc iđêan của vành chuỗi lũy thừa hình thức R[[X]] trong mối liên hệ với vành hệ số R và các ứng dụng trong các thuật toán tính toán nhanh các nghiệm đa thức, hữu tỷ và đại số của các phương trình vi phân và sai phân đại số không tuyến tính bậc thấp. Thiết lập công thức Dedekink-Mertens cho chuỗi lũy thừa với số biến tùy ý. Về mặt ứng dụng, sử dụng các kỹ thuật

tính toán với các chuỗi lũy thừa hình thức để thiết lập các thuật toán tính nhanh nghiệm đúng và nghiệm xấp xỉ của các phương trình vi phân và sai phân. Đối với các phương trình vi phân và sai phân thường đại số bậc một, quan tâm đến việc tính các nghiệm hữu tỷ và đại số.

Số hồ sơ lưu: 20681

10103. Thống kê

84898.02-2023 **Nghiên cứu xây dựng phương pháp điều chỉnh mùa vụ chỉ tiêu thống kê ở Việt Nam**/ ThS. Trần Thị Thu, CN. Nguyễn Thị Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Nghiêm Thị Vân; ThS. Nguyễn Thị Huyền; TS. Đỗ Văn Huân; ThS. Thái Hà; ThS. Trần Thị Thu Trang; ThS. Lê Thị Hiền; ThS. Nguyễn Thị Hương Giang; ThS. Vũ Quang Hà; ThS. Bùi Thúy Vân - Hà Nội - Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê, 2021; 07/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận chung về mùa vụ và điều chỉnh mùa vụ của tổ chức quốc tế, Cơ quan Thống kê các quốc gia trên thế giới; các thành phần của dãy số thời gian; các loại yếu tố mùa vụ. Thực trạng hoạt động điều chỉnh mùa vụ trong công tác thống kê hiện nay. Nghiên cứu đề xuất phương pháp điều chỉnh mùa vụ; quy trình điều chỉnh mùa vụ các chỉ tiêu thống kê. Nghiên cứu đề xuất phương pháp điều chỉnh mùa vụ chỉ tiêu thống kê ở Việt Nam; khuyến nghị của Tổ chức quốc tế về điều chỉnh mùa vụ. Đề xuất thử nghiệm điều chỉnh mùa vụ chỉ tiêu thống kê: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, tổng sản phẩm trong nước. Nghiên cứu, đề xuất chính sách điều chỉnh mùa vụ chỉ tiêu thống kê ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20930

10201. Khoa học máy tính

85619.02-2023 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống cảnh báo ùn tắc giao thông dựa vào dữ liệu từ cộng đồng và phân tích dữ liệu lớn**/ PGS. TS. Trần Minh Quang, TS. Lê Lam Sơn; PGS. TS. Trần Văn Hoài; TS. Nguyễn Xuân Long; PGS. TS. Phạm Trần Vũ; TS. Nguyễn Quang Hùng; ThS. Phạm Nguyễn; Hoàng Nam; ThS. Nguyễn Ngọc Nam; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; KS. Phạm Đỗ Đức Giang; KS. Đặng Minh Hoàng - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, 2020; 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ chế kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu được chia sẻ từ cộng đồng. Đề xuất các mô hình phân tích và khai phá dữ liệu lớn nhằm dự đoán tình trạng giao thông ở những nơi thiếu dữ liệu hiện thời. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định chia sẻ dữ liệu về giao thông của cộng đồng. Xây dựng hệ thống thu thập và tổ chức dữ liệu ở server. Các giải thuật xử lý và phân tích dữ liệu trên server. Xây dựng ứng dụng trên điện thoại di động (mobile app). Xây dựng ứng dụng trên nền tảng web để hiển thị thông tin về giao thông cho cộng đồng. Phân tích các ứng dụng gia

tăng cho hệ thống giao thông thông minh. Thử nghiệm và đánh giá hệ thống.

Số hồ sơ lưu: HCM-017-2022

85622.02-2023 **Kỹ thuật ẩn danh bảo vệ tính riêng tư cho dữ liệu mở**/ TS. Trương Tuấn Anh, - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Bách Khoa Tp.Hồ Chí Minh, 2020; 11/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tìm hiểu, xây dựng một kiến trúc nền tảng phù hợp đi kèm với các kỹ thuật xử lý dữ liệu cho hệ thống dữ liệu mở nhằm bảo vệ tính riêng tư trước khi công khai dữ liệu mà vẫn đảm bảo tối đa được chất lượng dữ liệu cho việc phân tích, tính sẵn sàng và liên tục của hệ thống cũng như sự khả tương thích với các đặc điểm dữ liệu (ứng dụng) khác nhau, đặc biệt là trong môi trường smart city. Từ mục tiêu tổng quát trên, đề tài sẽ lần lượt giải quyết các vấn đề sau để đưa ra một giải pháp thiết kế và hiện thực một kiến trúc bao gồm các kỹ thuật chủ chốt cho hệ thống ẩn danh hóa dữ liệu mở: Tìm hiểu về kiến trúc của open data và một số case studies điển hình, đặc biệt là trong môi trường smart city/nation; Nghiên cứu đề xuất, thiết kế kiến trúc/framework phù hợp cho bảo vệ tính riêng tư trong ngữ cảnh smart city với các open data; Nghiên cứu sâu về các kỹ thuật ẩn danh hóa dữ liệu (anonymization techniques) và khả năng ứng dụng của chúng cho dữ liệu mở trong môi trường smart city; Thiết kế và hiện thực một bản prototype thử nghiệm kỹ thuật ẩn danh được đề xuất; Thử nghiệm với một số tập dữ liệu mẫu ban đầu (hoặc dữ liệu nhân tạo phù hợp).

Số hồ sơ lưu: HCM-002-2022

10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học

84832.02-2023 **Ứng dụng kỹ thuật đồng vị bền Deuterium và Oxygen-18 để khảo sát đặc trưng bổ cấp nước ngầm tại một số khu vực của thành phố Long Khánh**/ ThS. Bùi Quang Trí, ThS. Võ Thị Ngọc Cẩm; KS. Nguyễn Hữu Quang; ThS. Nguyễn Văn Mười; CN. Trần Trọng Hiệu; CN. Lê Văn Lộc; CN. Trần Trí Hải; ThS. Đặng Nguyễn Thế Duy; CN. Huỳnh Thị Thu Hương; CN. Lê Thị Thanh Tâm; CN. Dương Thị Bích Chi - Lâm Đồng - Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp, 2022; 11/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng đường nước khí tượng địa phương Long Khánh (LK LMWL), làm cơ sở cho việc đánh giá bổ cập nước ngầm cho tầng trên (βqp2) trong khu vực Long Khánh và tính toán tỷ lệ bay hơi nước hồ Suối Tre. Vào mùa mưa thành phần đồng vị nặng của nước ngầm tầng trên cùng (βqp2) nằm trên đường nước khí tượng, giá trị trung bình của δ2H và δ18O đều nằm trên đường nước khí tượng, chứng tỏ nước ngầm tầng βqp2 được bổ cập trực tiếp từ nước mưa khu vực. Mùa khô giá trị trung bình của thành phần đồng vị trong các mẫu nước ngầm khác biệt nhiều so với các giá trị

tương ứng trong nước mặt. Điều này cho thấy nước ngầm không có quan hệ thủy lực với nước mặt trong hồ. Thành phần đồng vị nặng của oxy trong nước ngầm về mùa khô có chiều hướng nghèo đi. Điều này được giải thích là nước ngầm trong khu vực cũng có nguồn gốc từ nước mưa nhưng được bổ cập muộn do quá trình thấm qua tầng chưa bão hòa. Kết luận rằng nước ngầm tầng βqp2 trên khu vực thành phố Long Khánh cả hai mùa đều có nguồn gốc từ nước mưa khu vực.

Số hồ sơ lưu: 20901

10304. Vật lý hạt nhân

84097.02-2023 **Nghiên cứu vi mô phản ứng bắt nucleon (p,γ) ở năng lượng thấp trong hình thức luận trường trung bình hạt nhân/** ThS. Nguyễn Hoàng Phúc, TS. Doãn Thị Loan; GS. TS. Đào Tiến Khoa; TS. Đỗ Công Cương; ThS. Nguyễn Trí Toàn Phúc; ThS. Nguyễn Lê Anh; CN. Nguyễn Hải Ninh - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được phương pháp tính toán trường trung bình hạt nhân vi mô để áp dụng nghiên cứu phản ứng bắt nucleon (p, γ) ở năng lượng thấp; Nâng cao năng lực và phát triển hướng nghiên cứu thiên văn hạt nhân tại Viện Khoa học kỹ thuật hạt nhân. Xác định công thức tiết diện phản ứng (p, γ). Trình bày chi tiết công thức tính tiết diện phản ứng (p, γ) theo mô hình thế tương tác trong hình thức luận trường trung bình hạt nhân. Khai thác chương trình cR-matrix tính hàm sóng liên kết và tán xạ. Xây dựng chương trình tính tiết diện phản ứng (p, γ). Phân tích các phản ứng (p, γ) trong chu trình CNO.

Số hồ sơ lưu: 20444

84843.02-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng Đề án phòng ngừa và ứng phó đối với sự cố hạt nhân xuyên biên giới ảnh hưởng đến Việt Nam/** ThS. Tào Xuân Khánh, ThS. Nguyễn Phương Thảo; ThS. Nguyễn Ninh Giang; ThS. Kiều Ngọc Dũng; TS. Dương Quốc Hùng; ThS. Đào Thế Hữu; ThS. Mã Văn Quang; ThS. Bùi Thị Thuỳ Anh; TS. Vương Thu Bắc; PGS.TS. Nguyễn Trung Tính; ThS. Nguyễn Hào Quang; TS. Nguyễn Thị Cẩm Hà; KS. Thân Quang Minh; CN. Phan Hữu Phát - Hà Nội - Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật an toàn bức xạ hạt nhân và ứng phó sự cố, 2020; 06/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ và hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ sau Hội đồng đánh giá và Hội đồng thẩm định tài chính. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố phóng xạ xuyên biên giới. Nghiên cứu tác động liên quan đến trách nhiệm quốc gia và các hoạt động hợp tác quốc tế về ứng phó sự cố trong phát triển năng lực ứng phó sự cố xuyên biên giới của Việt Nam. Đánh giá nguy cơ và hậu quả của sự cố phóng xạ xuyên biên giới ảnh hưởng đến Việt Nam. Nghiên cứu, điều tra, khảo sát, đánh giá năng lực của các bộ ngành và địa phương để ứng phó với sự cố

xuyên biên giới. Đánh giá hiện trạng mạng quan trắc phóng xạ môi trường và các vướng mắc trong triển khai thực hiện quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đánh giá yêu cầu hoàn thiện hệ thống hạ tầng quốc gia sẵn sàng ứng phó với sự cố phóng xạ xuyên biên giới. Nghiên cứu xây dựng nội dung về phòng ngừa và ứng phó sự cố phóng xạ xuyên biên giới giai đoạn 2019 - 2025.

Số hồ sơ lưu: 20915

10402. Hoá vô cơ và hạt nhân

84482.02-2023 **Nghiên cứu khả năng thu nhận Coban và Liti từ pin Li – ion đã qua sử dụng bằng phương pháp chiết dung môi**/ ThS. Nguyễn Đình Việt, ThS. Trần Hoàng Mai; TS. Lưu Xuân Đĩnh; TS. Bùi Công Trình; KTV. Ngô Quang Hiển - Hà Nội - Viện công nghệ xạ hiếm, 2022; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hòa tách bột catot của pin bằng dung dịch H_2SO_4 2M và H_2O_2 cho hiệu suất thu hồi các nguyên tố như sau: Co: 95%, Ni: 98.4%, Mn: 98.5% và Li: 97.4%, ở nhiệt độ là 90oC. Quá trình thu hồi Co và Li từ dung dịch chiết cần phải chiết hai lần, lần thứ nhất để tách loại Mn và Cu trước, sau đó tách Co và Ni ra khỏi dung dịch liti. Đối với quá trình chiết hiệu suất thu hồi của Co và Li là trên 97% và độ sạch trân 96%. Phương pháp hóa học và chiết tinh chế các nguyên tố kim loại có giá trị trong pin LIBs đã qua sử dụng cho thấy hiệu quả thu hồi được hết các kim loại có giá trị.

Số hồ sơ lưu: 20711

10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân)

84457.02-2023 **Nghiên cứu chế tạo, tính chất của pin mặt trời hiệu suất cao trên cơ sở cấu trúc hybrid dây nano silic/poly(3,4-ethylene dioxythiophene): poly(styrene sulfonate) và chấm lượng tử graphene**/ TS. Phạm Văn Trình, PGS. TS. Đoàn Đình Phương; TS. Bùi Hùng Thắng; ThS. Nguyễn Trọng Tâm; ThS. Nguyễn Văn Tú; KS. Lê Đình Quang - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2022; 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chế tạo và tính chất của pin mặt trời sử dụng cấu trúc hybrid SiNW/PEDOT:PSS/GQDs có hiệu suất chuyển đổi lớn hơn 10%. Nghiên cứu đánh giá và hiểu được bản chất cơ chế tăng cường hiệu suất pin mặt trời sử dụng cấu trúc hybrid SiNW/PEDOT:PSS/GQDs. Nghiên cứu và tối ưu hóa công nghệ chế tạo vật liệu SiNW bằng phương pháp ăn mòn hóa học; Tối ưu hóa công nghệ chế tạo vật liệu GQD bằng phương pháp thủy nhiệt glucose; Nghiên cứu và tối ưu hóa công nghệ chế tạo dung dịch hỗn hợp PEDOT:PSS/GQDs có độ ổn định cao bằng phương pháp rung siêu âm; Tối ưu hóa các điều kiện công nghệ chế tạo như độ dày điện cực, điều kiện spin-coating, nhiệt độ ủ nhằm tạo ra pin mặt trời có hiệu suất cao nhất.

Số hồ sơ lưu: 20692

10507. Núi lửa học

84375.02-2023 **Nguồn gốc các thành tạo núi lửa - xâm nhập đới cấu trúc Hoành Sơn (từ đứt gãy Sông Cả đến đứt gãy Rào Nậy) và tiềm năng khoáng sản liên quan**/ ThS. Bùi Thế Anh, ThS. Nguyễn Thị Xuân; TS. Đỗ Quốc Bình; ThS. Bùi Thanh Vân; ThS. Nguyễn Đức Chính; ThS. Lưu Văn Thắng; ThS. Tạ Đình Tùng; ThS. Đỗ Đức Nguyên; TS. Nguyễn Thị Bích Thủy; PGS.TS. Phạm Đức Lương; PGS.TS. Bùi Minh Tâm; TS. Phạm Thị Dung - Hà Nội - Viện khoa học địa chất và khoáng sản, 2021; 07/2018 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm sáng tỏ nguồn gốc, điều kiện thành tạo các đá magma đới Hoành Sơn (từ đứt gãy Sông Cả đến đứt gãy Rào Nậy); Làm sáng tỏ nguồn gốc, điều kiện hình thành và mối liên quan với hoạt động magma của khoáng hóa vàng nhiệt dịch trong vùng nghiên cứu; Xác lập các tiền đề, dấu hiệu và yếu tố khống chế quặng Au trong vùng nghiên cứu. Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu thạch luận - sinh khoáng, nâng cao khả năng tiếp cận các phương pháp và thiết bị nghiên cứu tiên tiến, cập nhật các kiến thức mới. Xây dựng được cơ sở khoa học nghiên cứu các loại hình nguồn gốc khoáng sản nhiệt dịch liên quan đến các đá magma.

Số hồ sơ lưu: 20663

10508. Trắc địa học và bản đồ học

84455.02-2023 **Nghiên cứu, xây dựng bộ quy chuẩn về cấu trúc nội dung, cấu trúc cơ sở dữ liệu, cấu trúc Atlas và quy cách biên soạn Bộ Địa chí Quốc gia Việt Nam**/ PGS. TS. Trần Thị An, PGS.TS. Vũ Văn Tích; GS.TS. Trương Quang Hải; TS. Nguyễn Tuấn Cường; PGS.TS. Phạm Ngọc Hùng; TS. Phạm Đức Anh; TS. Nghiêm Xuân Huy; TS. Lưu Quốc Đạt; TS. Phạm Thị Thảo; TS. Võ Đình Hiếu; ThS. Đinh Việt Hải; TS. Phạm Tiến Toàn; TS. Đỗ Diệu Hương; PGS.TS. Nguyễn Tiến Vinh; ThS. Nguyễn Thị Khánh Trang; ThS. Nguyễn Thị Nhung; TS. Phạm Thị Thu Hương; TS. Trần Quốc Bình - Hà Nội - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022; 12/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng bộ quy chuẩn và văn bản hướng dẫn về cách tiếp cận và các phương pháp được sử dụng trong biên soạn, quy cách trình bày Địa chí Quốc gia Việt Nam và địa phương chí. Xây dựng quy chuẩn và văn bản hướng dẫn cho biên soạn Atlas Địa chí Quốc gia Việt Nam ở dạng in và dạng số. Xây dựng quy chuẩn và văn bản hướng dẫn việc chuẩn hóa cấu trúc cơ sở dữ liệu Địa chí Quốc gia Việt Nam. Việc triển khai Nhiệm vụ thành phần Nghiên cứu xây dựng bộ quy chuẩn về cấu trúc nội dung, cấu trúc cơ sở dữ liệu, cấu trúc Atlas và quy cách biên soạn bộ Địa chí Quốc gia Việt Nam đã được thực hiện một cách nỗ lực, với sự tham gia của nhiều nhà khoa học.

Số hồ sơ lưu: 20709

10509. Các khoa học môi trường

84068.02-2023 **Nghiên cứu và phát triển các mô hình mới độ chính xác cao cho phát hiện, dự**

báo và đánh giá rủi ro trượt lở đất sử dụng dữ liệu địa không gian, trí tuệ nhân tạo và các thuật toán tối ưu hóa/ TS. Nhữ Việt Hà, TS. Nguyễn Thành Long; GS. TS. Bùi Tiến Diệu; TS. Nguyễn Quang Khánh; ThS. Đoàn Huy Lợi; ThS. Đào Minh Đức; ThS. Phạm Đức Nghiệp; ThS. Nguyễn Minh Đức; ThS. Nguyễn Mỹ Linh - Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 2021; 08/2018 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển các mô hình mới độ chính xác cao, sử dụng trí thông minh nhân tạo và các thuật toán tối ưu cho: nhận dạng hiện trang trượt lở đất; dự báo vị trí xảy ra trượt lở đất; dự báo thời gian trượt lở đất. Phát triển được khung cấu trúc mới cho đánh giá tổn thương và rủi ro trượt lở đất tới đời sống nhân sinh, nhà cửa, cơ sở vật chất và các mạng lưới giao thông sử dụng trí thông minh nhân tạo. Xây dựng một công cụ phần mềm mới dựa trên các mô hình đã được phát triển cho phát hiện, dự báo tai biến, đánh giá tổn thương và rủi ro trượt lở đất.

Số hồ sơ lưu: 20425

84835.02-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm xây dựng cơ chế ký quỹ môi trường đối với các dự án có tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm, sự cố môi trường cao**/ ThS. Hoàng Thanh Nguyệt, ThS. Trần Phong; PGS.TS. Phùng Chí Sỹ; CN. Đinh Thị Minh Hương; ThS. Phạm Hương Trang; ThS. Trương Thị Ngọc Thảo; ThS. Nguyễn Thị Minh Thư; ThS. Lương Hoàng Tùng; ThS. Phạm Mai Duy Thông; TS. Bạch Long Giang - TP. Hồ Chí Minh - Cục Bảo vệ môi trường miền Nam, 2022; 07/2018 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan nghiên cứu về hoạt động ký quỹ môi trường và đánh giá thực tiễn việc thực hiện ký quỹ môi trường tại Việt Nam; Nghiên cứu, đề xuất ký quỹ môi trường đối với các dự án có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao (cụ thể là đối với 15 nhóm ngành); Nghiên cứu, áp dụng thử nghiệm ký quỹ môi trường đối với 03 loại hình dự án: dự án nhiệt điện; dự án khai thác, chế biến khoáng sản và dự án lọc hóa dầu; Đề xuất các điều kiện triển khai công cụ ký quỹ môi trường đối với các dự án có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao vào thực tiễn tại Việt Nam. Kết quả đề tài sẽ góp phần đào tạo, nâng cao năng lực, trình độ nghiên cứu khoa học, trình độ quản lý cho cán bộ đơn vị chủ trì, các đơn vị tham gia thực hiện và ứng dụng kết quả đề tài, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ có liên quan.

Số hồ sơ lưu: 20909

84852.02-2023 **Phát triển mô hình làng nông thuận thiên thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với phát triển mỗi xã một sản phẩm và góp phần xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025**/ TS. Bùi Lê Vinh, ThS. Vũ Thanh Biển, ThS. Nguyễn Tuấn Cường, KS. Đỗ Thị Thu Hà, ThS. Triệu Hồng Lụa, TS. Nguyễn Thu Hà, TS. Nguyễn Văn Quân; TS. Đỗ Thị Đức Hạnh; PGS.TS. Nguyễn Đức Tùng; TS. Nguyễn Hải Núi; TS. Vũ Thị Thúy

Hằng; PGS.TS. Đỗ Văn Nhạ; TS. Quyền Thị Lan Phương; ThS. Đoàn Thanh Thủy - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2022; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hiện trạng sản xuất, tác động và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu tại một số tiểu vùng sinh thái đặc trưng tại tỉnh Yên Bái; Đề xuất mô hình trình phát triển lang nông thuận thiên (LNTT) thích ứng với biến đổi khí hậu cho 02 vùng sinh thái đặc thù tại tỉnh Yên Bái; Xây dựng 02 mô hình phát triển kinh tế tổng hợp thông qua cách tiếp cận LNTT gắn với yếu tố mỗi xã một sản phẩm (OCOP) cho các tiểu vùng sinh thái 2 và 3 của tỉnh Yên Bái; Đề xuất giải pháp tổng hợp phát triển làng nông thuận thiên thích thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển mỗi xã một sản phẩm trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Số hồ sơ lưu: 20910

10513. Thuỷ văn; Tài nguyên nước

85446.02-2023 **Thực trạng và giải pháp phát triển nguồn lợi thủy sản tự nhiên tại Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng**/ TS. Trần Thị Kim Hồng, - Cần Thơ - Đại học Cần Thơ, 2022; 03/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề tài đã xây dựng bản đồ cấu trúc hạ tầng, bản đồ phân bố dòng chảy và cao trình phục vụ quản lý, điều tiết nước tại Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Lung Ngọc Hoàng. Đồng thời kết quả phân tích đánh giá chất lượng nguồn nước cũng như "nước đen" tại KBTTN Lung Ngọc Hoàng và so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cho thấy hiện trạng nguồn nước cần được cải thiện một số chỉ tiêu cho thủy sinh vật phát triển. Bên cạnh đó, việc đánh giá hiện trạng phân bố, mật độ các loài thủy sinh thực vật, thực vậ phù du, động vật phù du và động vật đáy tại các thủy vực nơi đây góp phần giải thích mối liên hệ giữa số lượng, thành phần loài thủy sinh vật đặc biệt là nguồn tài nguyên thủy sản với chất lượng môi trường nước. Kết quả đánh giá hiện trạng quản lý, khai thác nguồn lợi thủy sản tại KBTTN Lung Ngọc Hoàng cũng góp phần làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp khắc phục, khôi phục và phát triển nguồn tài nguyên thủy sản tại KBTTN Lung Ngọc Hoàng

Số hồ sơ lưu: HGI-2021-K005

10612. Động vật học

84080.02-2023 **Nghiên cứu cấu trúc quần thể, đa dạng di truyền và đánh giá nguy cơ bảo tồn của loài Voọc mông trắng (Trachypithecus delacouri) ở miền Bắc Việt Nam**/ TS. Nguyễn Vĩnh Thanh, TS. Nguyễn Thị Lan Anh; PGS. TS. Lê Đức Minh; PGS. TS. Mẫn Quang Huy; TS. Đỗ Minh Hà; CN. Nguyễn Thị Thắm - Hà Nội - Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021; 12/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định mức độ đa dạng di truyền của quần thể Voọc mông trắng hiện phân bố ở miền Bắc Việt

Nam. Thu thập các dữ liệu về phân bố của Voọc mông trắng ở miền Bắc Việt Nam, xây dựng mô hình phân bố của loài, có tính đến kịch bản biến đổi khí hậu dành cho Việt Nam. Xác định các nguy cơ đe dọa và đề xuất các biện pháp bảo tồn của các quần thể loài Voọc mông trắng ở miền Bắc Việt Nam. Xác định được cấu trúc quần thể, tính đa dạng di truyền và mô hình hóa phân bố của loài Voọc mông trắng ở miền Bắc Việt Nam. Đánh giá được nguy cơ và đưa ra được biện pháp bảo tồn đối với các quần thể loài Voọc mông trắng ở miền Bắc Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20435

84460.02-2023 **Nghiên cứu đa dạng loài, đa dạng nguồn gen và bảo tồn của Chuồn chuồn kim ở Tây Nguyên, Việt Nam**/ TS. Phan Quốc Toản, TS. Nguyễn Thành Trung; TS. Trịnh Đăng Mậu; ThS. Lê Hải Sơn; ThS. Nguyễn Giang Sơn; CN. Tô Văn Quang - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2022; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát hiện và mô tả các loài chuồn chuồn kim mới cho khoa học và mô tả mới con đực/con cái của một số loài dựa trên các bằng chứng về hình thái học và sinh học phân tử. Giải trình tự các gen COI và 16S của các mẫu vật thu thập ở vùng nghiên cứu làm cơ sở trong việc phân tích đa dạng nguồn gen, mối quan hệ di truyền và xây dựng cây chủng loại phát sinh giữa các loài, giống, họ chuồn chuồn kim ở Tây Nguyên và Việt Nam. Bổ sung các dữ liệu về đặc điểm sinh thái học, vùng phân bố, sinh cảnh, các tác động đối với sinh cảnh, quần thể... nhằm sử dụng đánh giá tình trạng bảo tồn của chúng dựa trên những tiêu chí của Liên minh bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế IUCN.

Số hồ sơ lưu: 20703

84498.02-2023 **Nghiên cứu đa dạng và quan hệ phát sinh loài của giun đất ở vùng Đông Nam Bộ (Việt Nam) bằng dẫn liệu hình thái và sinh học phân tử**/ PGS. TS.Nguyễn Thanh Tùng, TS. Trương Thị Bích Vân; TS. Nguyễn Đức Anh; ThS. Nguyễn Quốc Nam; ThS. Lâm Hải Đăng - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2021; 12/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đa dạng thành phần loài giun đất ở vùng Đông Nam bộ: tìm hiểu đa dạng thành phần loài, đặc trưng phân loại học ở khu vực nghiên cứu; phát hiện và công bố những đơn vị phân loại mới cho khoa học và cho khu hệ Việt Nam. Giải trình tự gen COI và 16S rRNA cho các loài ở khu vực nghiên cứu, kết hợp dẫn liệu hình thái và sinh học phân tử để xác định chính xác vị trí phân loại học cho các loài nghi vấn. Xây dựng cây quan hệ phát sinh giữa các loài/nhóm loài dựa trên dẫn liệu phân tử và dẫn liệu hình thái. Đánh giá phân tích tính chất khu hệ và tìm hiểu quy luật về phân bố của giun đất ở Đông Nam bộ theo vùng cảm quan, theo loại đất.

Số hồ sơ lưu: 20676

85462.02-2023 **Ảnh hưởng chất tráng phủ bề mặt plastic lên vi**

giáp xác/ Lê Thị Phương Dung, Trần Thành; Võ Thị Mỹ Chi; Đào Thanh Sơn - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 01/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá ảnh hưởng mãn tính của nước rỉ nhựa (dịch chiết) từ ống nhựa PVC và các loại phụ gia nhựa phổ biến lên sức sống, sinh sản và sự phát triển của loài vi giáp xác *D. magna*; Ảnh hưởng mãn của dịch chiết từ ống nhựa PVC lên sức sống, sinh sản và sự phát triển của loài vi giáp xác *D. magna*. Ảnh hưởng riêng lẻ và kết hợp của phụ gia nhựa Di-2-ethylhexyl phthalate và kim loại nặng (Pb, Cd) lên sức sống, sinh sản và sự phát triển của loài vi giáp xác *D. magna*. Đánh giá ảnh hưởng mãn tính của phụ gia nhựa Bisphenol A lên sức sống, sinh sản và sự phát triển của loài vi giáp xác *D. magna*. Nuôi vi giáp xác *D. magna* trong điều kiện phòng thí nghiệm. Thiết kế thí nghiệm phơi nhiễm mãn tính nhằm đánh giá ảnh hưởng của dịch chiết từ ống nhựa PVC lên loài vi giáp xác *D. magna*. Thí nghiệm phơi nhiễm mãn tính nhằm đánh giá ảnh hưởng riêng lẻ và kết hợp của phụ gia nhựa Di-2-ethylhexyl phthalate và kim loại nặng (Pb, Cd) lên loài vi giáp xác D. magna. Thiết kế thí nghiệm phơi nhiễm mãn tính nhằm đánh giá ảnh hưởng của phụ gia nhựa Bisphenol A lên loài vi giáp xác *D. magna*.

Số hồ sơ lưu: HCM-098-2022

10614. Sinh thái học

84490.02-2023 **Nghiên cứu xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn, quy trình đánh giá chất lượng hệ sinh thái vùng biển ven bờ bằng công nghệ tiên tiến phục vụ quản lí tài nguyên và môi trường**/ GS. TS. Mai Trọng Nhuận, TS. Nguyễn Tài Tuệ; TS. Nguyễn Thành Nam; TS. Lưu Việt Dũng; TS. Nguyễn Thị Hoàng Hà; TS. Nguyễn Thị Thu Hà; TS. Trần Đăng Quy; ThS. Lương Lê Huy; CN. Đặng Minh Quân; TS. Nguyễn Xuân Dũng; Nguyễn Quang Huy; Bùi Thế Sơn; Đặng Bảo Dương; Đỗ Trung Hiếu; Lê Văn Dũng; Lâm Tuấn Mạnh; Trương Hữu Dực; Lê Thị Khánh Linh - Hà Nội - Phòng thí nghiệm Trọng điểm Địa môi trường và Ứng phó Biến đổi khí hậu, 2022; 07/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được cơ sở khoa học, quy trình đánh giá chất lượng hệ sinh thái vùng biển ven bờ bằng công nghệ tiên tiến phục vụ quản lí tài nguyên và môi trường; Áp dụng được quy trình đánh giá chất lượng hệ sinh thái vùng biển ven bờ bằng công nghệ tiên tiến phục vụ quản lí tài nguyên và môi trường cho một số hệ sinh thái điển hình ờ vùng biển ven bờ miền Bắc Việt Nam; Xây dựng được hướng dẫn và giải pháp thực hiện quy trình đánh giá chất lượng hệ sinh thái vùng biển ven bờ bằng công nghệ tiên tiến phục vụ quản lí tài nguyên và môi trường.

Số hồ sơ lưu: 20670

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

85435.02-2023 **Xác định tiềm năng sản xuất điện mặt trời tỉnh**

Hậu Giang/ Ts. Trần Văn Tấn, - Hậu Giang - Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang, 2021; 12/2019 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đề tài "Xác định tiềm năng sản xuất điện mặt trời tỉnh Hậu Giang" đánh giá tiềm năng năng lượng mặt trời trên địa bàn tỉnh Hậu Giang xác định số giờ nắng, cường độ bức xạ. Phân tích tác động, tính ổn định và độ tin cậy, chất lượng điện năng của các nhà máy điện mặt trời đến lưới điện hiện hữu. Bên cạnh đó, đề tài cũng đánh giá tác động của nhà máy điện mặt trời đến môi trường. Từ các kết quả nghiên cứu và phân tích trên, đề tài sẽ xác định được vị trí tối ưu về kinh tế, về môi trường và kỹ thuật để xây dựng nhà máy tương ứng với công suất cụ thể cho từng vị trí, đồng thời đưa ra các giải pháp, cơ chế và chính sách để khuyến khích, hỗ trợ đầu tư cho các dự án năng lượng mặt trời của tỉnh.

Số hồ sơ lưu: HGI-2021-K003

85529.02-2023 **Hoàn thiện máy vung luống trồng dưa hấu và một số loại hoa màu tại huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang**/ ThS. Nguyễn Minh Cảnh, ThS. Lê Minh Đúng Dương Quốc Thái; TS. Nguyễn Quang Sáng; KS. Phan Khắc Trần Công Tấn; ThS. Huỳnh Hữu Hiệp; KS. Nguyễn Hồng Thiện; KS. Phan Văn Thật; ThS. Nguyễn Vĩnh Phối; ThS. Nguyễn Ánh Vân Hà - tỉnh Tiền Giang - Sở Công thương Tiền Giang, 2021; 12/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Sau gần 2 năm thực hiện, đề tài đã chế tạo thành công bộ bông xới, dao phay, các lưỡi vun và cánh gạt đất phục vụ lên luống trồng dưa hấu. Máy đã được khảo nghiệm trên nhiều mãnh ruộng gốc rạ khác nhau tại huyện Cai Lậy tỉnh Tiền Giang. Kết quả thực nghiệm cho thấy máy làm việc tốt, phù hợp với yêu cầu nông học của việc vun luống trồng dưa hấu tại tỉnh Tiền Giang ở độ chặt 1,2 kG/cm^2. Kết cấu máy đơn giản làm việc an toàn và có hiệu quả kinh tế khá cao.
Qua khảo nghiệm thực tế thì máy đã cho thấy những ưu điểm vượt trội so với phương pháp làm thủ công, máy làm việc cũng ít tiêu hao nhiên liệu cũng như công lao động, không phụ thuộc vào lực lượng lao động có sức khỏe.
Kết quả của đề tài đã vượt so với mục tiêu đề ra. Máy có năng suất trung bình 1.200 m/h.

Số hồ sơ lưu: 2021-CS-04/KQNC

85613.02-2023 **Nghiên cứu biến tính bột gạo bằng tổ hợp enzyme phân nhánh và maltogenic amylase - ứng dụng sản xuất bánh hủ tiếu và bún tươi cho người bệnh đái tháo đường và béo phì**/ TS. Lê Quang Trí, ThS. Phạm Đỗ Trang Minh ThS. Trần Quốc Bình; TS. Đoàn Thị Ngọc Thanh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hồng; ThS. Phạm Thị Minh Hoàng; ThS. Đàm Thị Kim Yến; KS. Trần Thanh Lưu; ThS. Phan Nguyễn Ngọc Thy - tỉnh Tiền Giang - Trường Đại học Tiền Giang, 2021; 12/2018 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng công ngh ệ enzyme biến bột gạo tự nhiên thành bột gạo có chức năng phòng và h ỗ trợ điều trị b ệnh đái tháo đường và béo phì.Ứng dụng công ngh ệ thực phẩm tạo ra sản phẩm cho ngư ời bệnh đái tháo đường và béo phì từ nguồn nguyên liệu bột gạo biến tính.

Số hồ sơ lưu: 2021-T-08/KQNC

20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị

84085.02-2023 **Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn hướng dẫn khung tích hợp và vận hành các cơ sở hạ tầng trong độ thị thông minh.**/ TS. Trần Thiện Chính, ThS. Vũ Thị Lan Hương; KS. Trần Thị Minh Thìn; KS. Đặng Thị Tố Uyên; ThS. Đặng Thu Hà; KS. Thái Minh Quân; TS. Nguyễn Cảnh Minh - Hà Nội - Viện khoa học kỹ thuật bưu điện, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Trong xu thế hội nhập hiện nay đòi hỏi phải xây dựng các tiêu chuẩn phù hợp theo Tiêu chuẩn Việt nam/Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia. Phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong xây dựng đô thị thông minh ở Việt Nam. Nghiên cứu tình hình tiêu chuẩn hóa trên thế giới về khung tích hợp và vận hành các cơ sở hạ tầng trong đô thị thông minh; Đánh giá hiện trạng và nhu cầu chuẩn hóa về khung tích hợp và vận hành các cơ sở hạ tầng trong đô thị thông minh; Xây dựng dự thảo tiêu chuẩn hướng dẫn khung tích hợp và vận hành cơ sở hạ tầng trong đô thị thông minh; Nghiên cứu đánh giá thực tế về kỹ thuật - công nghệ và sự phù hợp của tiêu chuẩn xây dựng với tình hình phát triển đô thị thông minh ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20437

20105. Kỹ thuật thuỷ lợi

84086.02-2023 **Nghiên cứu phát triển giải pháp trạm khí tượng thủy lợi thông minh phục vụ hiện đại hóa quản lý và vận hành các hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ trong điều kiện biến đổi khí hậu.**/ TS. Nguyễn Xuân Lâm, ThS. Lê Thị Văn Anh; ThS. Trần Thị Mai Lan; KS. Đặng Đức Cường; ThS. Đào Kim Lưu; ThS. Vũ Thanh Trà; ThS. Vũ Thanh Thủy; ThS. Vũ Thị Thủy; ThS. Trịnh Hồng Quân; KS. Phạm Quốc Khánh - Hà Nội - Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết kế sơ bộ và thử nghiệm phát triển giải pháp trạm khí tượng trung tâm phục vụ kết nối các trạm vệ tinh, mở rộng hệ điều hành, các mô hình tính toán đồng bộ, phục vụ điều hành hồ chứa. Thực hiện thí điểm cho một hồ chứa vừa và nhỏ tại tỉnh Bắc Giang. Nghiên cứu nằm trong phạm vi một đề tài tiềm năng nhỏ, giải pháp đề xuất chủ yếu hoàn thiện về phần cứng, các mô hình tính toán chuyên nghành (phần mềm) có thể chỉ dừng lại ở minh chứng khả năng làm việc của hệ thống. Ứng dụng và phát triển được giải pháp mô hình trạm khí tượng thủy lợi thông minh phục vụ hiện đại hóa quản lý và vận hành các hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ trong điều kiện biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: 20436

84822.02-2023 **Nghiên cứu cập nhật phương pháp tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế cho các công trình thủy lợi**/ PGS. TS. Hoàng Thanh Tùng, GS.TS. Hà Văn Khối; PGS.TS. Nguyễn Mai Đăng; PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn; PGS.TS. Ngô Lê An; TS. Nguyễn Thị Thu Nga; TS. Vũ Thị Minh Huệ; TS. Nguyễn Thị Thu Hà; PGS.TS. Ngô Lê Long; TS. Vũ Thanh Tú - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi, 2021; 01/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập, phân tích tài liệu, điều tra và thu thập số liệu quan trắc khí tượng thủy văn trong giai đoạn vận hành tại các công trình thủy lợi và đánh giá sự phù hợp của các phương pháp tính toán trong thiết kế. Phân tích đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố khí hậu và mặt đệm đến các đặc trưng thủy văn thiết kế và nghiên cứu phân vùng mưa rào, phân vùng thủy văn phục vụ cho xây dựng tiêu chuẩn tính toán. Nghiên cứu tổng quan tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế cho các công trình thủy lợi trên Thế giới và ở trong nước. Nghiên cứu xây dựng phương pháp tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế trên cơ sở kế thừa có chọn lọc QPTL C6-77 nhưng bổ sung thêm các phương pháp tính mới, cập nhật lại các bảng tra phụ trợ, bổ sung thêm phần tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế cho công trình nằm trong hệ thống, cho vùng sông ảnh hưởng của triều, tính toán các đặc trưng mưa cực hạn (PMP) và lũ cực hạn (PMF) và nghiên cứu xây dựng phương pháp tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế khi xét đến BĐKH. Xây dựng dự thảo Tiêu chuẩn tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế cho các công trình thủy lợi (thay thế QPTL C6-77) và các phụ lục phù trợ tính toán (bảng tra, đường cong, quan hệ....). Thử nghiệm tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế theo các phương pháp trong Dự thảo tiêu chuẩn mới.

Số hồ sơ lưu: 20881

20201. Kỹ thuật điện và điện tử

84459.02-2023 **Nghiên cứu chế tạo vật liệu trên cơ sở thiếc ứng dụng làm vật liệu điện cực dung lượng cao cho nguồn điện hiện đại**/ TS. Lê Thị Thu Hằng, ThS. Đặng Việt Anh Dũng; PGS. TS. Đặng Trung Dũng; PGS. TS. Hoàng Thị Bích Thủy; TS. Bùi Thị Thanh Huyền - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hóa học - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2021; 08/2018 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chế tạo liệu composite của oxit thiếc-mesoporous các bon cho dung lượng cao và tuổi thọ phóng nạp lớn và nghiên cứu ứng dụng vào các thiết bị tích trữ năng lượng hiện đại như siêu tụ và ắc quy ion liti. Từ đó xây dựng được quy trình chế tạo vật liệu trong quy mô phòng thí nghiệm. Chế tạo vật liệu mang mesoporous các bon sử dụng kỹ thuật thấm ướt. Tổng hợp vật liệu thiếc oxit cí kích thước hạt cỡ nanomet phân tán bên trong vật liệu mang mesoporous các bon. Xác định đặc trưng hình thái cấu trúc, đặc tính lý hóa, đặc tính hóa của vật liệu tổng hợp . Ứng dụng vật liệu

composit làm vật liệu điện cực anot cho ắc quy ion liti. Ứng dụng vật liệu composit làm vật liệu điện cực cho siêu tụ.

Số hồ sơ lưu: 20712

84461.02-2023 **Một phương pháp mới để nâng cao hiệu quả làm việc cho các bộ khuếch đại công suất bán dẫn siêu cao tần**/ TS. Lương Duy Mạnh, PGS.TS. Trần Xuân Nam; TS. Tạ Chí Hiếu; TS. Nguyễn Huy Hoàng; TS. Trần Thị Thu Hương; TS. Đào Thanh Toản; ThS. Bùi Quốc Doanh; ThS. Võ Quang Sơn - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2021; 12/2018 - 05/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nâng cao đồng thời các tính năng thiết yếu của bộ khuếch đại công suất bán dẫn siêu cao tần như hiệu suất, độ tuyến tính, công suất ra và dải thông dựa trên kỹ thuật phân áp độc lập sao cho các bộ khuếch đại có thể hoạt động tốt được ở chế độ đỉnh và chế độ tuyến tính. Phát triển nhóm nghiên cứu mạnh trong lĩnh vực RF và kỹ thuật siêu cao tần, đặc biệt trong lĩnh vực thiết kế và chế tạo các hệ thống siêu cao tần. Hướng dẫn việc đóng góp vào sự phát triển các nghiên cứu trong lĩnh vực kỹ thuật siêu cao tần ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20690

84830.02-2023 **Nghiên cứu rà soát danh mục thiết bị vô tuyến điện có khả năng gây nhiễu có hại bắt buộc phải chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy tại Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Mai, ThS. Nguyễn Phương Đông; ThS. Ngô Quốc Hưng; ThS. Nguyễn Đình Tuấn; ThS. Nguyễn Thanh Thủy; ThS. Vũ Sơn Tùng; ThS. Đoàn Minh Trang; KS. Nguyễn Ngọc Nam; KS. Bùi Chiến Thắng; KS. Tống Duy Minh - Hà Nội - Cục Tần số vô tuyến điện, 2021; 01/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đánh giá thực trạng đo kiểm thiết bị vô tuyến điện tại Việt Nam. Xử lý nhiễu có hại từ thiết bị vô tuyến điện tại Việt Nam. CHiện trạng quản lý thiết bị vô tuyến điện bắt buộc phải chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy. Nghiên cứu rà soát xu thế quản lý, chuẩn hóa thiết bị vô tuyến điện. Đề xuất danh mục thiết bị vô tuyến điện có khả năng gây nhiễu có hại bắt buộc phải chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy.

Số hồ sơ lưu: 20900

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..

84467.02-2023 **Kỹ thu ật thuỷ vân bền vững trên miền tần số tích hợp trong ứng dụng bảo v ệ bản quyền sản phẩm số** / PGS. TS. Tạ Minh Thanh , TS. Huỳnh Ngọc Tú ; TS. Cao Thị Luyên ; KS. Phương Thị Nhã; ThS. Lê Danh Tài - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2022; 09/2019 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nâng cao tính bền vững của thông tin bản quyền; Cải thiện chất lượng của sản phẩm số sau khi nhúng thủy vân; Tăng cường hiệu năng giấu thông tin và trích rút thông

tin thủy vân; Cải thiện khả năng giấu thông tin thủy vân trên miền tần số thích hợp. Đề xuất đánh giá những miền tần số tích hợp phù hợp với kỹ thuật thủy vân bền vững ứng dụng trên các sản phẩm số. Xác định hạn chế và ưu điểm của các giải pháp thủy vân bền vững dựa trên một số miền tần số hiện nay. Đề xuất các giải pháp thủy vân mới trên miền tần số tích hợp để cải thiện chất lượng của các giải pháp đã đề xuất nhằm đạt được chất lượng cao cho sản phẩm số bản quyền và hiệu năng xử lý cho nhúng và trích rút thông tin đạt tốc độ cao.

Số hồ sơ lưu: 20686

84496.02-2023 **Nghiên cứu xây dựng các tiêu chí bảo đảm an toàn cho các thiết bị IoT.**/ ThS. Đinh Văn Kết, ThS. Hoàng Minh Tiến, ThS. Trần Đăng Khoa, ThS. Trần Nguyên Chung; ThS. Nguyễn Thị Hồng Thu; ThS. Hoàng Hồng Anh; ThS. Phạm Thị Hồng Nhung; ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy; KS. Lê Minh Tuấn; CN. Văn Thị Hoàng Ngân - Hà Nội - Cục An toàn thông tin, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá an toàn thông tin cho các thiết bị IoT nói chung, camera giám sát thông minh nói riêng nhằm hỗ trợ công tác đánh giá, kiểm tra an toàn thông tin đối với các thiết bị. Trên cơ sở đó giúp kiểm soát, đánh giá an toàn của các thiết bị IoT, camera giám sát thông minh giảm thiểu nguy cơ về an toàn thông tin. Hệ hống hóa xây dựng bộ tiêu chí bảo đảm an toàn thông tin đối với thiết bị IoT nói chung, camera giám sát thông minh nói riêng; Đề xuất một số phương pháp an toàn thông tin chung cho các sản phẩm, thiết bị IoT; Đề xuất một số phương pháp đo kiểm, đánh giá dựa trên các tiêu chí cơ bản đã đề xuất đối với camera giám sát thông minh.

Số hồ sơ lưu: 20693

85483.02-2023 **Xây dựng hệ thống trả lời tự động về tư vấn tuyển sinh sau đại học tại trường đại học công nghiệp thực phẩm TP Hồ Chí Minh**/ ThS. Trần Thanh Trâm, Trần Thanh Phước; Văn Thế Thành; Nguyễn Thị Anh Thư - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu và xây dựng hệ thống trả lời tự động cho nghiệp vụ tuyển sinh Sau đại học theo hướng học sâu. Với hệ thống này, học viên hoàn toàn tiếp cận được thông tin cơ bản của nghiệp vụ tuyển sinh Sau đại học mà không cần phải tốn công đến trường tìm hiểu, không cần phải trực tiếp hỏi hoặc gọi điện cho nhân viên phòng đào tạo Sau đại học trong giờ hành chính. Xây dựng được một hệ thống trả lời tự động cho nghiệp vụ tư vấn tuyển sinh Sau đại học Trường ĐH CNTP TPHCM. Sử dụng hai mô hình chủ đạo là phân loại ý định (Intent classification) và máy đọc hiểu văn bản (machine reading comprehension) để xây dựng hệ thống trả lời tự động này. Ngoài ra, chúng tôi cũng đã xây dựng đượckho dữ liệu tương đối lớn bằng cách dịch từ Anh sang Việt kho ngữ

liệu SQuAD v1.1 dựa trên Google Translate.

Số hồ sơ lưu: HCM-093-2022

85486.02-2023 **Nghiên cứu thiết kế; chế tạo và điều khiển mô hình robot lặn có khả năng khảo sát ngầm và lấy mẫu nước phục vụ quan trắc môi trường**/ TS. Trần Ngọc Huy, TS. Tôn Thiện Phương; KS. Nguyễn Tứ Cường; KS. Lê Mạnh Cầm; KS. Huỳnh Mạnh Diễn; SV. Lê Thế Cường - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 12/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thiết kế và chế tạo mô hình robot lặn khảo sát ngầm và lấy mẫu nước phục vụ quan trắc môi trường có kích thước nhỏ gọn, giá thành thấp, dễ vận hành cho người sử dụng. Robot có các chức năng sau: lặn nổi giữ độ sâu, điều khiển bằng tay quan sát ngầm, lấy mẫu nước ở các độ sâu khác nhau và hỗ trợ thay thế người lặn trong nhiệm vụ quan trắc môi trường nước. Khảo sát tình hình nghiên cứu ROV thực hiện nhiệm vụ khảo sát ngầm, lấy mẫu nước ứng dụng trong quan trắc môi trường tại Việt Nam và trên Thế Giới. Phân tích lựa chọn các phương án thiết kế ROV phù hợp với các ứng dụng đề xuất. Tính toán, thiết kế chi tiết, lập bản vẽ chi tiết cho ROV. Mô hình hoá trên máy tính, đánh giá, kiểm tra và hiệu chỉnh bền của kết cấu ROV.Tính toán, phân tích mô hình toán động học/động lực học cho ROV. Nghiên cứu và xây dựng thuật toán điều khiển cho ROV. Thiết kế và chế tạo hệ thống điều khiển cho mô hình ROV. Chế tạo, lắp ráp, chạy thử nghiệm, hiệu chỉnh hoạt động và hoàn thiện ROV.

Số hồ sơ lưu: HCM-092-2022

85518.02-2023 **Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong bài toán giám sát an ninh tại Trung tâm dịch vụ Ký túc xá Bách Khoa -Trường Đại học Bách Khoa, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh**/ TS. Dương Ngọc Hiếu, - TP. Hồ Chí Minh - Trung Tâm Kỹ Thuật Điện Toán, Trường Đại học Bách Khoa, ĐHQG TP.HCM, 2021; 11/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tại Trung tâm dịch vụ Ký túc xá Bách Khoa -Trường ĐH Bách Khoa, ĐHQG-HCM và hiện trạng lắp đặt camera. Từ đó đánh giá khả năng triển khai đề tài giám sát an ninh thông qua hệ thống camera sử dụng kỹ thuật trí tuệ nhân tạo. Nghiên cứu giải pháp quản lý video - VMS (Video Management System). Nghiên cứu các phương pháp học sâu phát hiện khuôn mặt trong video và nhận diện đối tượng thông qua ảnh khuôn mặt phát hiện được; cũng như phát hiện đối tượng và xác định giới tính của đối tượng trong video. Thực hiện lấy mẫu dữ liệu và huấn luyện các mô hình học sâu được lựa chọn.

Số hồ sơ lưu: HCM-118-2022

85547.02-2023 **Nghiên cứu và xây dựng giải pháp điểm danh không dây bằng việc kết hợp đầu đọc RFID và Raspberry**/ KS. Bạch

Văn Lắm, CN. Dương Trần Hà Phương; CN. Phạm Vĩnh Toàn; Lương Công Tâm; Đặng Lê Tiến Hưng; Phan Nguyễn Trúc Phương; Lưu Hoàng Anh Khôi; Lê Văn Cường - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu bộ đầu đọc tín hiệu RFID và antena tích hợp board Raspberry PI. Tìm hiểu về thẻ từ RFID, qua đó đưa ra các trường hợp giả định thẻ từ bị làm giả làm sai lệnh thông tin. Tìm hiểu, cấu hình và xử lý dữ liệu truyền của bộ đầu đọc và antena tích hợp board Raspberry PI. Tìm hiểu các biện pháp bảo mật hệ thống, mã hóa dữ liệu, tránh bị hacker xâm nhập hệ thống. Nhằm đảm bảo dữ liệu được lưu trên server là chính xác và an toàn. Thu thập biểu mẫu có liên quan đến việc lưu trữ dữ liệu; Phân tích và thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu lưu trữ trên server. Nghiên cứu phương pháp kiểm tra hệ thống khi triển khai với nhiều quy mô khác nhau.

Số hồ sơ lưu: HCM-106-2022

20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông

84171.02-2023 **Nghiên cứu, xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị đầu cuối 5G**/ TS. Nguyễn Phi Tuyến, Nguyễn Xuân Hải; Nguyễn Huy Tiệp; Vũ Trọng Đại; Lê Đức Cường; Nguyễn Triệu Khải; Hà Thị Thảo Linh; Nguyễn Đăng Hiếu - Hà Nội - Cục Viễn thông, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Công nghệ mạng 5G tại Việt Nam rất được quan tâm và có những bước đầu thử nghiệm thành công. Dự kiến sớm được thương mại hóa trong thời gian tới để thúc đẩy chuyển đổi số thành công tại Việt Nam. Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị đầu cuối 5G sẽ cần thiết để hỗ trợ công tác quản lý nhà nước, và thúc đẩy công tác sản xuất thiết bị đầu cuối 5G trong nước cũng như công tác quản lý chất lượng thiết bị đầu cuối 5G khi nhập khẩu vào thị trường Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20475

84844.02-2023 **Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung bộ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ của mạng cáp phân phối tín hiệu truyền hình**/ ThS. Lê Văn Tuyên, ThS. Nguyễn Phương Đông; ThS. Trương Công Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Minh Hường; ThS. Lương Xuân Trường; ThS. Vũ Sơn Tùng - Hà Nội - Cục Tần số vô tuyến điện, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thực trạng công nghệ của mạng cáp phân phối tín hiệu truyền hình; Tình hình áp dụng và nhu cầu sửa đổi, bổ sung bộ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ của mạng cáp phân phối tín hiệu truyền hình (QCVN 71:2013/BTTTT); Tình hình chuẩn hóa về tương thích điện từ của mạng cáp phân phối tín hiệu truyền hình của các tổ chức và quốc gia trên thế giới; Thử nghiệm về tương thích điện từ của mạng cáp phân phối tín hiệu truyền hình; Đề xuất nội dung

cần dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ của mạng cáp phân phối tín hiệu truyền hình.

Số hồ sơ lưu: 20907

20205. Viễn thông

84073.02-2023 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống IoT phục vụ công tác giám sát chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông di động**/ ThS. Trần Hoàng Diệu, PGS. TS. Vũ Văn San; ThS. Chu Tuấn Linh; ThS. Hà Quang Đức; ThS. Lê Đức Vượng; KTV. Đỗ Thị Nhàn - Hà Nội - Viện khoa học kỹ thuật bưu điện, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Sử dụng các giải pháp phân tích IoT tùy chỉnh hoặc chọn từ các giải pháp phân tích IoT hàng đầu hiện có trên thị trường để tích hợp nó với các ứng dụng IoT theo nhu cầu của doanh nghiệp. Xây dựng ứng dụng IoT phục vụ công tác giám sát chất lợợng mạng lưới đồng thời nghiên cứu giải pháp ứng dụng tự động hóa cấu hình để tự động đáp ứng và thích ứng băng thông dịch vụ cho các nút mạng viễn thông.

Số hồ sơ lưu: 20432

84081.02-2023 **Nghiên cứu xây dựng các tiêu chí kỹ thuật và phương pháp đánh giá chất lượng dịch vụ thoại VoLTE.**/ ThS. Trần Trung Phong, KS. Đào Đức Dương; ThS. Trịnh Bảo Khánh - Hà Nội - Viện khoa học kỹ thuật bưu điện, 2022; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Dịch vụ viễn thông nâng cao chất lượng dịch vụ thoại để cạnh tranh hiệu quả với các ứng dụng thoại qua IP như OTT, tạo ra đối trọng đáng kể trên mạng băng rộng di động và qua đó tác động tích cực đến các dịch vụ khác. VoLTE nâng cao trải nghiệm người dùng cuối bằng cách cung cấp chất lượng trải nghiệm (QoE) tốt hơn. VoLTE giảm thiểu gián đoạn dịch vụ dữ liệu 4G và duy trì trải nghiệm dữ liệu LTE trong quá trình thực hiện cuộc gọi thoại, khác với trường hợp CSFB thì phiên dữ liệu thường bị ngắt hoặc bị gián đoạn khi thực hiện cuộc gọi thoại. Kết hợp dịch vụ thoại chất lượng cao ngày nay với các kịch bản sử dụng mới nổi sẽ mang lại giá trị lâu dài cho các nhà khai thác, người tiêu dùng và người dùng doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 20434

84082.02-2023 **Nghiên cứu các giải pháp bảo mật trong mạng cảm biến không dây (WSN) phục vụ xây dựng đô thị thông minh.**/ ThS. Trần Huy Long, Trần Thiện Chính; Thái Minh Quân; Ngô Thị Mỹ Hà; Từ Thị Thu Trang; Vũ Hồng Sơn; Nguyễn Mạnh Hùng - Hà Nội - Viện khoa học kỹ thuật bưu điện, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các giải pháp bảo mật trong mạng cảm biến không dây (WSN) ứng dụng trong việc xây dựng đô thị thông minh của các nước trên thế giới, đồng thời nghiên cứu các cơ chế chính sách và đặc điểm công nghệ ở nước ta nhằm đưa ra các giải pháp bảo mật trong mạng cảm biến không dây (WSN) phục vụ xây dựng đô thị thông minh tại Việt

Nam trong thời kỳ mới là rất cần thiết. Đề xuất giải pháp bảo mật trong mạng cảm biến không dây nhằm tăng cường bảo mật, góp phần xây dựng khung tham chiếu về an toàn an ninh bảo mật phục vụ xây dựng đô thị thông minh ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20433

84489.02-2023 **Nghiên cứu, rà soát và hoàn thiện các bộ quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện, thiết bị vô tuyến băng tần 5GHz và chất lượng dịch vụ IPTV**/ ThS. Nguyễn Ngọc Hải, Lê Xuân Công; Trần Quang Cường; Đỗ Xuân Bình; Đinh Trọng Tuệ; Nguyễn Thị Ngọc Trang; Đăng Trần Kiên - Hà Nội - Vụ Khoa học và Công nghệ, 2021; 02/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ IPTV trên mạng viễn thông cố định mặt đất có trách nhiệm thực hiện cam kết, công bố hợp quy chất lượng dịch vuju theo quy chuẩn này và các quy định hiện hành. Dự thảo quy chuẩn Việt Nam quy định rõ trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai quản lý là phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử và các Sở Thông tin và Truyền thông. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu an toàn ddienj cho thiết bị đầu cuối kết nối mạng viễn thông và công nghệ thông tin đã được xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn IEC 62949:2017 của Ủy ban Kỹ thuật điện quốc tế (IEC). Nghiên cứu xem xét, tiếp thu để hoàn thiện dự thảo QCVN theo các ý kiến cơ quan, doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 20691

20302. Chế tạo máy nói chung

84098.02-2023 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thiết bị thử nghiệm chất lượng hình in trên sản phẩm dệt may phù hợp tiêu chuẩn DS096**/ KS. Nguyễn Thanh Tuyến, ThS. Nguyễn Văn Chất; KS. Lê Hồng Tâm; ThS. Lê Văn Tùng; Trương Hoá; ThS. Nguyễn Phí Thảo Linh; Lê Minh Tuấn - Hà Nội - Công ty Cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May, 2021; 09/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nhằm tăng cường khả năng chủ động của nhóm nghiên cứu trong việc nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy móc thiết bị và cung cấp máy móc thiết bị đặc dụng cho ngành dệt may trong nước với tỷ lệ nội địa hóa cao. Làm chủ công nghệ chế tạo thiết bị thử nghiệm chất lượng hình in trên sản phẩm dệt may phù hợp tiêu chuẩn DS096. Nghiên cứu tìm hiểu tiêu chuẩn phương pháp thử nghiệm và đánh giá chất lượng hình in trên sản phẩm dệt may, phân tích đánh giá các thông số và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng hình in. Tìm hiểu một số thiết bị hiện có trên thế giới, phân tích đánh giá ưu nhược điểm, từ đó làm cơ sở cho việc nghiên cứu thiết kế chế tạo máy.

Số hồ sơ lưu: 20447

85513.02-2023 **Nghiên cứu, thiết kế hệ thống kiểm tra và điểm hỏa pháo hoa**/ KS. Nguyễn Tuấn Hoàng, Nguyễn Thành Nhiệm; Vũ Nam Sơn; Nguyễn Tất Thắng; Trần Minh Huy; Nguyễn Văn Dũng; Nguyễn Văn Được; Phạm Hữu

Thuận - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hệ thống kiểm tra giúp rút ngắn được thời gian, công sức của cán bộ kỹ thuật. Một ưu điểm nữa, đó là vật liệu sản xuất thiết bị dễ kiếm, giá thành phù hợp với điều kiện của đơn vị, có thể dễ dàng gia công, sử dụng đơn giản, thuận tiện trong quá trình bảo quản, bảo dưỡng thiết bị. Đề tài này góp phần nâng cao độ tin cậy trong quá trình kiểm tra, đánh giá chính xác chất lượng, khả năng làm việc của hệ thống điểm hỏa, tạo độ tin cậy cao cho buổi trình diễn pháo hoa… Khảo sát, thu thập và phân tích các thông tin có liên quan; Xây dựng nguyên lý hoạt động và các chỉ tiêu kỹ thuật chung của hệ thống; Tính toán, thiết kế hệ thống điều khiển.

Số hồ sơ lưu: HCM-120-2022

85569.02-2023 **Thiết kế, chế tạo và ứng dụng máy in 3D khổ lớn tích hợp scanner 3D**/ ThS. Phạm Quốc Phương, KS. Trần Minh Tân; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Lâm; TS. Nguyễn Hữu Cường; TS. Trần Viết Thắng; ThS. Phạm Bá Khiển; TS. Đoàn Thị Bằng; ThS. Trần Minh Nhật; KS. Nguyễn Văn Chiến Thắng; Hoàng Thị Ngọc Bích; KS. Phan Nguyễn Tiến Nam; ThS. Lê Trường Giang; KS. Trần Viết Tâm - TP. Hồ Chí Minh - Phân Viện Nghiên cứu Điện tử, Tin học, Tự động hoá tại TP.HCM, 2021; 12/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thiết kế, chế tạo và ứng dụng thử nghiệm máy in 3D khổ lớn, cho phép tạo các vật mẫu kích thước lớn. Các thông số chính như sau: Công nghệ in FDM; Kích thước: LxWxH: 1200x610x1200 (mm); Độ phân giải trục: X, Y, Z : 5, 10, 1 (µm) ; Tốc độ in: 150 mm/s; Chiều cao lớp in: 50-800 µm ; Vật liệu in PLA, ABS; File in: G-code, STL file; Kết nối máy in 3D và dữ liệu; Thiết kế, chế tạo hệ thống quét 3D sản phẩm mẫu, xử lý và tạo dữ liệu hoàn chỉnh cho máy in 3D tạo ra sản phẩm. Các thông số chính như sau: Công nghệ: quét Laser; Kích thước máy: 1200(X) x 1500(Y) x 800(Z) mm; Kích thước tối đa mẫu quét: 600 x 600 x 600 mm; Tốc độ quét tối đa: 0,2 rpm; Độ chính xác: 0,1 mm; Tích hợp máy quét 3D với máy in 3D tạo ra một hệ thống liên tục từ quét ảnh, xử lý file dữ liệu ảnh và định dạng chuẩn cho máy in 3D và in ấn ra sản phẩm một cách tự động.

Số hồ sơ lưu: HCM-010-2022

20303. Chế tạo máy công cụ

85535.02-2023 **Nghiên Cứu Thiết Kế, Chế Tạo Và Ứng Dụng Bộ Điều Khiển Cho Máy Phay CNC 4 Trục**/ TS. Bùi Thanh Luân, KS. Nguyễn Văn Tiền; KS. Trần Hoàng Giang; KS. Nguyễn Trung Vinh; CN. Thạch Trung Hoàng; KS. Nguyễn Phạm Hoàng; KS. Đinh Anh Tuấn; KS. Đỗ Đức Đạt; KS. Đoàn Anh Vĩ; CN. Nguyễn Văn Khoa - TP. Hồ Chí Minh - Công Ty TNHH Cơ Điện Tử Hiệp Phát, 2021; 11/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Chế tạo ra bộ điều khiển máy phay CNC 4 trục hoạt động tốt, sản xuất hàng loạt và thương mại tạo ra sản phẩm công nghệ cao, có mức nội địa hóa cao, giá thành thấp hơn thiết bị ngoại nhập, giúp chủ động trong sản xuất. Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo bộ điều khiển cho máy phay CNC 4 trục với đầy đủ các tính năng như của bộ điều khiển Syntec 6MA của hãng Syntec (Đài Loan), hoạt động tốt trong công nghiệp và thương mại hóa. Thiết kế và chế tạo thành công bộ điều khiển cho máy CNC 4 trục với 10 sản phẩm hoạt động ổn định

Số hồ sơ lưu: HCM-113-2022

20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp

85599.02-2023 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hệ thống dây chuyền cân động điện tử, phân loại trái cây**/ TS. Đào Văn Phượng, - TP. Hồ Chí Minh - Cao đẳng công thương Tp. Hồ Chí Minh, 2020; 05/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hệ thống thiết bị cân động điện tử dùng đề cân xác định trọng lượng trên dây chuyền hoạt động liên tục để vừa in phân loại, dán nhãn phân loại trái cây Bưởi da xanh và Dưa hấu dài. Có khả năng tháo rời các mô đun cấp liệu; Cân động; Phân loại; Hệ thống điều khiển. Có khả năng hoạt động tại mọi vị trí địa hình bằng phẳng và điều kiện thời tiết phù hợp. Nghiên cứu, thiết kệ hệ thống tự động điều khiển toàn hệ thống và giao tiếp truyền dữ liệu về máy tính. Thử nghiệm thiết bị phối hợp với công ty TNHH VANDA dựa theo thông số cân phân loại khối lượng và tiêu chuẩn phân loại, dán nhãn của công ty.

Số hồ sơ lưu: HCM-004-2022

20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng

84070.02-2023 **Nghiên cứu tính chất v ật liệu tổ hợp graphen với chacogenua kim loại chế tạo b ằng phương pháp bóc tách plasma cường hóa định hướng ứng dụng trong tích trữ và chuyển hóa năng lượng**/ TS. Phan Ngọc Hồng, GS. TS. Phan Hồng Khôi; TS. Nguyễn Tuấn Hồng; ThS. Nguyễn Thị Hải Yến; KTV. Phạm Nam Thắng; CN. Đặng Nhật Minh; CN. Phạm Thị Thanh Tâm; ThS. Nguyễn Đình Dũng - Hà Nội - Trung tâm Phát triển công nghệ cao, 2022; 09/2018 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo thành công, nghiên cứu tính chất của tổ hợp vật liệu tổ hợp graphen và chacogenua kim loại chuyển tiếp bằng phương pháp bóc tách plasma cường hóa. Khảo sát, đánh giá khả năng ứng dụng của tổ hợp vật liệu chế tạo được trong lĩnh vực chuyển đổi và tích trữ năng lượng. Nghiên cứu cơ chế hình thành tổ hợp vật liệu làm cơ sở tiền đề mở rộng vùng chế tạo sang các họ vật liệu tổ hợp khác. Cải tiến quy trình PE3P để đạt hiệu suất cao hơn và nâng cao chất lượng vật liệu tổ hợp tạo thành. Khảo sát ứng dụng vật liệu tổ hợp graphen/TMC trong chuyển đổi, lưu trữ năng lượng và một số lĩnh vực khác.

Số hồ sơ lưu: 20424

84092.02-2023 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và đưa vào vận hành hệ thống thải tro xỉ đồng bộ cho nhà máy nhiệt điện đốt than phun có công suất tổ máy đến khoảng 600 MW**/ ThS. Nguyễn Chí Cường, KS. Nguyễn Hoàng Giang; KS. Nguyễn Hữu Lương; KS. Tô Việt Anh; KS. Đinh Xuân Ngọc; KS. Nguyễn Văn Toàn; ThS. Vũ Thanh Bình; KS. Bùi Thái Sơn; KS. Nguyễn Anh Tuấn; CN. Nguyễn Thị Minh Tâm - Hà Nội - Viện nghiên cứu cơ khí, 2021; 01/2016 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ thiết kế, chế tạo, lắp đặt, vận hành hệ thống thải tro xỉ đồng bộ cho nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1 có công suất 2x300 MW, có lượng tro xỉ thải ra và các thông số kỹ thuật tương đương với nhà máy nhiệt điện có công suất tổ máy đến khoảng 600 MW theo mục tiêu và Quyết định 1791/ QĐTTg. Chế tạo được 01 hệ thống thải tro xỉ, lắp đặt và đưa vào vận hành tại nhà máy nhiệt điện Thái Bình. Đã thiết kế hệ thống thải tro xỉ mà quy trình công nghệ chế tạo phù hợp với điều kiện Việt Nam. Sản phẩm đã ứng dụng tại nhà máy nhiệt điện than Thái Bình 1, và hiện đang tiếp tục được lắp đặt, ứng dụng thành công tại nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2.

Số hồ sơ lưu: 20442

84470.02-2023 **Phát triển mô hình tích hợp dựa trên học máy để dự báo năng lượng tiêu thụ trong các tòa nhà phi dân cư hướng đến phát triển bền vững**/ TS. Ngô Ngọc Tri, PGS.TS. Phạm Anh Đức; TS. Huỳnh Nhật Tố; TS. Phạm Minh Tuấn; ThS. Trương Thị Thu Hà; ThS. Trương Ngọc Sơn - Đà Nẵng - Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng, 2022; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tập trung nghiên cứu xây dựng mô hình tích hợp dựa trên học máy và thuật toán tối ưu siêu khám phá để dự báo năng lượng tiêu thụ của ác công trình phi dân cư. Cụ thể thuật toán tối ưu siêu khám phá được tích hợp với học máy để nâng cao độ chính xác dự báo và độ tin cậy của mô hình đề xuất. Tính hiệu quả của mô hình đề xuất được kiểm chứng thông qua việc phân tích và so soánh với các mô hình học máy khác. Từ kết quả dự báo các quản lý tòa nhà hay người dùng có thể cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng của các thiết bị điện, hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng và điều hòa không khó trong tòa nhà phi dân cư.

Số hồ sơ lưu: 20680

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)

84486.02-2023 **Nghiên cứu K-phytolith tạo tiền đề phát triển kali sinh học thay thế cho phân bón kali hóa học**/ PGS. TS. Nguyễn Ngọc Minh, TS. Trần Văn Sơn; TS. Nguyễn Minh Phương; ThS. Nguyễn Xuân Huân; CN. Đào Thị Hoan; CN. Nguyễn Thị Vân - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021; 04/2019 - 02/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Triển khai các thí nghiệm xác định sự hình thành, mức độ tích lũy K-phytolith trong thực vật và mức độ tích lũy K-phytolith trong đất. Nghiên cứu đặc tính của K-phytolith: K có thể cùng với chất hữu cơ bị "khóa, giam giữ" trong cấu trúc phytolith. Nghiên cứu tốc độ hòa tan, phân giải K-phytolith. Triển khai một số nghiên cứu trường hợp (case study) liên quan đến K-phytolith nhằm phát triển vật liệu giàu K-phytolith, đề xuất các biện pháp quản lý, sử dụng hiệu quả hơn nguồn K-phytolith sẵn có trong sinh khối và trong môi trường đất, và tìm kiếm một số ứng dụng khác trong lĩnh vực nông nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 20668

20403. Kỹ thuật hoá dược

85597.02-2023 **Nghiên cứu điều chế các dạng chế phẩm từ cây Lan Kim Tuyến (*Anoectochillus formosanus* Hayata.)**/ TS. Lê Minh Quân, PGS. TS. Lê Hậu; TS. Nguyễn Thị Hải Yến; ThS. Lê Thị Hồng Vân; TS. Vũ Thanh Thảo; ThS. Nguyễn Công Phi; TS. Đỗ Đăng Giáp; ThS. Tạ Quang Vượng; KS. Nguyễn Thị Linh Giang - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Khoa học công nghệ Dược Sài Gòn, 2020; 11/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mô tả thực vật lan kim tuyến và tiêu chuẩn hóa nguyên liệu đầu vào cho nghiên cứu. Nghiên cứu định lượng kinsenoside và polysaccharide toàn phần có trong dược liệu lan kim tuyến. Xây dựng và tối ưu hóa quy trình chiết xuất cao định chuẩn theo định hướng tác dụng sinh học. Khảo sát tác dụng bảo vệ gan và chống đái tháo đường in vivo của cao định chuẩn.

Số hồ sơ lưu: HCM-006-2022

20502. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen

84487.02-2023 **Nghiên cứu đổi mới công nghệ chế tạo một số sản phẩm điển hình từ hợp kim nhôm và hợp kim kẽm nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu trong nước, tham gia thị trường Quốc tế**/ KS. Lê Thị Thanh Hằng, Lê Thị Thanh Hằng; Nguyễn Minh Chi; Trương Thị Mỹ Hạnh; Trần Ngọc Thiết; Trần Văn Huy; Lê Trung Kiên; Nguyễn Thanh Trà; Lưu Việt Chung; Nguyễn Đức Thường; Đỗ Văn Thành; Phan Mạnh Thành; Triệu Văn Lục; Vũ Quý Hóa; Đỗ Văn Sơn; Nguyễn Văn Phương; Lê Sơn Đông; Đàm Thê Hiệu; Nguyễn Trần Khánh; Nguyễn Trọng Toại; Đinh Trần Đăng; Vũ Quang Vinh; Bùi Tuấn Anh - Hà Nội - Công ty TNHH sản xuất phụ tùng ôtô xe máy Hưng Yên, 2020; 12/2016 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đổi mới công nghệ nấu luyện, sử dụng nhôm phế liệu để chế tạo chi tiết nhôm đúc đạt yêu cầu về thành phần, cơ tính. Nâng cao năng lực thiết kế và chế tạo khuôn đạt tuổi thọ tương đương các nước khu vực (cấp 2). Hoàn thiện quy trình công nghệ chế tạo gồm đúc áp lực cao và gia công cơ khí các chi tiết điển hình đạt yêu cầu chất lượng tương đương cấp khu vực. Áp dụng công nghệ xử

lý bề mặt để đáp ứng nâng cao chất lượng sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 20674

20507. Vật liệu xây dựng

84096.02-2023 **Nghiên cứu đặc tính kháng mỏi của bê tông nhựa nóng dùng cho lớp mặt dưới và lớp móng trong kết cấu áo đường ô tô**/ TS. Nguyễn Văn Thành, ThS. Ngô Văn Tân; ThS. Trần Trung Dũng; ThS. Đặng Minh Hoàng; ThS. Lê Anh Tuấn; ThS. Dương Minh Tuấn. KS. Đặng Trường Giang; ThS. Nguyễn Văn Chường; ThS. Nguyễn Trọng Hiệp; KS. Nguyễn Hữu Quyền; KS. Nguyễn Trọng Tuyến - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, 2022; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá đặc tính kháng mỏi của một số loại bê tông nhựa nóng dùng cho lớp mặt dưới và lớp móng trong kết cấu áo đường mềm của đường ô tô nhằm định hướng cho việc lựa chọn loại bê tông nhựa phù hợp. Nghiên cứu phương pháp thiết kế kết cấu áo đường mềm, phương pháp thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa có xét đến đặc tính mỏi của bê tông nhựa. Lựa chọn mô hình, thông số thí nghiệm và các yếu tố ảnh hưởng chính đến đặc tính mỏi của bê tông nhựa phục vụ cho nghiên cứu thực nghiệm. Thực nghiệm trong phòng bê tông nhựa dùng cho lớp mặt dưới và lớp móng.

Số hồ sơ lưu: 20445

84513.02-2023 **Phát triển mô hình dầm và tấm composite trong môi trường tải trọng cơ – nhiệt – độ ẩm**/ PGS. TS. Nguyễn Trung Kiên, TS. Châu Đình Thành; TS. Nguyễn Văn Hậu; ThS. Nguyễn Ngọc Dương; ThS. Nguyễn Bá Duy - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ CHí Minh, 2021; 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng và phát triển mô hình dầm và tấm composite trong môi trường tải trọng cơ học - nhiệt độ và độ ẩm. Phát triển mô hình dầm và tấm composite biến dạng cắt bậc caoduwaj trên nền tảng lý thuyết đàn hồi; Phát triển mô hình dầm và tấm vi phân cấu trúc với các điều kiện biên khác nhau; Phát triển lời giải giải tích cho phân tích ứng xử dầm và tấm composite trong đó tiết diện composite thành mỏng được kể đến; Phát triển lời giải phần tử hữu hạn trơn MITC3 cho phân tích phi tuyến hình học tấm composite.

Số hồ sơ lưu: 20684

20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)

85572.02-2023 **Nghiên cứu tổng hợp vật liệu polyme/oligomer cấu trúc liên hợp phát quang hướng ứng dụng làm cảm biến trong việc phát hiện chất gây cháy nổ họ nitro-aromatic**/ PGS. TS. Nguyễn Trần Hà, - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, 2020; 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng hợp các monomer pyrene-phenothiazine, pyrene-phenoloxazine và trisbromo

triphenylamine. Tổng hợp, phân tích và đánh giá oligomer liên hợp dạng hình 3 sao từ triphenyl amine kết hợp với 3-hexylthiophen và pyrene (T3HTP). Tổng hợp copolymer liên hợp mạch thẳng poly(pyrene phenolthiazine -altfluorene) (P-1) và copolymer liên hợp dạng nhánh poly(triphenyl amine-co-pyrene phenolthiazine-co- fluorene) (HCP-1). Tổng hợp copolymer liên hợp mạch thẳng poly(pyrene phenoloxazine-altfluorene) (P-2) và copolymer liên hợp dạng nhánh poly(triphenyl amine-co-pyrene phenoxazine-co- fluorene) (HCP-2). Đánh giá các tính chất hóa học, vật lý của copolymer P-1, P-2, PCP-1, HCP-2. Đánh giá khả năng cảm biến của vật liệu oligomer/polymer liên hợp mới với vật liệu nổ nitroaromatic. Thử nghiệm chế tạo cảm biến vật liệu gây cháy nổ nitro-aromatic trên cơ sở các polymer dẫn được tổng hợp trên nền vật liệu vải/cellulose.

Số hồ sơ lưu: HCM-007-2022

20604. Kỹ thuận chẩn đoán bệnh

85647.02-2023 **Đánh giá tính an toàn và hiệu quả của Vstent (Sản xuất tại Việt Nam) trong can thiệp động mạch vành: Nghiên cứu đa trung tâm, tiến cứu theo dõi 12 tháng**/ GS.TS. Trương Quang Bình, PGS.TS. Hồ Thượng Dũng Vũ Hoàng Vũ; Trần Hòa; Phan Văn Trực; Nguyễn Văn Tân; Huỳnh Văn Thưởng; Phạm Công Nhựt; Nguyễn Minh Khoa; Phan Văn Thành; Nguyễn Vĩnh Trung; Trần Văn Huấn; Huỳnh Trung Cang; Lâm Hữu Giang; Phạm Quốc Bằng - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, 2021; 06/2019 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá tỉ lệ thành công về mặt thủ thuật và lâm sàng của các bệnh nhân được đặt Vstent; Tỉ lệ mất lòng muộn, tái hẹp trong stent và ở các đoạn gần đó (2 đầu) trên hình ảnh chụp mạch vành (DSA), hình ảnh siêu âm nội mạch IVUS, phương pháp quang học OCT (tại thời điểm 6 tháng sau xuất viện); Đánh giá các biến cố bất lợi và biến cố bất lợi nghiêm trọng (AE/SAE) trong nghiên cứu như: Các biến cố tim mạch chính (MACE); Huyết khối trong stent; Tỉ lệ tử vong do tim mạch; Tỉ lệ nhồi máu cơ tim liên quan thủ thuật; Tỉ lệ tái thông lại tại tổn thương đích đã đặt stent trước đó.

Số hồ sơ lưu: HCM-008-2022

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật

84064.02-2023 **Khảo sát , đánh giá, xây dựng l ộ trình quốc gia về giảm phát thải khí thải từ hoạt động của tàu biển** / PGS. TS. Nguyễn Minh Đức, TS. Phan Văn Hưng; PGS. TS. Trần Văn Lượng; TS. Phạm Văn Tân; TS. Nguyễn Lan Hương; ThS. Trần Văn Sáng; ThS. Đặng Quang Việt; TS. Nguyễn Cảnh Lam; ThS. Trần Thị Thu Hà - Hải Phòng - Trường ĐH Hàng Hải Việt Nam, 2021; - . (Đề tài cấp Bộ)

Giảm phát thải khí thải từ hoạt động của tàu biển theo quy định của

Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO). Đánh giá hiện trạng phát thải khí thải của đội tàu biển Việt Nam. Xác định các biện pháp giảm phát thải khí thải từ hoạt động tàu biển. Xây dựng dự thảo lộ trình quốc gia về giảm phát thải khí thải từ hoạt động của tàu biển Việt Nam và kế hoạch hành động quốc gia (NAP) về giảm phát thải khí thải từ hoạt động của tàu biển Việt Nam giai đoạn đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 20423

84462.02-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng nội dung, phương pháp, quy trình điều tra, đánh giá sức chịu tải môi trường của khu vực biển; áp dụng cho khu vực vịnh Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa**/ ThS. Hoàng Trưởng, ThS. Bùi Thị Thủy; ThS. Phạm Văn Thịnh; ThS. Nguyễn Thục Anh; ThS. Vũ Hồng Hà; ThS. Bùi Đình Lộc; PGS. TS. Bùi Xuân Thông; TS. Nguyễn Thị Huyền - Hà Nội - Viện Nghiên cứu biển và hải đảo, 2021; 07/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Góp phần tích lũy kinh nghiệm, nâng cao năng lực nghiên cứu cho tập thể cán bộ nghiên cứu thực hiện đề tài. Cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ công tác lập kế hoạch đánh giá sức chịu tải môi trường cho các khu vực biển. Trên cơ sở đó, xác định nguồn và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm, điều chỉnh các hoạt động phát triển cho phù hợp, để môi trường nằm trong giới hạn cho phép. Hướng dẫn kỹ thuật về nội dung, phương pháp, quy trình điều tra, đánh giá sức chịu tải môi trường cho khu vực biển, đây là cơ sở để các nhà quản lý tiếp tục nghiên cứu và định hướng xây dựng, ban hành văn bản liên quan đến sức chịu tải môi trường biển.

Số hồ sơ lưu: 20689

84492.02-2023 **Nghiên cứu giải pháp dự báo số liệu ngành tài nguyên và môi trường bằng phương pháp học máy, ứng dụng thử nghiệm dự báo xâm nhập mặn đối với các hệ thống sông**/ KS. Nguyễn Đầu Hoàng, KS. Nguyễn Đầu Hoàng; CN. Nguyễn Thị Lan Phương; ThS. Phạm Xuân Trường; CN. Nhâm Ngọc Tân; TS. Thân Quang Khoát; ThS. Nguyễn Thị Huế; KS. Hồ Văn Đích; CN. Đặng Văn Dũng; ThS. Lê Đình Quyết; CN. Nguyễn Thị Liên - Hà Nội - Trung tâm công nghệ phần mềm và GIS, 2021; 01/2018 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng giải pháp dự báo đối với số liệu ngành TNMT bằng phương pháp học máy; Dự báo thử nghiệm xâm nhập mặn trên lưu vực sông Hậu. Nghiên cứu, đề xuất giải pháp dự báo số liệu ngành TNMT bằng phương pháp học máy và ứng dụng thử nghiệm trên số liệu về khí tượng thủy văn, hải văn và tài nguyên nước để phục vụ dự báo xâm nhập mặn cho một số hệ thống sông là hướng tiếp cận hoàn toàn mới, chưa được bất kỳ tổ chức, cá nhân nào xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 20706

84820.02-2023 **Nghiên cứu đề xuất công nghệ phù hợp xử lý chất thải chăn nuôi lợn quy mô trang trại vừa và nhỏ thành phân bón**

hữu cơ/ ThS. Phạm Chí Trung, TS. Đào Văn Thông; PGS.TS. Mai Văn Trịnh; ThS. Tô Việt Thắng; ThS. Vũ Hải Nam; ThS. Lê Mạnh Cường; ThS. Đào Kim Lưu; ThS. Nguyễn Đình Tráng; ThS. Hà Thị Thuý; TS. Bùi Thị Lan Hương; ThS. Đỗ Thị Hải; Phạm Minh Tuấn; ThS. Lê Đình Duẩn - Hà Nội - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2022; 11/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Lựa chọn được công nghệ thu gom, xử lý chất thải rắn và nước thải từ các trang trại chăn nuôi lợn quy mô vừa và nhỏ thành phân bón hữu cơ đạt tiêu chuẩn QCVN01-189:2019/BNNPTNT, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất và bảo vệ môi trường chăn nuôi. Lựa chọn, xây dựng được quy trình thu gom, xử lý chất thải rắn và nước thải trong chăn nuôi lợn tại các trang trại chăn nuôi lợn quy mô vừa và nhỏ. Xây dựng được quy trình sản xuất phân bón hữu cơ (dạng bột, dạng lỏng) từ nguồn phân lợn tại các trang trại quy mô vừa và nhỏ phù hợp với quy chuẩn QCVN01-189:2019/BNNPTNT.

Số hồ sơ lưu: 20899

84824.02-2023 **Xây dựng mô hình xử lý phế thải sau chế biến tinh bột sắn làm phân bón hữu cơ vi sinh tại Đắk Lắk**/ KS. Nghiêm Thị Minh Thu, KS. Nguyễn Văn Phong; CN. Võ Hoàng Tùng; TS. Nguyễn Bạch Mai; TS. Lương Hữu Thành; TS. Vũ Thúy Nga; ThS. Hứa Thị Sơn; ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh - Đắk Lắk - Trung tâm Thông tin ứng dụng Khoa học và Công nghệ Đắk Lắk, 2021; 11/2016 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng phát triển mô hình xử lý phế thải rắn sau chế biến tinh bột sắn làm phân bón hữu cơ vi sinh tại các nhà máy chế biến tinh bột sắn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nhằm góp phần giải quyết ô nhiễm môi trường, tăng nguồn thu và tận dụng nguồn phân bón phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh. Chuyển giao và tiếp nhận quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh vật xử lý phế thải sau chế biến tinh bột sắn dạng rắn làm phân hữu cơ vi sinh; quy trình sản xuất phân hữu cơ vi sinh; quy trình sử dụng phân hữu cơ vi sinh cho cây sắn.

Số hồ sơ lưu: 20895

20704. Viễn thám

85620.02-2023 **Xây dựng mô hình dự báo, cảnh báo và quản lý ngập cho đô thị thông minh tại Thành phố Hồ Chí Minh**/ TS. Phạm Thanh Long, ThS. Trần Tuấn Hoàng; ThS. Lê Văn Phận; TS. Võ Công Hoang; TS. Nguyễn Văn Hồng; ThS. Châu Thanh Hải; TS. Lê Hoài Nam; ThS. Phan Thị Diễm Quý; ThS. Trần Quang Minh; ThS. Huỳnh Thị Mỹ Linh - TP. Hồ Chí Minh - Phân Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, 2021; 12/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Dự báo, cảnh báo ngập trên các tuyến đường thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi ngập trên địa bàn TP. HCM (thí điểm ở Vùng Đông Thành

phố nay thuộc Thành phố Thủ Đức). Xây dựng công cụ trực quan (hình ảnh camera, bản đồ 2D, 3D, WebGIS, trên app điện thoại di động) quản lý và cảnh báo ngập nhằm kết nối chung cho mô hình đô thị thông minh mà TP. Hồ Chí Minh đang xây dựng. Đề xuất, xây dựng các qui trình cảnh báo ngập kết nối với thành phố thông minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-011-2022

20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.

85461.02-2023 **Nghiên cứu tổng hợp màng sinh học và đánh giá hoạt tính kháng khuẩn, kháng oxi hóa của màng chitosan kết hợp với tinh dầu trầu không**/ ThS. Nguyễn Thị Thương, ThS. Nguyễn Hữu Vinh; TS. Bạch Long Giang; TS. Nguyễn Duy Trinh; ThS. Trần Văn Thuận - TP. Hồ CHí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 03/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích hình thái SEM cho thấy có sự phân bố của các giọt tinh dầu trên bề mặt màng. Kết quả cũng cho thấy có sự tương tác giữa chitosan và các phần hoạt tính trong tinh dầu thông qua các phân tích cấu trúc như ATR-FTIR, TGA, XRD. Qua phân tích cơ lý của màng cho thấy, độ dãn dài tại điểm đứt của màng chitosan tăng khi thêm tinh dầu trong khi độ bền kéo cho xu hướng ngược lại. Khi kết hợp tinh dầu trầu không vào màng chitosan giúp cải thiện khả năng kháng oxy hóa và kháng khuẩn của màng chitosan. Đặc biệt, khả năng kháng khuẩn cao nhất đối với Pseudomonas, một loại vi khuẩn gây hư hỏng chính ở trái cây. ứng dụng chế phẩm sinh học từ chitosan kết hợp với tinh dầu tràu không để tạo lớp phủ sinh học trên cam bằng phương pháp phun áp suất có thể bảo quản cam được 14 ngày ở 25oC, có thể thấy qua đánh giá cảm quan, hình thái màu sắc của quả.

Số hồ sơ lưu: HCM-099-2022

85541.02-2023 **Nghiên cứu điều kiện thu nhận và khảo sát hoạt tính sinh học của dịch chiết giàu anthocyanin từ quả hồng sim Rhodomyrtus tomentosa (Aiton) Hassk**/ CN. Nguyễn Thanh Quang, Võ Thanh Sang; Nguyễn Đăng Khoa; Lữ Hoàng Khang; Nguyễn Nhựt Huỳnh; Trần Huỳnh Đình Phú; Nguyễn Ngọc Thảo Trinh - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu điều kiện tách chiết để thu được dịch chiết chứa hàm lượng anthocyanin cao, đồng thời khảo sát được hoạt tính sinh học của dịch chiết giàu anthocyanin để làm tiền đề cho các nghiên cứu chuyên sâu và làm cơ sở cho nghiên cứu ứng dụng trong sản xuất mỹ phẩm bảo vệ da. Khảo sát được các điều kiện tách chiết anthocyanin từ quả Hồng sim

như nhiệt độ chiết, thời gian chiết, tỷ lệ ngâm mẫu, và dung môi chiết. Đánh giá hoạt tính sinh học của dịch chiết anthocyanin từ quả Hồng sim thông qua: Khảo sát khả năng bắt gốc tự do In-vitro; Khảo sát hoạt tính bảo vệ da thông qua ức chế enzyme tyrosinase và chống lại tia UV.

Số hồ sơ lưu: HCM-110-2022

21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)

84099.02-2023 **Nghiên cứu ứng dụng vật liệu nano volfram và thiếc ô xít để chế tạo đầu đo khí NOx và H2S trong thiết bị cầm tay quan trắc môi trường khí**/ TS. Phùng Thị Hồng Vân, ThS. Nguyễn Thị Vĩnh Hằng; TS. Bùi Tiến Trịnh; TS. Nguyễn Văn Toán; ThS. Nguyễn Sỹ Hải; ThS. Lâm Thị Hằng; ThS. Phạm Thị Trang; ThS. Đỗ Thu Hà; KS. Mai Hoàng Anh; PGS. TS. Nguyễn Văn Duy - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2021; 01/2018 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Ổn định quy trình chế tạo vật liệu nano volfram và thiếc oxit (WO3, SnO2) bằng các phương pháp bốc bay nhiệt. Phát triển các loại đầu đo cảm biến khí NOx và H2S có ưu điểm độ nhạy và độ ổn định cao, độ chọn lọc tốt và công suất tiêu thụ thấp sử dụng vật liệu nano WO3, SnO2. Phát triển thử nghiệm thiết bị đo khí đa kênh cầm tay nhỏ gọn có khả năng lưu trữ và truyền kết quả đo không dây nhằm phục vụ quan trắc môi trường khí.

Số hồ sơ lưu: 20443

84450.02-2023 **Nghiên cứu tổng hợp vật liệu graphene chất lượng cao sử dụng phương pháp tách lớp điện hóa đơn giản từ graphite ứng dụng trong lĩnh vực môi trường**/ PGS. TS. Nguyễn Quang Trung, TS. Trần Quang Thuận; TS. Vũ Đức Nam; ThS. Trần Văn Hải; ThS. Nông Văn Mạnh; ThS. Hoàng Minh Tạo - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Công nghệ, 2022; 12/2017 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng hợp vật liệu nanocomposite trên nền graphene oxia lai tạp với hạt nano kim loại ứng dụng làm xúc tác. Phạm vi nghiên cứu trong hai lĩnh vực chính: cảm biến phân tích điện hóa và xúc tác quang hóa. Vật liệu nanocomposite tổng hợp được có giá trị thực tiễn - tính chất của vật liệu được cải thiện rõ rệt với sự tham gia của graphene trong 2 lĩnh vực: cảm biến điện hóa và xúc tác quang hóa.

Số hồ sơ lưu: 20704

85480.02-2023 **Chế tạo cảm biến Ag - Si cấu trúc nano nhằm phát hiện chất hữu cơ độc hại R6G**/ TS. Nguyễn Hữu Kế, PGS.TS. Lê Vũ Tuấn Hùng; ThS. Đào Anh Tuấn - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Chế tạo Si cấu trúc nano bằng phương pháp ăn mòn ướt có hình thái học và diện tích bề mặt hiệu dung phù hợp cho việc gắn kết hạt nano Ag. Tổng hợp hạt Ag có kích thướt nano trên đế Si xốp bằng

phương pháp phún xạ. Ứng dụng đế SERS Ag-Si cấu trúc nano để phát hiện chất hữu cơ độc hại (R6G) hàm lượng thấp (~ppm). Chế tạo thành công cấu trúc kim tự tháp trên đế Si bằng phương pháp ăn mòn hóa học. Tỉ lệ dung dịch ăn mòn phù hợp là KOH: (CH3)2CHOH: H2O = 10%: 3%: 87%, thời gian ăn mòn khoảng 60 phút, nhiệt độ 80oC, cho ra cấu trúc kim tự tháp đồng đều về kích thước và sự phân bố trên bề mặt Si. Lắng đọng thành công các hạt nano Ag lên bề mặt Si kim tự tháp bằng phương pháp phún xạ magnetron DC. Các hạt Ag được phún xạ với I = 10mA, công suất phún xạ 2W, khoảng cách bia đế 7 cm, áp suất phún xạ 3.10-3- torr, áp suất nền là 10-6 torr, có kích thước khoảng 30 nm bám phủ tương đối đồng đều trên bề mặt Si.

Số hồ sơ lưu: HCM-095-2022

21101. Kỹ thuật thực phẩm

84506.02-2023 **Sản xuất thử nghiệm bột nêm dinh dưỡng từ dịch thủy phân moi và cá nục**/ ThS. Bùi Trọng Tâm, TS. Nguyễn Hữu Hoàng; TS. Bùi Thị Thu Hiền; ThS. Phạm Thị Mát; ThS. Phạm Thị Điềm; KS. Nguyễn Thị Duyệt; CN. Nguyễn Thị Kim Dung; ThS. Lưu Xuân Hòa; ThS. Phạm Huy Hưng; KS. Vũ Quang Huy - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2020; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện được quy trình công nghệ, thiết bị để sản xuất sản phẩm bột nêm dinh dưỡng từ moi và cá nục quy mô 1000 kg nguyên liệu/mẻ và vận hành công nghệ vào sản xuất ổn định. - Sản xuất được 12 tấn sản phẩm bột nêm từ moi và cá nục, hàm lượng protein ≥ 20%, sản phẩm đạt các chỉ tiêu chất lượng, an toàn thực phẩm và bao bì sản phẩm theo quy định. Đào tạo, tập huấn cho cán bộ kỹ thuật vận hành công nghệ thiết bị vào sản xuất sản phẩm bột nêm dinh dưỡng có hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 20694

84800.02-2023 **Hoàn thiện công nghệ và thiết bị sản xuất một số sản phẩm thực phẩm chức năng từ lúa gạo**/ KS. Phan Văn Hòa, ThS. Phan Thị Hào; ThS. Hoàng Sỹ Hiếu; KS. Doãn Văn Toán; ThS. Lê Văn An; CN. Phan Thị Thủy; CN. Nguyễn Thị Minh Huệ; PGS.TS. Nguyễn Văn Toản; ThS. Võ Văn Quốc Bảo; ThS. Phạm Xuân Phương; ThS. Đoàn Thanh Thảo - Nghệ An - Công ty TNHH Khoa Học Công Nghệ Vĩnh Hòa, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình sản xuất giống lúa thảo dược Vĩnh Hòa 1 và hình thành 01 mô hình 10 ha liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ lúa gạo Thảo dược Vĩnh Hòa 1 theo tiêu chuẩn VietGAP. Hoàn thiện dây chuyền thiết bị chế biến sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe bột thảo mộc, bột dinh dưỡng từ lúa gạo Thảo dược Vĩnh Hòa 1. Thiết bị và hệ thống phụ trợ trong dây chuyền bột dinh dưỡng, bột thảo mộc từ lúa gạo Thảo dược Vĩnh Hòa 1. Mô hình sản xuất lúa Thảo dược Vĩnh Hòa 1 theo tiêu chuẩn VietGAP (10ha). Sản

xuất thử nghiệm sản phẩm bột dinh dưỡng, bột thảo mộc từ lúa gạo thảo dược Vĩnh Hòa 1.

Số hồ sơ lưu: 20880

84828.02-2023 **Ứng dụng công nghệ sinh học để hoàn thiện quy trình sản xuất nước mắm từ nguồn nguyên liệu chứa tỉ lệ cá tạp cao**/ KS. Lê Thị Nga, TS. Nguyễn Đỗ Quỳnh Anh; ThS. Nguyễn Phát Lộc; KS. Lâm Thị Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Tiến Long; ThS. Nguyễn Thị Hương Thảo; KS. Bùi Huy Nhích; TS. Nguyễn La Anh - Bình Dương - Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Masan, 2022; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện bộ chủng giống vi sinh vật (VSV): các chủng đạt an toàn sinh học, có khả năng chịu mặn từ 220 – 300 g/L NaCl, có khả năng tạo hương tốt hoặc sinh enzyme protease trong lên men nước mắm. Hoàn thiện quy trình sản xuất chế phẩm VSV qui mô 50 kg/mẻ. Quy trình sản xuất nước mắm từ nguồn nguyên liệu có tỉ lệ cá tạp ≥ 30%, sử dụng chế phẩm VSV và dứa, quy mô ≥ 10 tấn cá muối nguyên liệu/thùng, giảm ít nhất 15% thời gian lên men, tăng hiệu suất thu hồi đạm ≥ 10%, sản phẩm nước mắm đạt tiêu chuẩn TCVN 5107: 2018. Sản xuất 2.000 lít (kg) chế phẩm VSV tạo hương, VSV tổng hợp protease có mật độ ≥ 107 CFU/g, thời gian sử dụng ≥ 3 tháng. Sản xuất 300.000 lít nước mắm có độ đạm ≥ 25 gN/Lít bằng quy trình ứng dụng chế phẩm VSV và dứa, đạt tiêu chuẩn TCVN 5107:2018.

Số hồ sơ lưu: 20896

85514.02-2023 **Ứng dụng bức xạ chế tạo nano selen ổn định trong β- glucan và xác định khả năng tăng cường miễn dịch của chế phẩm**/ PGS. TS. Lê Quang Luân, ThS. Lâm Vỹ Nguyên; ThS. Nguyễn Xuân Tuấn; ThS. Nguyễn Thanh Vũ; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh; CN. Nguyễn Trọng Nghĩa; KS. Trần Đức Trọng; TS. Nguyễn Trọng Bình; TS. Phạm Lê Bửu Trúc; ThS. Nguyễn Thị Dung; ThS. Võ Minh Phát - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Công nghệ Sinh học Tp. Hồ Chí Minh, 2021; - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng công nghệ cao để tạo ra sản phẩm mới có hoạt tính sinh học cao đáp ứng nhu cầu cấp thiết của xã hội. Chế tạo chế phẩm thực phẩm chức năng và thức ăn bổ sung có nguồn gốc tự nhiên bằng công nghệ bức xạ có giá thành thấp an toàn và hiệu quả. Nâng cao tiềm lực triển khai ứng sản phẩm nghệ cao tạo nguồn thu cho đơn vị. Tái sử dụng nguồn nguyên liệu và có sẵn trong nước để tạo ra sản phẩm có giá trị cao. Tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ bức xạ và công nghệ nano trong phát triển kinh tế - xã hội. Tạo ra nguồn sản phẩm công nghệ cao cho ngành thực phẩm chức năng và góp phần bảo vệ môi trường. Phát triển ứng dụng KH&CN nói chung và công nghệ sinh học, công nghệ bức xạ và công nghệ vật liệu nói riêng để tạo sản phẩm thực phẩm chức năng an toàn và hiệu quả cao. Tạo ra công nghệ và chế phẩm mới công nghệ cao, an

toàn và hiệu quả ứng dụng vào thực tiễn tạo sản phẩm thực phẩm chức năng phòng trong phòng và trị bệnh ở người. Nâng cao trình độ và năng lực sản xuất chế phẩm nano trong công nghiệp chế biến thực phẩm chức năng. Góp phần nâng cao vai trò và ứng dụng của khoa học và công nghệ sinh học cũng như công nghệ nano đối với đời sống xã hội.

Số hồ sơ lưu: HCM-119-2022

3. Khoa học y, dược

85246.02-2023 **Đánh giá thực trạng nhiễm HIV ở phụ nữ mang thai và hiệu quả dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng thuốc ARV tại tỉnh Vĩnh Long.**/ TS. BS. Hồ THị Thu Hằng, TS. BS. Hồ THị Thu Hằng; BS CKII. Văn Công Minh; Điều Dưỡng Nguyễn Hòa Thuận; CN. Nguyễn Thị THục Oanh; BS. Nguyễn Văn Kích; Hộ sinh Nguyễn Thị Mỹ Hạnh; Điều dưỡng Lê Thị Ngọc Bích; BS. Nguyễn Kim Chi - Vĩnh Long - Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long, 2022; 03/2018 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định tỷ lệ nhiễm HIV ở phụ nữ mang thai tại Vĩnh Long. Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến người mẹ mang thai không đi xét nghiệm sàng lọc trước hoặc phát hiện trễ nhiễm HIV ở phụ nữ mang thai. Đánh giá hiệu quả can thiệp dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng phác đồ kết hợp 3 loại thuốc ARV.

Số hồ sơ lưu: VLG.TI005.2022-0000270

85439.02-2023 **Nghiên cứu tẩy giun định kỳ cho học sinh tiểu học sau can thiệp ở tỉnh Hậu Giang năm 2017-2018**/ BS.CKII. NGUYỄN THANH TÙNG, - Hậu Giang - Sở Y tế tỉnh Hậu Giang, 2020; 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cung cấp thông tin khoa học về thực trạng, cường độ và các yếu tố liên quan đến nhiễm giun truyền qua đất; thời gian tái nhiễm, cường độ và các yếu tố liên quan đến tái nhiễm sau can thiệp bằng Mebendazole 500mg cho học sinh tiểu học. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu đưa ra khuyến cáo thực hiện tẩy giun, các phòng nhiễm giun phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Hậu Giang, tránh lãng phí thuốc, thời gian và giúp các em học sinh phòng bệnh nhiễm giun truyền qua đất để có sức khỏe tốt về thể chất, trí tuệ và tinh thần.

Số hồ sơ lưu: HGI-2021-K004

85540.02-2023 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý chất lượng thuốc kháng sinh lưu hành trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.**/ DS.CK1. Trương Thị Thanh Nhàn, Trương Thị Thanh Nhàn; Nguyễn Thị Thùy Nguyên; Trần Viết Hùng; Lê Thị Thu Thủy; Trần Ngọc Nga; Lê Thị Ngọc Mai; Nguyễn Thị Mai Trang - Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm Quảng Bình - Trung tâm kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm Quảng Bình, 2022; 11/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá việc lưu hành và bảo quản thuốc kháng sinh tại các cơ sở kinh doanh thuốc trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Đánh giá chất lượng thuốc kháng sinh lưu hành trên thị trường tỉnh Quảng Bình; Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng thuốc kháng sinh lưu hành trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Điều tra, khảo sát, đánh giá về các cơ sở kinh doanh, phân phối, tồn trữ thuốc trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Số hồ sơ lưu: 05/2022

85646.02-2023 **Nghiên cứu xây dựng mô hình can thiệp dự phòng bệnh sâu răng và nha chu ở học sinh 12 tuổi tại tỉnh Tiền Giang**/ GS.TS.BS. Tạ Văn Trầm, BSNCS. Lê Hoàng Hạnh; BS.CK2. Trần Thanh Thảo; CN. Nguyễn Hồng Oanh; BS.CK2. Lê Phong Vũ; BS. Bùi Thanh Dung; BSNCS. Trần Thanh Hải; ThSCNNCS. Mai Trung Hưng; BS.CK1. Nguyễn Ngọc Vinh; ThSCN. Trương Thị Kim Yến; CN. Nguyễn Thanh Giang - tỉnh Tiền Giang - Sở Y tế tỉnh Tiền Giang, 2021; 11/2018 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định tỷ lệ và các yếu tố liên quan đến bệnh sâu răng, nha chu ở học sinh 12 tuổi tại Tiền Giang.Đánh giá kiến thức, thực hành phòng bệnh sâu răng, nha chu ở học sinh 12 tuổi tại Tiền Giang.Đánh giá kết quả can thiệp dự phòng bệnh sâu răng, nha chu ở học sinh 12 tuổi tại Tiền Giang giai đoạn 2018-2020.Đề xuất mô hình can thiệp dự phòng bệnh sâu răng, nha chu ở học sinh 12 tuổi tại Tiền Giang.

Số hồ sơ lưu: 2021-T-10/KQNC

30104. Thần kinh học (bao gồm cả Tâm sinh lý học)

85488.02-2023 **Xây dựng công cụ hỗ trợ trích xuất tự động vùng chất xám, vùng chất trắng và vùng dịch não từ ảnh não MRI**/ PGS. TS. Phạm Thế Bảo, ThS. Lê Nhị Lãm Thuý; ThS. Lê Nhị Lãm Thuý; ThS. Trần Anh Tuấn (B) - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sài gòn, 2021; 07/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu việc phân đoạn não, sau đó trích xuất các vùng bên trong não như vùng trắng, vùng xám và dịch tủy não để hỗ trợ chẩn đoán bệnh liên quan đến não.Nghiên cứu phương pháp tiền xử lý ảnh MR não, phân đoạn não. Xây dựng phương pháp mới hoặc cải tiến một mô hình học sâu để tiến hành trích xuất 3 vùng bên trong não. Xây dựng bản khảo sát chi tiết về các phương pháp về tách hộp sọ, tách các vùng bên trong não và chẩn đoán bệnh. Phân nhóm các slices. Xây dựng phương pháp tách hộp sọ chạy thực nghiệm. Xây dựng ứng dụng và chạy thực nghiệm trên các bộ dữ liệu.

Số hồ sơ lưu: HCM-091-2022

30206. Huyết học và truyền máu

85530.02-2023 **Nghiên cứu giá trị chẩn đoán và vai trò của xét nghiệm định lượng gen BCR-ABL trong huyết tương ở bệnh nhân bạch cầu mạn dòng tủy**/ PGS.TS. Nguyễn Trường Sơn, Phạm Văn Lợi;

Lê Hùng Phong; Vy Thế Hà; Phan Công Hoàng; Thái Minh Trung; Hoàng Thị Thúy Hà; Trần Thanh Tùng; Nguyễn Tự; Lê Ngọc Ánh; Võ Thiệu Bình; Nguyễn Nhật Hải; Trần Lê Thanh Trúc; Nguyễn Thị Thảo; Trương Ngọc Hương - TP. Hồ Chí Minh - Bệnh viện Chợ Rẫy, 2021; 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định giá trị chẩn đoán và vai trò của xét nghiệm định lượng gen BCR-ABL huyết tương trong chẩn đoán và điều trị cho bệnh nhân bạch cầu mạn dòng tủy. Xác định độ đồng thuận kết quả và tương quan gen BCR-ABL trong huyết tương so với trong tủy xương, trong huyết tương so với trong tế bào máu ngoại vi, và trong tế bào máu ngoại vi so với trong tủy xương của bệnh nhân BCMDT. Xác định độ nhạy, độ đặc hiệu, giá trị chẩn đoán dương tính và giá trị chẩn đoán âm tính của xét nghiệm định lượng gen BCR-ABL trong huyết tương. Xây dựng quy trình áp dụng kỹ thuật định lượng gen BCR-ABL huyết tương trong chẩn đoán và đánh giá bệnh tồn lưu tối thiểu cho bệnh nhân bạch cầu mạn dòng tủy.

Số hồ sơ lưu: HCM-115-2022

30211. Ngoại khoa (Phẫu thuật)

85531.02-2023 **Phẫu thuật tuyến giáp nội soi qua ngả tiền đình miệng**/ TS. BS. Diệp Bảo Tuấn, Trương Thành Trí; Nguyễn Bá Trung; Hoàng Thành Trung; Nguyễn Văn Thừa; Nguyễn Hồng Phúc; Phạm Lê Xuân Huy; Phan Đức Vĩnh Khánh; Trần Minh Tuấn - TP. Hồ Chí Minh - Bệnh viện Ung Bướu Tp Hồ Chí Minh,, 2021; 11/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá tính an toàn của phẫu thuật nội soi tuyến giáp qua ngả tiền đình miệng (TOETVA) qua các tiêu chí: thời gian phẫu thuật, lượng máu mất, thời gian nằm viện, biến chứng hậu phẫu. Đánh giá sự hài lòng về mặt thẩm mỹ cvủa bệnh nhân sau mổ. Kỹ thuật phẫu thuật nội soi qua ngả tự nhiên đã được áp dụng trong cắt giáp, qua dưới lưỡi hoặc qua ngả tiền đình miệng, khởi đầu trên mô hình động vật, sau đó áp dụng trên xác, và đã được thực hành thành công trên người. Kỹ thuật tiếp cận qua ngả tiền đình miệng đã được phát triển và áp dụng thành công ở ngày càng nhiều các quốc gia trên toàn cầu.

Số hồ sơ lưu: HCM-114-2022

85571.02-2023 **Tái tạo khuyết hổng gần toàn bộ và toàn bộ lưỡi sau phẫu thuật trị ung thư**/ TS. Nguyễn Anh Khôi, - TP. Hồ Chí Minh - Bệnh viện Ung Bướu Tp Hồ Chí Minh,, 2021; 10/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát tỉ lệ biến chứng sau phẫu thuật tái tạo gần toàn bộ và toàn bộ lưỡi. Đánh giá chức năng nói và nuốt của người bệnh sau phẫu thuật. Khảo sát tỉ lệ tái phát của bệnh sau điều trị.

Số hồ sơ lưu: HCM-009-2022

30218. Nội tiết và chuyển hoá (bao gồm cả đái tháo đường, rối loạn hoocmon)

85083.02-2023 **Xây dựng quy trình chiết xuất, bào chế và thử nghiệm sản xuất cao Mướp đắng và viên nang chứa cao khô giàu hoạt chất saponin hỗ trợ điều trị bệnh Đái tháo đường**/ TS. Nguyễn Quốc Tuấn, TS. Nguyễn Quốc Tuấn; TS. Hà Quang Lợi; ThS. Đinh Thị Quỳnh Anh; ThS. Hà Thanh Hoà; TS. Hoàng Đức Luận; TS. Phạm Quốc Tuấn; TS. Nguyễn Đức Hùng; ThS. Hà Hương Lan; ThS. Ngô Thị Xuân Thịnh; PGS.TS. Phương Thiện Thương. - Phú Thọ - Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao công nghệ Dược, 2021; 01/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra khảo sát vùng trồng mướp đắng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Xây dựng phương pháp định lượng, phương pháp định tính một số saponin chính bằng phương pháp sắc ký bản mỏng (TLC) cho bán thành phẩm và thành phẩm dựa theo chất chuẩn momordicoside-g, goyaglycoside-d, goyaglycoside-b, momordicoside-f2; phương pháp làm giàu saponin toàn phần từ quả mướp đắng qua các phương pháp: sử dụng dung môi hữu cơ, sắc ký cột vợi hạt nhựa D1010 đạt hàm lượng saponin toàn phần ≥ 10%. Xây dựng công thức và phương pháp bào chế viên nang chứa 25 mg saponin toàn phần, sản xuất thử nghiệm thu được 12,3 kg cao khô giàu saponin và 16000 viên nang chứa 25 mg saponin toàn phần. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và kiểm nghiệm bán thành phẩm, thành phẩm viên nang. Thử tác dụng sinh học gồm độc tính cấp, tác dụng hạ đường huyết trên mô hình chuột nhắt. Xác định độ ổn định của viên nang theo phương pháp cấp tốc.

Số hồ sơ lưu: PTO-2021-016

30220. Niệu học và thận học

85570.02-2023 **Nghiên cứu điều chế Hydrogel đa chức năng ứng dụng hỗ trợ điều trị vết thương bệnh lý đái tháo đường**/ PGS. TS. Trần Ngọc Quyền, Đặng Thị Lệ Hằng; Lê Thị Phương; Nguyễn Cửu Khoa; Trần Lê Bảo Hà; Đoàn Nguyên Vũ; Nguyễn Thị Thu Thảo; Lưu Huỳnh Ngọc Dũng; Nguyễn Công Trực; Nguyễn Đình Trung - TP. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Vật liệu ứng dụng, 2021; 07/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu điều chế các composite hydrogel trên cơ sở pluronic ghép chitosan hoặc alginate chứa các hoạt chất: quecertin và resveratrol (kháng oxi hóa - kháng viêm hay kháng khuẩn), L-glutamic (tiền tố tổng hợp collagen), L-arginine (tham gia quá trình dãn mạch vết thương, kích thích sự phát triển của mạch máu tại vết thương). Hệ hydrogel đa tính năng được điều chế góp phần hỗ trợ hiệu quả điều trị vết thương trên bệnh lý tiểu đường. Tổng hợp các hệ copolymer nhạy nhiệt trên cơ sở pluronic và các polymer sinh học (chitosan, alginate). Điều chế, khảo sát và đánh giá cơ tính của các hệ hydrogel. Điều chế, khảo sát và đánh giá các hệ hydrogel nhạy nhiệt mang các các hoạt chất sinh học. Khảo sát và đánh

giá hoạt tính sinh học của các hệ hydrogel ở cấp độ tế bào. Khảo sát và đánh giá hiệu quả chữa lành vết thương trên mô hình chuột đái tháo đường

Số hồ sơ lưu: HCM-101-2022

30221. Ung thư học và phát sinh ung thư

85481.02-2023 **Khảo sát tỉ lệ của rs353291, rs2682818, rs1053872 ở người Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Thị Ngọc Thanh, ThS. Huỳnh Hữu Luân; PGS.TS.Nguyễn Thị Huệ - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thiết kế và tối ưu hóa phương pháp HRM để xác định kiểu gene của 2 SNP rs353291 (A/G), rs2682818 (C/A) và phương pháp TAPMA để xác định kiểu gene của SNP rs1053872 (C/G). Tầm soát kiểu gene của SNP rs353291 trên bộ 100 mẫu DNA bệnh và 100 mẫu DNA chứng cho thấy tần số xuất hiện của kiểu gene AA, AG, GG lần lượt là 40,0%, 42,2%, 17,8% trong nhóm bệnh; và 38,6%, 40,6%, 20,8% trong nhóm không bệnh. Phân tích thống kê trên bộ mẫu 100 bệnh chứng cho thấy ba SNP được ưu tiên khảo sát trong nghiên cứu này chưa thể hiện rõ mối liên quan với nguy cơ ung thư vú ở người Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: HCM-094-2022

85519.02-2023 **Khảo sát một số bất thường phân tử của u tế bào thần kinh đệm lan tỏa ở người trưởng thành**/ PGS. TS. Võ Tấn Sơn, GS.TS Võ Minh Tuấn; PGS.TS Hoàng Anh Vũ; ThS.BS Trần Kim Tuyến; PGS.TS Huỳnh Lê Phương - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Y dược Tp Hồ Chí Minh, 2021; - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Kết hợp được các yếu tố lâm sàng và các bất thường phân tử để phân nhóm u tế bào thần kinh đệm lan tỏa theo WHO 2016, giúp tiên lượng và quyết định điều trị phù hợp. Xác định tỉ lệ đột biến gen IDH1/2, p53, TERT, 1p19q và tình trạng methyl hóa vùng promoter của gen MGMT trên những bệnh nhân bị u tế bào thần kinh đệm lan tỏa. Xác định mối tương quan giữa đột biến IDH1/2, P53, TERT, 1p19q và methyl hóa vùng promoter của gen MGMT với các yếu tố lâm sàng: tuổi, giới, vị trí, kích thước, chỉ số Karnofsky, thời gian khởi bệnh, mô học... Xác định tỉ lệ các phân nhóm u tế bào thần kinh đệm lan tỏa dựa vào các yếu tố lâm sàng và sinh học phân tử.

Số hồ sơ lưu: HCM-117-2022

30301. Khoa học về chăm sóc sức khoẻ và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..)

84520.02-2023 **Phát triển các tiếp cận số để phân tích ứng xử, tối ưu hóa, chẩn đoán sức khỏe và tính toán thông minh cho các kết cấu trong đa môi trường vật lý**/ PGS. TS. Nguyễn Thời Trung, TS. Phạm Toàn Thắng; ThS. Đinh Công Dự; ThS. Nguyễn Trang Thảo; ThS. Trương Thị Tâm - Hà Nội - Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 2022;

04/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển các tiếp cận số đã được cải tiến của nhóm cho các bài toán phân tích ứng xử kết cấu phức tạp trong đa môi trường vật lý. Phát triển các tiếp các giải thuật tối wuddown và đa mục tiêu hiện hữu cho các bài toán tối ưu kết cấu trong đa môi trường vật lý, dành cho cả biến thiết kế rời rạc, liên tục và ngẫu nhiên; Nghiên cứu cải tiến và đề xuất mới các tiếp cận số liên hợp hiệu quả giữa các phương pháp chẩn đoán vị trí hư hỏng, các mô hình phân tích số rút gọn, và các giải thuật tối ưu hóa nhằm chẩn đoán vị trí và mực độ hư hỏng cho các kết cấu trong đa môi trường vật lý bị hư hỏng trong điều kiện giới hạn số lượng sensor đo đạc và dữ liệu đo đạc bị nhiễu.

Số hồ sơ lưu: 20695

85634.02-2023 **Đánh giá thực trạng, một số yếu tố liên quan và giải pháp nâng cao tuổi thọ của người dân tỉnh Hòa Bình**/ BSCKII. Trần Quang Khánh, BSCKII. Trần Quang Khánh; Hoàng Thị Thủy; Đặng Trần Huyền Thương; Lưu Thu Hương; Vũ Quốc Hải; Nguyễn Thị Minh Phương; Nguyễn Thị Thanh Bình; Nguyễn Thị Lan; Bùi Phương Anh; Đinh Thị Thu Hiền - Hòa Bình - Sở Y tế tỉnh Hòa Bình, 2020; 04/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng, một số yếu tố liên quan và giải pháp nâng cao tuổi thọ trung bình của người dân tỉnh Hàa Bình; Nghiên cứu đánh giá thực trạng tuổi thọ trung bình của người dân trong tỉnh năm 2019; Xác định một số yếu tố ảnh hưởng đến tuổi thọ của người dân tỉnh Hòa Bình và một số bệnh tật, tử vong trong 3 năm gần đây; Phân tích, tổng hợp các kết quả, đưa ra các giải pháp nâng cao tuổi thọ của người dân tỉnh Hòa Bình.

Số hồ sơ lưu: TTTB_HB

85635.02-2023 **Đánh giá thực trạng về tình hình cấp cứu, tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh tại các tuyến bệnh viện và thực hiện can thiệp nâng cao năng lực cấp cứu sơ sinh tại tỉnh Hòa Bình.**/ PGS.TS.BS Khu Thị Khánh Dung, PGS.TS.BS Khu Thị Khánh Dung; BS.CKII. Lê Thị Hà; BS.CKII. Bùi Thu Hằng; TS.BS. Chu Lan Hương; ThS. Quách Thị Hoa; ThS. Đinh Thị Thu Huyền; BS.CKII. Nguyễn Quốc Tiến; ThS. Nguyễn Quang Tự; BS.CKII. Đặng Thành Trung; ThS. Chu Thị Thu Hoài - Hà Nội - Bệnh viện Nhi Trung ương, 2020; 04/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao năng lực cấp cứu Sơ sinh tại các tuyến bệnh viện tại tỉnh Hòa Bình; Khảo sát thực trạng cấp cứu và tử vong Sơ sinh tại bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện tại tỉnh Hòa Bình năm 2019 và một số yếu tố liên quan; Đánh giá thực trạng nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc sử dụng trong cấp cứu, dịch vụ cấp cứu Sơ sinh ở bệnh viện tuyến tỉnh và một số bệnh viện tuyến huyện tỉnh Hòa Bình; Đề xuất một số giải

pháp nâng cao năng lực cấp cứu Sơ sinh cho các tuyến bệnh viện tại tỉnh Hòa Bình; Thực hiện can thiệp đào tạo, chuyển giao kỹ thuật và đánh giá hiệu quả đào tạo nâng cao kỹ thuật cấp cứu Sơ sinh cho cán bộ y tế tại bệnh viện đa khoa tỉnh và một số bệnh viện huyện tại tỉnh Hòa Bình năm 2019 - 2020.

Số hồ sơ lưu: TSS_HB

30302. Chính sách và dịch vụ y tế

84862.02-2023 **Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện chính sách hiến ghép mô, tạng ở Việt Nam hiện nay**/ ThS. Nguyễn Hoàng Phúc, GS.TS. Trịnh Hồng Sơn; TS. Trần Quốc Hùng; TS. Nguyễn Huy Quang; PGS.TS. Hồ Viết Hạnh; ThS. Trần Thị Thu Nguyệt; ThS. Vương Thị Lệ Nghi; TS. Phan Hồng Vân; ThS. Nguyễn Tiến Dũng; ThS. Nguyễn Tiến Thành - Hà Nội - Trung tâm điều phối Quốc gia về ghép bộ phận cơ thể người, 2022; 08/2019 - 08/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích thực trạng tổ chức thực hiện chính sách hiến ghép mô, tạng ở Việt Nam trong những năm vừa qua (về tuyên truyền, phổ biến; về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp và kết quả đạt được; về bài học kinh nghiệm, những khó khăn, bất cập và nguyên nhân…). Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai chính sách hiến ghép mô, tạng ở Việt Nam trong thời gian sắp tới, trong đó có: Mô hình tổ chức đăng ký hiến tặng mô, tạng kết hợp với mạng lưới của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam (CTĐVN); Mô hình tổ chức điều phối lấy, ghép mô, tạng tại Trung tâm Điều phối Quốc Gia về ghép bộ phận cơ thể người (TTĐPGTQG).

Số hồ sơ lưu: 20921

30401. Dược lý học

85560.02-2023 **Xây dựng quy trình chiết xuất cao định chuẩn từ củ ngải bún (boesenbergia pandurata) và đánh giá tác dụng dược lý theo định hướng sử dụng hỗ trợ điều trị bệnh viêm loét dạ dày**/ GS.TS. Nguyễn Thị Thanh Mai, PGS.TS. Nguyễn Trung Nhân; PGS.TS. Cấn Văn Mão; ThS. Nguyễn Xuân Hải; ThS. Lê Hữu Thọ; ThS. Đỗ Văn Nhật Trường; TS. Đặng Hoàng Phú - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021; 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng phương pháp định lượng pinostrobin có trong nguyên liệu, cao chiết của củ Ngải bún. Quy trình chiết xuất cao định chuẩn chứa hàm lượng pinostrobin cao nhất từ củ Ngải bún. Đánh giá độc tính cấp và độc tính bán trường diễn của cao định chuẩn trên động vật thực nghiệm. Đánh giá tác dụng điều trị loét dạ dày của cao định chuẩn trên mô hình in vitro và trên động vật thực nghiệm. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của cao định chuẩn củ Ngải bún có chứa hàm lượng pinostrobin 30%.

Số hồ sơ lưu: HCM-015-2022

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc

84458.02-2023 **Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính kháng viêm, gây độc tế bào của 2 loài Macrosolen bidoupensis và Macrosolen tricolor**/ TS. Nguyễn Tấn Phát, TS. Phan Nhật Minh; PGS.TS. Mai Đình Trị; TS. Ngô Trọng Nghĩa; TS. Nguyễn Thành Danh; ThS. Bùi Trọng Đạt - Hà Nội - Viện Công nghệ Hóa Học, 2022; 12/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính kháng viêm, hoạt tính gây độc tế bào của hai loài đại cán bidoup và đại cán tam sắc thuộc họ tầm gửi. Phân lập, xác định cấu trúc và thử nghiệm hoạt tính kháng viêm ức chế sản sinh NO, hoạt tính gây độc tế bào trên dòng tế bào ung thư gan HepG2, ung thư vú MDA-MB-231, ung thư cơ vân RD bằng phương pháp MTT của cá hợp chất phân lập được từ loài đại cán bidoup và đại cán tam sắc thuộc họ tầm gửi.

Số hồ sơ lưu: 20699

85512.02-2023 **Nghiên cứu thành phần hóa học và tác dụng ức chế cytokine TNF-α Củ nghệ tím (Curcuma zedoaria (Berg.) Christm)**/ ThS. Đỗ Văn Nhật Trường, ThS. NCS. Nguyễn Xuân Hải; ThS. Lê Hữu Thọ - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Từ củ Nghệ tím, tiến hành ly trích bằng hệ thống chiết Soxhlet thu được 3 cao lần lượt là hexane, EtOAc, MeOH. Sau đó, điều chế cao thô EtOAc bằng sắc ký cột thu được 26 phân đoạn chính từ A-Z. Từ phân đoạn T kết hợp sắc ký cột và dữ liệu phổ cộng hưởng từ hạt nhân, khối phổ phân giải cao HR-ESI-MS đã phân lập và định danh thành công 14 hợp chất gồm: gingerone C (1), 5-hydroxyhexahydrodemethoxycurcumin A (2), demethoxycurcumin (3) zedoaroxan (4), procurcumenol (5), aerugidiol (6), zedoarondiol (7), isozedoarondiol (8), zedoaroxide (9), gajustulactone A (10), neolitacumone (11), docosyl ferulate (12), β-sitosterol (13), β-stigmasterol (14). Kết quả thử nghiệm cho thấy, cao EtOAc và 4 hợp chất phân lập được (1-7) từ củ Nghệ tím đều có hoạt tính ức chế DPPH và cytokine TNF-α, trong đó, 12/14 hợp chất có khả năng ức chế DPPH và 8/14 hợp chất có khả năng ức chế cytokine TNF-α. Cả 2 hợp chất mơi đều có hoạt tính mạnh.

Số hồ sơ lưu: HCM-111-2022

85543.02-2023 **Khảo sát thành phần hóa học và nghiên cứu định hướng ứng dụng chống đái tháo đường của lá cây quả nổ (Ruellia tuberosa)**/ KS. Lê Nguyễn Tường Vi, - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sàng lọc hoạt tính ức chế α-glucosidase từ lá cây quả nổ (Ruellia tuberosa). Phân lập, xác định cấu trúc các hợp chất từ phân đoạn có hoạt tính tốt. Đánh giá tác dụng ức chế α-glucosidase chống đái tháo đường của các hợp chất phân lập được. Đánh giá hoạt tính ức chế α-

glucosidase cho thấy các cao chiết cồn và cao chiết phân đoạn đều có hoạt tính mạnh. Sử dụng sắc ký cột silicagel pha thường, kết hợp với sắc ký cột pha đảo và sephadex LH-20, chúng tôi đã phân lập và xác định được 4 hợp chất từ cao n-hexane và ethyl acetat của lá cây quả nổ Ruellia tuberosa L. Góp phần cung cấp bằng chứng khoa học chứng minh giá trị dược lý tiềm ẩn của Ruellia tuberosa L. và bổ sung cơ sở dữ liệu nghiên cứu thuốc từ sản phẩm thiên nhiên hỗ trợ điều trị bệnh tiểu đường tuýp 2.

Số hồ sơ lưu: HCM-109-2022

30404. Hoá dược học

85617.02-2023 **Khảo sát thành phần hóa học, xây dựng quy trình định lượng saponin trên thân, lá Sâm Ngọc Linh làm cơ sở khoa học cho sản phẩm ứng dụng dụng.**/ PGS. TS Tôn Thất Quang, Th.S. Nguyễn Trường Hải; TS. Huỳnh Ngọc Vinh; TS. Đặng Hoàng Phú; Th.S. Nguyễn Khắc Mạnh; Th.S. Nguyễn Phi Linh; Th.S. Nguyễn Thành Chung; GS.TS. Trần Công Luận - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2022; 08/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề tài nhằm khảo sát thành phần hóa học nhằm khẳng định thành phần và giá trị của thân, lá Sâm Ngọc Linh làm cơ sở khoa học cho các sản phẩm ứng dụng. Đồng thời xây dựng quy trình định lượng saponin của thân, lá Sâm Ngọc Linh đáp ứng yêu cầu trong hoạt động quản lý, sản xuất và nghiên cứu khoa học.

Số hồ sơ lưu: 05-2022

30503. Công nghệ liên quan đến xác định chức năng của ADN, protein, enzym và tác động của chúng tới việc phát bệnh; đảm bảo sức khỏe (bao gồm cả chẩn đoán gen, các can thiệp điều trị trên cơ sở gen (dược phẩm trên cơ sở gen

85567.02-2023 **Xây dựng qui trình phát hiện ctDNA bằng công nghệ giải trình tự thế hệ mới trong ung thư đại trực tràng giai đoạn sớm**/ GS.TS. Trần Diệp Tuấn, PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Thuỷ; TS. Nguyễn Hoài Nghĩa; TS. Giang Hoa; TS. Trần Lê Sơn; PGS.TS. Nguyễn Hoàng Bắc; ThS. Lương Bắc An; PGS.TS. Ngô Quốc Đạt; TS. Nguyễn Hữu Thịnh; ThS. Trần Đức Huy; CN. Hồ Quốc Chương - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, 2021; 07/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tư vấn, thu nhận và lưu giữ 50 mẫu máu bệnh nhân ung thư đại trực tràng (UTĐTT) và nhóm đối chứng là 100 người khỏe mạnh theo tiêu chuẩn chọn mẫu. Tách chiết ctDNA từ huyết tương sử dụng kit MagMax (Thermo Scientific). Gắn mã xác định (UID) cho từng phân tử ctDNA và tạo thư viện phục vụ cho giải trình tự gen thế hệ mới bằng bộ kit Acel-NGS 2S Plus DNA library kit (Swift Biosciences). Thực hiện "lai-bắt giữ" để làm giàu các phân mảnh ctDNA của 20 gen mục tiêu sử dụng kit xGen- IDT. Xác định ngưỡng

phát hiện của qui trình (tần suất đột biến (MAF) thấp nhất có thể phát hiện được và độ lặp của qui trình. Xác định độ nhạy và độ đặc hiệu của qui trình với mẫu bệnh nhân UTĐTT và nhóm đối chứng.

Số hồ sơ lưu: HCM-012-2022

4. Khoa học nông nghiệp

83234.02-2023 **Xây dựng quy trình sản xuất giống cua biển (Scylla paramamosain) tại tỉnh Trà Vinh**/ ThS. Lê Chí Thọ, ThS. Lê Chí Thọ; . ThS. Lê Tân Thới ; KS. Nguyễn Thị Phượng; KS. Nguyễn Thanh Tuấn; KS. Trần Thanh Điền - Trà Vinh - Trung tâm Giống, 2021; 12/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Quy trình nuôi vỗ cua mẹ đạt tỷ lệ sống cua mẹ ôm trứng và nở tốt trên 60%;Quy trình ương ấu trùng cua biển theo hình thức san thưa hiệu quả nhất;Quy trình kỹ thuật sản xuất cua giống theo hình thức san thưa đạt tỷ lệ sống từ Zoea 1 đến Cua 1 trên 10%;Quy trình sản xuất giống cua biển với tỷ lệ cua mẹ ôm trứng và nở tốt từ 60% trở lên và đạt tỷ lệ sống đến Cua 1 trên 10%, quy trình phù hợp với điều kiện sản xuất ở tỉnh Trà Vinh.

Số hồ sơ lưu: TVH-2021-008

85255.02-2023 **Xây dựng quy trình sản xuất dầu dừa gấc và kem dưỡng da gấc sử dụng nguồn nguyên liệu tại tỉnh Trà Vinh**/ Nguyễn Thanh Trường, CN. Nguyễn Thanh Trường; ThS. Trương Thị Hồng Hà; ThS. Trương Thị Thu Hồng; KS. Đinh Thanh Sơn; ThS. Huỳnh Vân An; CN. Huỳnh Trí Dũng; KS. Lê Thị Hồng Gấm - Trà Vinh - Chi nhánh Trà Vinh- Công ty TNHH TM và SX Mỹ Phẩm Yêu Da, 2022; 03/2020 - 02/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình sản xuất dầu dừa tinh khiết, làm dung môi cho quá trình trích ly dầu gấc.Xây dựng quy trình sản xuất dầu dừa gấc. Xây dựng quy trình sản xuất kem dưỡng da gấc. Xây dựng thương hiệu và thương mại hóa sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: TVH-2022-003

85505.02-2023 **Ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt kết hợp nhà màng trong canh tác dưa lưới tại huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang**/ ThS. Nguyễn Thị Thanh Tuyền, ThS. Nguyễn Ngọc Diễm; KS. Nguyễn Xuân Hải; CN. Ngô Thị Thanh Mỹ; KS. Lê Thị Ngọc Hân; KS. Nguyễn Thị Thảo - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tân Phước - Phòng Nông nghiệp - Phát triển nông thôn huyện Tân Phước TG, 2021; 07/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Chuyển giao quy trình quy trình kỹ thuật trồng dưa lưới ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt trong nhà màng cho nông hộ tại huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang từ Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học Tiền Giang. Xây dựng mô hình điểm trồng dưa lưới với diện tích khoảng 500m^2 để tạo ra sản phẩm dưa lưới đạt an toàn vệ sinh thực phẩm. Tiếp nhận quy trình, hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng dưa lưới theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, ứng

dụng công nghệ tưới nhỏ giọt trong nhà màng, phù hợp với điều kiện tự nhiên tại huyện Tân Phước. Xây dựng mô hình sản xuất dưa lưới ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt trong nhà màng, năng suất khoảng 1,2 tấn/ 500 m^2/vụ. Sản phẩm *(trái dưa lưới)* đạt chất lượng an toàn; sản phẩm dưa lưới loại 1 trên 80%. Dưa lưới đạt yêu cầu an toàn theo Thông tư 50/2016/TT-BYT "Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc BVTV trong thực phẩm)" và QCVN 8-2:2011/BYT"Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm".

Số hồ sơ lưu: 2021-CS-01/KQNC

85507.02-2023 **Ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt kết hợp nhà màng trong canh tác dưa lưới tại huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang**/ ThS. Nguyễn Hồ Đức Toàn, KS. Nguyễn Trung Hiếu; CN. Phạm Văn Tâm; CN. Nguyễn Văn Minh; CN. Nguyễn Bảo Sơn - Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Châu Thành - Tiền Giang - Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Châu Thành - Tiền Giang, 2021; 08/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Chọn được nông hộ phù hợp để tham gia dự án *(Bà Võ Thị Thúy Liễu - ấp Thới, xã Điềm Hy, huyệnChâu Thành, tỉnh Tiền Giang)* đối ứng kinh phí thực hiện dự án. Xây dựng nhà màng 1.040 m^2 và lắp đặt hệ thống tưới nhỏ giọt đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật cho việc canh tác cây dưa lưới. Tiếp nhận quy trình công nghệ canh tác dưa lưới trong nhà màng ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt.

Dự án đã triển khai cho nông hộ canh tác và đánh giá hiệu quả kinh tế qua 03 vụ trồng. Nông hộ nhận chuyển giao công nghệ đã tiếp thu được quy trình kỹ thuật canh tác dưa lưới, nông hộ có thể tự sản xuất được ở vụ tiếp theo.

Số hồ sơ lưu: 2021-CS-02/KQNC

85511.02-2023 **Ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt kết hợp nhà màng trong canh tác dưa lưới tại huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang**/ ThS. Nguyễn Thị Lạc, KS. Nguyễn Thị Bé; KS. Nguyễn Hữu Phước; KS. Đoàn Thị Tuyết Phương; KS. Trịnh Thị Cẩm Nhung; KS. Phan Văn Thật - tỉnh Tiền Giang - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Cai Lậy, 2021; 06/2020 - 08/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đã chọn được nông hộ phù hợp để tham gia dự án *(ông Châu Ngọc Hải - ấp 2, xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang)* đối ứng kinh phí thực hiện dự án. Xây dựng nhà màng 800 m^2và lắp đặt hệ thống tưới nhỏ giọt đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật cho việc canh tác cây dưa lưới. Tiếp nhận quy trình công nghệ canh tác dưa lưới trong nhà màng ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt. Dự án đã triển khai cho nông hộ canh tác và đánh giá hiệu quả kinh tế qua 03 vụ trồng. Hiện tại việc trồng trọt theo hướng nông nghiệp công nghệ cao tạo sản phẩm chất lượng, an toàn cho sức khỏe đang có sức hấp dẫn mạnh không chỉ nông dân mà còn các doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 2021-CS-03/KQNC

85526.02-2023 **Nghiên cứu xây dựng mô hình chuyển đổi mùa vụ sản xuất nông nghiệp trên nền đất lúa thích ứng với biến đổi khí hậu khu vực khó khăn vùng ngọt hóa Gò Công**/ TS. Nguyễn Văn Khang, TS. Trần Thanh Phong CN. Trần Quốc Dương; KS. Nguyễn Văn Re; ThS. Võ Thị Anh Tâm; KS. Trần Thị Thúy; KS. Lê Võ Trúc Giang; ThS. Nguyễn Trần Diễm Phương; CN. Nguyễn Tiểu Lam; CN. Trần Bích Phượng - tỉnh Tiền Giang - Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Tiền Giang, 2021; 11/2017 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Các mô hình luân canh lúa màu đều cho hiệu quả kinh tế cao hơn so với mô hình 3 vụ lúa; trong đó, mô hình luân canh lúa- lúa - màu thích hợp nhất, kế đó là mô hình màu - lúa - màu và lúa - màu – lúa theo thứ tự thời vụ ĐX, HT, TĐ; áp dụng mô hình luân canh lúa màu sẽ giúp rút ngắn thời vụ ĐX từ sớm hơn từ 20-30 ngày (tức thu hoạch các loại nông sản trước 15/2 dl so với sản xuất bình thường 3 vụ lúa liên tục như trước đây (15/3 dl) để né tránh việc thiếu nước tưới mùa khô gây thiệt hại như trước đây . Ngoài hiệu quả kinh tế, luân canh lúa màu còn có tác dụng cải tạo độ phì của đất, hạn chế sâu bệnh cỏ dại…bảo vệ môi trường và làm gia tăng năng suất, hiệu quả vụ lúa vụ sau trồng màu.

Số hồ sơ lưu: 2021-T-07/KQNC

85611.02-2023 **Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật canh tác và quản lý dịch hại làm tăng phẩm chất trái thanh long đáp ứng thị trường tiêu thụ**/ TS. Nguyễn Thành Hiếu, TS. Nguyễn Văn Hòa; TS. Trần Thị Mỹ Hạnh; ThS. Nguyễn Văn Sơn; ThS. Lê Thị Hoàng Trúc; TS. Nguyễn Trịnh Nhất Hằng; ThS. Nguyễn Ngọc Anh Thư; ThS. Đặng Thùy Linh; KS. Ngô Thị Kim Thanh; KS. Đặng Quốc Chương; KS. Nguyễn Thị Cẩm Giang; KS. Võ Minh Mẫn; KS. Nguyễn Hoài Phúc - tỉnh Tiền Giang - Viện cây ăn quả Miền Nam, 2020; 01/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tăng chất lượng trái thanh long đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng nội tiêu và xuất khẩu (tăng tỷ lệ trái có phẩm chất cấp cao lên 15%, độ ngọt tăng 1 - 2%, tai trái xanh cứng và màu sắc vỏ trái sáng bóng, đẹp).Quản lý hiệu quả, bền vững một số dịch hại quan trọng (bệnh đốm nâu, bọ xít xanh) trên cây thanh long phù hợp với sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn GAP và nâng cao giá trị xuất khẩu.

Số hồ sơ lưu: 2021-T-01/KQNC

85644.02-2023 **Nghiên cứu ứng dụng tin sinh học (Bioinformatics) và công nghệ gen để chọn lọc, bảo tồn và phát triển một số nguồn gen quý phục vụ công tác sản xuất cây giống xoài cát Hòa Lộc và vú sữa Vĩnh Kim ở Tiền Giang**/ ThS. Vũ Thị Huyền Trang, PGS.TS. Trần Hoàng Dũng; ThS. Nguyễn Thị Nhã; TS. Trần Duy Dương; ThS. Nguyễn

Trường Khoa; TS. Trần Thanh Phong; ThS. Trần Ngọc Ẩn; TS. Nguyễn Ngọc Thi; ThS. Tôn Nữ Thùy An; TS. Lê Quang Khôi - tỉnh Tiền Giang - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, 2021; 11/2017 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng bộ sưu tập cây ăn trái cho 2 cây chủ lực Tiền Giang là vú sữa Vĩnh Kim, xoài Cát Hòa Lộc trong đó chú trọng đến cây giống có đặc tính quý hiếm đặc hữu. Xây dựng hệ thống mã vạch DNA giúp nhận diện nhanh và đăng ký GenBank cho cây vú sữa Vĩnh Kim, xoài Cát Hòa Lộc của Tiền Giang. Xây dựng hệ thống trình tự DNA marker liên quan đến các tính trạng quý cho vú sữa Vĩnh Kim, xoài Cát Hòa Lộc, làm cơ sở cho việc tuyển chọn và nhân giống các dòng cây có phẩm chất tốt, chống chịu tốt với điều kiện bất lợi của môi trường.Kết quả của đề tài sẽ phục vụ công tác chọn lọc để bảo tồn và phát triển nguồn gen quý cây xoài Cát Hòa Lộc và vú sữa Vĩnh Kim. Nguồn gen quý này sẽ làm cơ sở cho các nhà chọn tạo giống sử dụng để sản xuất các cây con giống thế hệ mới vừa mang đầy đủ các đặc tính nông học cơ bản, vừa mang các đặc tính đặc hữu của Tiền Giang.

Số hồ sơ lưu: 2021-T-09/KQNC

85698.02-2023 **Xác lập vùng sản xuất nông lâm nghiệp hàng hóa chủ lực dựa trên tiềm năng, lợi thế của tỉnh Hà Giang**/ ThS Hà Việt Hùng, ThS.Nguyễn Việt Anh; TS. Nguyễn Hùng Cường; TS. Nguyễn Văn Thưng; TS. Hoàng Công Mệnh; ThS. Trần Thị Loan; ThS. Trần Việt Dũng; TS. Hà Văn Định; CN. Nguyễn Thị Hảo; ThS. Huỳnh Thị Liên Hoa. - Hà Nội - Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, 2022; 07/2020 - 07/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá được thực trạng phát triển các vùng sản xuất nông lâm nghiệp chủ lực và xác định mức độ thích hợp của cây trồng chủ lực đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh: Vùng cam ở Bắc Quang, Quang Bình. Vùng chè ở Bắc Quang, Quang Bình, Vị Xuyên, Xín Mần, Hoàng Su Phì. Vùng cây dược liệu ở Xín Mần, Hoàng Su Phì, Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn, Mèo Vạc. Vùng chăn nuôi trâu bò ở Bắc Quang, Quang Bình, Vị Xuyên, Bắc Mê, Xín Mần, Hoàng Su Phì, Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn, Mèo Vạc. Vùng nuôi ong ở Mèo Vạc, Đồng Văn, Yên Minh. Vùng cây lâm nghiệp ở Bắc Quang, Quang Bình, Vị Xuyên; Lập bản đồ số hóa xác lập vùng phát triển đối với 06 loại cây trồng vật nuôi chủ lực của tỉnh; Đề xuất các định hướng, giải pháp thực hiện phát triển đối với các loại cây trồng chủ lực dựa trên các tiềm năng thế mạnh của địa phương.

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKHCN-HG-2022

40102. Thổ nhưỡng học

84483.02-2023 **Sử dụng kỹ thuật đồng vị để đánh giá khả năng tích luỹ CO2 trong đất của một số mô hình canh tác nông nghiệp ở đồng bằng Bắc Bộ**/ ThS.

Nguyễn Thị Hồng Thịnh, ThS. Hà Lan Anh; ThS. Võ Thị Anh; KS. Vũ Hoài; ThS. Nguyễn Thị Bảo Mỹ; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; KS. Trần Khánh Minh; TS. Trần Minh Tiến - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2021; 01/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được quy trình xử lý và phân tích thành phần đồng vị 13C trong chất hữu cơ đất (Soil Organic Matter-SOM) và trong cây trồng. Đánh giá lượng CO2 – C tích lũy trung bình năm trong đất canh tác nông nghiệp tại Huyện Đông Anh và Huyện Đan Phượng. Góp phần xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về tỷ lệ 13C/12C trong cây Ngô và Lúa trên đất canh tác nông nghiệp ở Huyện Đông Anh và Huyện Đan Phượng. Hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh cho cán bộ phòng thí nghiệm Thủy văn Đồng vị. Xử lý số liệu bằng phương pháp phân tích thống kê và tính toán lượng CO2 - C được tích lũy trong đất canh tác vùng nghiên cứu theo tỷ số phân tách đồng vị.

Số hồ sơ lưu: 20678

84547.02-2023 **Nghiên cứu sự tích tụ, vận chuyển của các nguyên tố phóng xạ trong hệ đất nông nghiệp và cây trồng trong điều kiện canh tác ở Miền Nam, Việt Nam**/ PGS. TS. Lê Công Hảo, ThS. Nguyễn Văn Thắng; TS. Huỳnh Nguyễn Phong Thu; ThS. Trương Hữu Ngân Thy; PGS. TS. Trương Thị Hồng Loan; ThS. Huỳnh Thị Yến Hồng; CN. Vũ Ngọc Ba - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh, 2022; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, sử dụng một số chương trình mô phỏng mô tả các đặc tính tồn tại (bốc hơi, khuếch tán, rữa trôi, thực vật hấp thu,…) của các đồng vị phóng xạ trong đất. Áp dụng cho các đồng vị 40K, 210Pb, 226Ra, 238U, và 232Th. Các nội dung cần nghiên cứu bao gồm: tốc độ thất thoát của các chất phóng xạ khỏi lớp đất bề mặt và thời gian bán rã của các chất phóng xạ trong lớp đất bề mặt. Từ những kết quả đó có thể tính được liều do các trường hợp chiếu xạ (chiếu xạ ngoài do bức xạ gamma và chiếu xạ trong do ăn uống và hít thở) theo thời gian và thời gian mà chất phóng xạ trong đất không còn ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe con người (suất liều tổng nhỏ hơn mức giới hạn).

Số hồ sơ lưu: 20669

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm

84799.02-2023 **Xây dựng và phát triển hợp tác xã sản xuất, cung ứng lúa giống chất lượng góp phần xây dựng nông thôn mới huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang**/ KS. Phan Thành Tâm, KS. Trần Thị Mỹ Phượng; Th.S. Phan Phi Hùng; Th.S. Lữ Thị Kim Dung; KS. Lê Ngọc Linh; Th.S. Phạm Thái Bình; KS. Đặng Thị Vân Anh; Th.S. Nguyễn Phước Thành; PGS. TS. Huỳnh Quang Tín; CN. Đỗ Văn Sang - An Giang - Trung tâm Khuyến nông An Giang, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng và tổ chức sản xuất lúa giống cấp Nguyên chủng với qui mô 04 ha và 200 ha giống cấp xác nhận (giống OM5451, Jasmine 85, OM18); Xây dựng 01 HTX điểm: HTX sản xuất - cung ứng lúa giống đạt chất lượng theo tiêu chuẩn QCVN:01-54:2011/BNNPTNT, trong đó thể hiện vai trò quản trị của HTX; thành viên/nông dân tham gia sản xuất lúa giống; Tăng thu nhập tối thiểu 20% cho người tham gia sản xuất lúa giống (so sản xuất lúa thương phẩm), góp phần cải thiện đời sống nông dân.

Số hồ sơ lưu: 20878

84827.02-2023 **Xây dựng mô hình sản xuất lúa gạo japonica chất lượng cao theo chuỗi giá trị tại một số tỉnh vùng núi phía Bắc**/ ThS. Nguyễn Doãn Hùng, KS. Vũ Thị Khuyên; ThS. Nguyễn Thị Bạch Thông; ThS. Nguyễn Đức Nhật Anh; CN. Vũ Thị Thuỳ Vân; ThS. Nguyễn Văn Trung; CN. Nguyễn Thị Quỳnh Như; ThS. Nguyễn Văn Bằng; TS. Vũ Văn Hiếu; KS. Trần Hậu Hùng - Hà Nội - Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình sản xuất lúa gạo Japonica chất lượng cao theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao thu nhập cho đồng bào dân tộc vùng núi phía Bắc trên 15%; Xây dưng nhãn hiệu hàng hóa cho sản phẩm gạo Japonica. Xây dựng 01 mô hình sản xuất siêu nguyên chủng (1 tấn giống siêu nguyên chủng). Xây dựng 01 mô hình 5,0 ha sản xuất 20 tấn giống nguyên chủng. Xây dựng 06 mô hình sản xuất lúa Japonica thương phẩm chất lượng cao tại Hà Giang, Điện Biên và Lai Châu (2 mô hình/tỉnh), áp dụng quy trình kỹ thuật canh tác tiên tiến và kiến thức bản địa, quy mô 30ha/mô hình, năng suất 6-7 tấn/ha (có chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa cho sản phẩm gạo Japonica). Xây dựng 03 mô hình (1 mô hình/tỉnh) tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ 500 tấn sản phẩm và xúc tiến thương mại.

Số hồ sơ lưu: 20904

84850.02-2023 **Xây dựng mô hình sản xuất lúa nếp Quýt theo chuỗi giá trị tại huyện Đạ Teh Tỉnh Lâm đồng**/ ThS. Nguyễn Thị Tuyết Anh, KS. Lê Thanh Hải; KS. Lê Mậu Tuấn; KS. Tạ Thị Tâm; CN. Phạm Xuân Tiện; KS. Ngô Thị Nga; KS. Trương Văn Khanh; CN. Nguyễn Huy Toàn; CN. Trần Thị Thuỳ Trang - Lâm Đồng - Công ty cổ phần đầu tư phát triển Xanh Việt Nam, 2021; 01/2020 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình sản xuất thâm canh lúa nếp gắn với tiêu chuẩn VietGap phù hợp với điều kiện sản xuất ở địa phương và 2 mô hình thâm canh nếp Quýt đạt chuẩn VietGap. Tăng năng lực của người hưởng lợi, cán bô các cấp và các bên liên quan. Xây dựng 1 mô hình phục tráng và bảo tồn giống lúa nếp Quýt. Mô hình liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ gia đình gắn với 2 mô hình sản xuất trên địa bàn 2 xã. Hoàn thiện hệ thống sơ chế, đóng gói sản phẩm nhằm nâng cao tính bền vững, hiệu quả của hoạt

động liên kết sản xuất – tiêu thụ sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 20911

84853.02-2023 **Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen giống lúa tẻ mèo Sơn La và tẻ đỏ Điện Biên**/ ThS. Phạm Văn Tính, ThS. Nguyễn Phi Long; ThS. Nguyễn Anh Dũng; ThS. Nguyễn Văn Khởi; ThS. Lê Thu Hằng; ThS. Hoàng Thị Huệ; ThS. Hoàng Thị Thu Thủy; ThS. Nguyễn Hoài Thu; KS. Hoàng Văn Hiển; KS. Vũ Thị Thảo My - Hà Nội - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2022; 01/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá chất lượng và xác định được giống tẻ mèo có chất lượng cao, khác biệt so với giống Tẻ mèo ở Sốc Cộp; Xây dựng bản mô tả các đặc điểm theo DUS của giống lúa tẻ mèo Sơn La và tẻ đỏ Điện Biên; Phục tráng 2 giống lúa tẻ mèo Sơn La và tẻ đỏ Điện Biên; Xây dựng 2 quy trình phục tráng cho 2 giống; Sản xuất 300 kg siêu nguyên chủng/giống; 2 quy trình kỹ thuật canh tác cho 2 giống phù hợp cho năng suất cao hơn 15% so với giống chưa phục tráng.

Số hồ sơ lưu: 20908

85576.02-2023 **Trồng thử nghiệm giống lúa nếp cẩm tại thành phố Đồng Hới**/ ThS. Từ Minh Hải, Từ Minh Hải; Nguyễn Trung Đức; Trần Thắng; Lê Thị Ngọc Hiền - Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đức Ninh Đông. - Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đức Ninh Đông., 2022; 11/2021 - 07/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Theo dõi tình hình sinh trưởng phát triển, khả năng chống chịu và năng suất, chất lượng của giống lúa nếp cẩm ĐH6. Xây dựng quy trình sản xuất giống lúa nếp cẩm phù hợp với điều kiện sản xuất tại thành phố Đồng Hới. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất thử nghiệm lúa nếp cẩm ĐH6 đem lại.

Số hồ sơ lưu: 08/2022

85630.02-2023 **Bảo tồn và phát triển nguồn gen khoai Phúc Sạn - Mai Châu - Hòa Bình**/ ThS. Nguyễn Thị Hiền, ThS. Nguyễn Thị Hiền; ThS. Trần Tố Tâm; ThS. Đoàn Thị Thùy Vân; ThS. Hoàng Minh Huệ; CN. Đinh Thế Long; KS. Vũ Văn Hòa; KS. Đỗ Thế Hiếu - Hà Nội - Viện nghiên cứu rau quả, 2020; 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Bảo tồn và phát triển bền vững nguồn gen khoai Phúc Sạn phục vụ phát triển kinh tế xã hội và nâng cao thu nhập cho người sản xuất tại xã Phúc Sạn, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình; Phục tráng khoai Phúc Sạn bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào; Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống khoai Phúc Sạn bằng phương pháp nhân giống nuôi cấy mô tế bào; Nghiên cứu xây dựng quy trình thâm canh cho giống khoai Phúc Sạn; Sản xuất giống khoai Phúc Sạn bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào phục vụ cho việc mở rộng sản xuất

Số hồ sơ lưu: KPSMC_HB

85637.02-2023 **Trồng thử nghiệm giống lạc đen CNC1 phù hợp với điều kiện sinh thái huyện Bố Trạch.**/ KS. Hoàng Trung Đức, Hoàng Trung Đức; Phan Trung Thông; Lê Đình Quả; Trần Thị Hồng Sương; Cao Thùy Dương - Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và kinh doanh thực phẩm an toàn Phong Nha. - Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và kinh doanh thực phẩm an toàn Phong Nha, 2022; 11/2020 - 08/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình trồng cây lạc CNC1 phù hợp với điều kiện sản xuất của công ty TNHH Phong Nha từ đó đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình. Sản xuất thử nghiệm dầu từ hạt lạc CNC1 được trồng từ mô hình nhằm đánh giá hiệu quả với dầu được làm từ một số loại lạc khác đang sản xuất ở địa phương.

Số hồ sơ lưu: 09/2022-QLKHCN-CS

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả

84091.02-2023 **Ứng dụng công nghệ sản xuất giống nấm dạng dịch thể trong sản xuất nấm Sò (Pleurotus ostreatus), Mộc nhĩ (Auricularia polytricha) và Linh chi (Ganoderma lucidum) tại tỉnh Thừa Thiên Huế**/ ThS. Nguyễn Hạnh Trinh , ThS. Trần Thị Thuý ; KS. Trương Phước Hiếu ; KS. Trần Văn Mẫn ; KTV. Cao Quang Hùng ; KTV. Dương Thị Thuỳ Châu; KTV. Trần Tiến Dũng ; Vũ Mạnh Nhật ; Đinh Xuân Toản ; Nguyễn Bá Đăng - Thừa Thiên - Huế - Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ, 2022; 09/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng thành công công nghệ nhân giống dịch thể trong sản xuất 03 loại nấm: Sò, Mộc nhĩ và Linh chi gắn liền với các cơ sở chế biến, bảo quản, tiêu thụ để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất các sản phẩm nấm. Tiếp nhận và hoàn thiện 12 quy trình công nghệ về sản xuất giống nấm ở dạng dịch thể từ giống gốc sang cấp 1, cấp 2, cấp 3, sản xuất nấm thương phẩm có tính hàng hóa, bảo quản và chế biến các loại nấm ăn và nấm dược liệu nhằm rút ngắn thời gian nuôi trồng, giảm tỉ lệ nhiễm bệnh, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 20439

84495.02-2023 **Ứng dụng đồng bộ các giải pháp canh tác tiên tiến xây dựng vùng nguyên liệu điều theo chuỗi giá trị, đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu**/ TS. Trần Công Khanh, ThS. Trần Minh Dương; ThS. Trần Duy Việt Cường; KS. Nguyễn Việt Quốc; ThS. Lê Thị Kiều; KS. Đào Văn Hoàng; ThS. Đinh Văn Cường; KS. Vũ Thị Nguyện; ThS. Doãn Văn Chiến - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển cây điều, 2021; 10/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được mô hình ứng dụng đồng bộ các giải pháp canh tác tiên tiến trong sản xuất điều thâm canh, liên kết theo chuỗi giá trị , tạo ra sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu và góp phần nâng cao thu nhập cho các hộ dân tham gia thực hiện

Dự án . Hoàn thiện Quy trình tiên tiến (tổ chức sản xuất và khoa học kỹ thuật) để phát triển các vùng sản xuất bền vững điều nguyên liệu theo chuỗi giá trị đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu (được Bộ Nông nghiệp và PTNT hoặc Sở NN và PTNT tỉnh Bình Phước công nhận). Liên kết sản xuất điều nguyên liệu đạt tiêu chuẩn xuất khẩu , theo chuỗi giá trị có sự tham gia liên kết giữa doanh nghiệp và người nông dân trồng điều , đảm bảo hài hòa lợi ích của người dân và doanh nghiệp, cơ chế đồng thuận và cơ sở pháp lý vững chắc , quy mô 30 ha tại Bình Phước.

Số hồ sơ lưu: 20683

85082.02-2023 **Thu thập, tuyển chọn và nghiên cứu các quy trình nhân giống, nuôi trồng một số giống hoa sen có giá trị tại tỉnh Phú Thọ**/ PGS.TS Đặng Văn Đông, PGS.TS. Đặng Văn Đông; KS. Nguyễn Thị Tâm; KS. Đỗ Hùng Mạnh; KS. Phạm Quốc Hội; CN. Lê Thị Kim Ngân; KS. Cao Thị Nguyệt Ánh; KS. Trịnh Đức Hoàng. - Phú Thọ - Công ty cổ phần giống -Vật tư NN CNC Việt Nam, 2021; 04/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát thông tin trong và ngoài tỉnh phục vụ xây dựng thuyết minh đề tài. Thu thập, khảo nghiệm, tuyển chọn giống hoa sen trồng chậu và trồng trong ao, hồ. Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật nhân giống sen được tuyển chọn. Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất hoa sen thương phẩm. Xây dựng mô hình trồng các giống hoa sen được tuyển chọn. Tổ chức hội nghị, hội thảo tuyền truyền, giới thiệu về kết quả mô hình.

Số hồ sơ lưu: PTO-2021-017

85089.02-2023 **Ứng dụng Công nghệ cao để xây dựng mô hình trồng dưa lưới, dưa leo trong nhà màng đạt tiêu chuẩn VietGAP**/ KS. Nguyễn Đức Thiện, KS. Nguyễn Đức Thiện; KS. Nguyễn Thị Tâm; KS. Lương Thuý An; CN. Lê Thị Kim Ngân; ThS. Phạm Thị Kim Huệ; KS. Cao Thị Nguyệt Ánh. - Phú Thọ - Công ty CP giống - vật tư nông nghiệp công nghệ cao Việt Nam, 2021; 01/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát bổ sung thông tin phục vụ dự án. Tiếp nhận và làm chủ quy trình sản xuất dưa lưới, dưa leo trong nhà màng. Xây dựng mô hình sản xuất dưa lưới, dưa leo trong 1.000 m^2 nhà màng đạt tiêu chuẩn VietGAP. Đào tạo, tập huấn hướng dẫn kỹ thuật sản xuất dưa lưới, dưa leo trong nhà màng; Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kết quả dự án.

Số hồ sơ lưu: PTO-2021-013

85096.02-2023 **Nghiên cứu hoàn thiện biện pháp kỹ thuật điều tiết ra hoa một số loài hoa phong lan có giá trị tại tỉnh Phú Thọ**/ Cao Phi Bằng, - Phú Thọ - Trường Đại học Hùng Vương, 2019; 04/2017 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn lựa chọn loài phong lan có giá trị. Nghiên cứu hoàn thiện một số biện pháp kỹ thuật điều tiết quá

trình ra hoa phong lan. Xây dựng mô hình trồng cây phong lan áp dụng biện
pháp kỹ thuật để điều tiết quá trình ra hoa. Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền và tổ chức hội thảo khoa học.

Số hồ sơ lưu: PTO-2019-001

85152.02-2023 **Xây dựng mô hình áp dụng biện pháp kỹ thuật trồng chuối tây Thái Lan xen canh cây dược liệu theo hướng hàng hoá tại huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ**/ KS. Triệu Thị Lệ Giang, KS. Triệu Thị Lệ Giang; KS. Phạm Công Phan; CN. Nguyễn Hiền Phương; CN. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; CN. Đinh Thị Huyền Trang. - Phú Thọ - Công ty TNHH Nhật Minh Phú Thọ, 2021; 04/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát bổ sung và lựa chọn công nghệ phù hợp để xây dựng mô hình thực hiện dự án. Chuyển giao, tiếp nhận quy trình công nghệ. Đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ. Xây dựng các mô hình: Xây dựng mô hình trồng chuối tây thái lan xen gừng; Xây dựng mô hình trồng chuối tây thái lan xen canh sả. Hoàn thiện bản hướng dẫn kỹ thuật. Tổ chức tuyên truyền, hội thảo đánh giá kết quả mô hình và đề xuất các biện pháp ứng dụng, nhân rộng kết quả của dự án.

Số hồ sơ lưu: PTO-2021-009

85154.02-2023 **Xây dựng mô hình áp dụng khoa học và công nghệ trồng măng tây xanh trên vùng đất bãi tại thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ**/ ThS. Phan Thanh Dương, ThS. Phan Thanh Dương; Phạm Xuân Hiệp; Nguyễn Mạnh Hoàn; Nguyễn Thị Bích Phượng; Đỗ Quốc Hưng; Lại Hữu Dương; Trần Thu Hà; Nguyễn Văn Vinh; Nguyễn Cao Khải. - Phú Thọ - UBND Thành phố Việt trì, 2021; 01/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát bổ sung và lựa chọn công nghệ phù hợp để xây dựng mô hình thực hiện dự án. Chuyển giao và tiếp nhận công nghệ, tập huấn kỹ thuật. Xây dựng thành công mô hình trồng măng tây xanh. Hoàn chỉnh bản hướng dẫn kỹ thuật trồng chăm sóc và thu hoạch măng tây xanh. Tổ chức thông tin tuyên truyền kết quả thực hiện dự án.

Số hồ sơ lưu: PTO-2021-008

85157.02-2023 **Xây dựng mô hình trồng rau quả trong nhà màng tại thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ**/ Đinh Công Thọ, - Phú Thọ - Trung tâm ứng dụng và Thông tin KHCN, 2021; 04/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát bổ sung và lựa chọn công nghệ phù hợp để xây dựng mô hình thực hiện dự án. Chuyển giao và tiếp nhận công nghệ, tập huấn kỹ thuật. Xây dựng thành công mô hình sản xuất rau quả ứng dụng công nghệ cao trong nhà màng bao gồm: 300m2 trồng cà chua, sản xuất 02 vụ, sản lượng đạt 2,0 tấn/vụ; 300m2 trồng dưa lê Super Honey 007 diện tích 300m2, sản xuất 03 vụ, sản lượng đạt 1 tấn/vụ; 400m2 trồng dưa chuột, sản xuất 04 vụ, sản lượng đạt 2,0 tấn/vụ. Hoàn chỉnh được bản

hướng dẫn kỹ thuật trồng thâm canh một số giống rau quả trong nhà màng phù hợp với điều kiện tỉnh Phú Thọ.

Số hồ sơ lưu: PTO-2021-007

85463.02-2023 **Nghiên cứu xây dựng mô hình vườn thanh long kiểu mẫu ứng dụng công nghệ cao**/ ThS. Phan Hà, TS. Nguyễn Văn Hòa Đồng chủ nhiệm: KS. Nguyễn Văn Mẫn; TS. Nguyễn Hồng Thủy; TS. Trần Thị Mỹ Hạnh; ThS. Nguyễn Văn Sơn; ThS. Nguyễn Tuấn Phong; TS. Lê Quang Khôi; ThS. Nguyễn Thành Hiếu; CN. Nguyễn Thu Hoanh; KS. Võ Văn Điệp; CN. Lê Thị Liên Phương - Sở Khoa học và Công nghệ Tiền Giang - Sở Khoa học và Công nghệ Tiền Giang, 2020; 04/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Áp dụng công nghệ 4.0, công nghệ cao, biện pháp kỹ thuật, quản lý tiên tiến phù hợp với điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội của tỉnh để xây dựng một mô hình vườn thanh long kiểu mẫu quy mô 2ha để các nông hộ trong vùng trồng thanh long của tỉnh đến tham quan, học tập, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, đồng thời làm cơ sở cho công tác nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, cải tiến kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 2021-T-02/KQNC

85498.02-2023 **Ứng dụng kỹ thuật tiến bộ xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây thanh long ruột đỏ và cây Trám đen tại 02 xã Yên Lập và Yên Thượng, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình**/ ThS. Nguyễn Hữu Hiếu, ThS. Nguyễn Hữu Hiếu; ThS. Nguyễn Thị Thuận; ThS. Phạm Thị Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Hải; ThS. Ngô Thị Tú Quyên; ThS. Lê Văn Đại - Hòa Bình - Trung tâm Nghiên cứu thực nghiệm Rau, Hoa, Quả Gia Lâm, 2020; 11/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định giống và biện pháp kỹ thuật phù hợp cho việc phát triển thanh long ruột đỏ và trám đen tại hai xã vùng cao huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình góp phần từng bước phát triển một nền nông nghiệp bền vững, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao thu nhập và tiến tới làm giàu cho người nông dân miền núi; Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm một số giống thanh long ruột đỏ và trám đen tại hai xã vùng cao huyện Cao Phong, Hòa Bình; Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng Thanh Long ruột đỏ và trám đen phù hợp với điều kiện vùng cao của huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

Số hồ sơ lưu: TL_TD CPHB

85563.02-2023 **Đánh giá, xác định bằng chỉ thị phân tử DNA và hình thái kết hợp bảo tồn một số giống lan Hoàng thảo (Dendrobium spp.) có giá trị**/ TS. Huỳnh Hữu Đức, TS. Dương Hoa Xô; TS. Hà Thị Loan; ThS. Nguyễn Trường Giang; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; KS. Nguyễn Thị Xuân Hiền; KS. Nguyễn Hoàng Cẩm Tú; ThS. Nguyễn Tấn Đức; ThS. Võ Minh Phát - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Công nghệ sinh học Tp Hồ Chí Minh, 2021; 05/2019 -

05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập, đánh giá chọn lọc một số giống lan Hoàng thảo (Dendrobium). Xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn gen cho một số giống lan Hoàng thảo dựa trên chỉ thị phân tử DNA barcode. Xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn gen cho các giống lan Hoàng thảo thu thập dựa trên chỉ thị phân tử SSR. Lưu trữ in vitro một số giống lan Hoàng thảo có giá trị. Thiết lập cơ sở dữ liệu hình thái và di truyền một số giống lan Hoàng thảo phục vụ công tác bảo tồn và định danh.

Số hồ sơ lưu: HCM-014-2022

85565.02-2023 **Lai tạo và khảo nghiệm một số tổ hợp lai dưa lưới (Cucumis melo L.) thích hợp canh tác trong nhà màng vùng Nam Bộ**/ ThS. Đoàn H ữu Cường , TS. Hà Thị Loan; ThS. Phan Diễm Quỳnh; TS. Huỳnh Hữu Đức; ThS. Phan Quang Hương; ThS. Lê Thị Thu Hằng; ThS. Nguyễn Trường Giang ; KS. Trần Văn Hoàn - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Công nghệ Sinh học, 2021; 12/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá đặc tính nông học và độ thuần b ằng kỹ thu ật sinh học phân tử SSRs của 8 dòng dưa lưới ở thế hệ I8. Lai tạo một số tổ hợp lai giữa 8 dòng dưa lưới ưu tú được chọn theo phương pháp lai luân giao với một nửa kiểu gen: n(n-1)/2. So sánh các tổ hợp lai (THL) dưa lưới được tạo từ nội dung 2 và đánh giá khả năng phối hợp của 08 dòng dưa lưới đời I8 về tính trạng năng suất và độ Brix. Khảo nghiệm cơ bản và khảo nghiệm sản xuất thử các tổ hợp lai dưa lưới triển vọng chọn ở ND3. Sản xuất hạt lai. Khảo nghiệm DUS 02 THL dưa lưới chọn ở ND4 và đăng ký bảo hộ giống.

Số hồ sơ lưu: HCM-013-2022

85621.02-2023 **Xây dựng bộ sưu tập các chủng vi khuẩn Bacillus spp., Pseudomonas spp. có khả năng đối kháng nấm Colletotrichum spp. gây bệnh thán thư trên cây ớt**/ ThS. Trần Thùy Trang, Lê Thị Mai Châm; Nguyễn Thị Ánh Nguyệt; Nguyễn Thị Thùy Dương; Đặng Hoàng Quyên; Đinh Anh Hòa; Đạo Nữ Diệu Hồng; Trần Thị Phấn; Trần Chí Hiếu - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Công nghệ Sinh học Tp. Hồ Chí Minh, 2020; 11/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng bộ sưu tập vi sinh vật bản địa bao gồm các chủng nấm Colletotrichum spp. gây bệnh thán thư, các chủng vi khuẩn trong đất vùng rễ ở cây ớt. Đánh giá khả năng phòng trừ bệnh thán thư của bộ chủng vi khuẩn được phân lập trong điều kiện in vivo. Lưu giữ các bộ chủng Colletotrichum spp., Bacillus spp., Pseudomonas spp. trong các Bộ sưu tập giống vi sinh vật HBCM và VTCC.

Số hồ sơ lưu: HCM-003-2022

85632.02-2023 **Nghiên cứu phát triển rau hữu cơ chất lượng cao tại huyện Lương Sơn góp phần thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh Hòa**

Bình/ TS. Trần Th ị Huế, TS. Trần Thị Huế; ThS. Lã Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Thị Huế; TS. Đỗ Duy Phái; ThS. Trần Quang Minh - Hà Nội - Viện Thổ nhưỡng Nông hóa , 2020; 04/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng cơ sở khoa học kỹ thuật để ứng dụng trong sản xuất rau hữu cơ chất lượng cao tại huyện Lương Sơn nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, phát triển ổn định và bền vững ngành sản xuất rau hữu cơ, góp phần thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh Hòa Bình; Đánh giá được thực trạng sản xuất rau hữu cơ trên địa bàn huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình; Đánh giá được chất lượng đất, chất lượng nước tưới, yếu tố hạn chế việc nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế trong sản xuất rau hữu cơ trên địa bàn huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình; Xác định được kỹ thuật quản lý dinh dưỡng cho rau hữu cơ phát triển bền vững và hiệu quả tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình; Xác định được kỹ thuật quản lý sâu bệnh hại cho sản xuất rau hữu cơ chất lượng cao tại huyện Lương Sơn, Hòa Bình; Xây dựng thành công được 04 mô hình phát triển rau hữu cơ (cà chua, xà lách xoăn, củ cải, củ dền) trên địa bàn huyện Lương Sơn.

Số hồ sơ lưu: RLS_HB

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc

84813.02-2023 **Xây dựng mô hình liên kết chuỗi sản xuất và tiêu thụ dược liệu cát cánh, đan sâm, bạch truật theo hướng GACP-WHO nhằm xây dựng nông thôn mới tại Na Hang tỉnh Tuyên Quang**/ CN. Phạm Thị Thúy Hường, ThS. Nguyễn Thị Duyên; TS. Trần Văn Khanh; TS. Bùi Kim Thúy; KS. Phan Việt Đông; ThS. Lê Thị Thu; TS. Phan Thúy Hiền; ThS. Đào Văn Núi; ThS. Trần Văn Thắng; ThS. Nguyễn Bá Hưng - Hà Nội - Công ty Cổ phần Dược phẩm và Chuyển giao Công nghệ Fusi, 2021; 02/2020 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát, lựa chọn địa điểm triển khai của dự án; Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống; Nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng Cát cánh, Đan sâm và Bạch truật; Xây dựng mô hình sản xuất giống Cát cánh, Đan sâm và Bạch truật; Xây dựng mô hình trồng cây dược liệu Cát cánh, Đan sâm, Bạch truật; Xây dựng mô hình liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Tiếp nhận và hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng, thu hoạch, chế biến, bảo quản Cát cánh, Đan sâm, Bạch truật theo hướng GACP phù hợp với địa phương. Xây dựng được mô hình liên kết chuỗi sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm của cát cánh, Đan sâm, Bạch truật góp phần xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, tại Na Hang, Tuyên Quang.

Số hồ sơ lưu: 20891

84864.02-2023 **Sản xuất thử các giống cà phê vối chín muộn TR14, TR15 chất lượng cao tại các tỉnh Tây Nguyên**/ ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai, KS. Nông Khánh

Nương; ThS. Đinh Thị Tiếu Oanh; ThS. Nguyễn Đình Thoảng; ThS. Lê Văn Phi; ThS. Lê Văn Bốn; ThS. Lại Thị Phúc; ThS. Vũ Thị Danh; TS. Hoàng Quốc Trung; KS. Trần Hoàng Ân; ThS. Đào Hữu Hiền; KS. Trần Thị Bích Ngọc; KTV. Hạ Thục Huyền; KS. Nguyễn Chí Phúc - Đắk Lắk - Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp Tây Nguyên, 2022; 01/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống vô tính 2 giống cà phê vối TR14 và TR15, tỷ lệ đạt tiêu chuẩn xuất vườn trên 95%, quy trình được công nhận cấp cơ sở. Quy trình trồng, thâm canh 2 giống cà phê vối TR14, TR15, năng suất giai đoạn kinh doanh ≥ 5,5 tấn/ha, tỷ lệ hạt trên sàng số 16 ≥ 90%, khối lượng 100 nhân ≥ 20 g, quy trình công nhận cấp cơ sở. Sản xuất thử: 80.000 cây giống đạt tiêu chuẩn xuất vườn (đường kính gốc ghép ≥3mm, chiều cao cây tính từ mặt bầu ≥25cm trong đó chiều cao phần chồi ghép ≥10cm, chồi ghép có ≥ 1 cặp lá phát triển hoàn chỉnh); 30 ha 2 giống cà phê TR14, TR15 (4 ha ghép cải tạo, 26 ha trồng mới), cây sinh trưởng phát triển tốt, năng suất giai đoạn kinh doanh đạt ≥5,5 tấn/ha, tỷ lệ hạt trên sàng 16 ≥90%, khối lượng 100 nhân ≥20g.

Số hồ sơ lưu: 20920

85094.02-2023 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình trồng rừng thâm canh giống Keo lai nuôi cấy mô tế bào KLTA3 và KL2 năng suất cao trên một số điều kiện lập địa của tỉnh Phú Thọ**/ ThS. Trần Hữu Chiến, - Phú Thọ - Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy, 2019; 01/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát bổ sung và thu thập tài liệu để đánh giá đề xuất vùng trồng các loại Keo lai bằng nguồn giống nuôi cấy mô trên địa bàn tỉnh PhúThọ. Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng rừng thâm canh giống Keo lai KLTA3 và KL2 bằng giống nuôi cấy mô với quy mô 10 ha (05 ha giống KLTA3 và 05 ha KL2), năng suất tối thiểu đạt 20m3 /ha/năm. Hoàn thiện bản hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng thâm canh 02 giống Keo lai KLTA3 và KL2 từ nguồn giống nuôi cấy mô (Tài liệu hướng dẫn được Sở Nông nghiệp và PTNT thông qua). Nâng cao nhận thức cho người dân về trồng rừng thâm canh thông qua tập huấn kỹ thuật cho 100 lượt hộ nông dân về kỹ thuật trồng rừng trồng rừng thâm canh 02 giống Keo lai KLTA3 và KL2 từ nguồn giống nuôi cấy mô.

Số hồ sơ lưu: PTO-2019-002

40106. Bảo vệ thực vật

84072.02-2023 **Nghiên cứu ứng dụng nấm săn mồi *Arthrobotrys sp.* kết hợp với khuẩn ký sinh ấu trùng và nấm ký sinh trứng để tiêu diệt tuyến trùng phòng ngừa bệnh vàng lá thối rễ trên cây có múi**/ ThS. Lê Thanh Bình, ThS. Trương Minh Ngọc; ThS. Đỗ Thị Mai Trinh; KS. Nguyễn Thị Liên; ThS. Nguyễn Đào Thanh Hương; CN. Hồ Thị Nguyệt; ThS. Nguyễn Bá Thọ - Hồ Chí Minh - Chi nhánh Viện Ứng

dụng Công nghệ tại thành phố Hồ Chí Minh - Viện Ứng dụng Công nghệ, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu và phát triển một chế phẩm sinh học có khả năng kiểm soát tuyến trùng gây hại cho cây có múi. Phân lập và tìm ra một số chủng vi sinh có khả năng kiểm soát và tiêu diệt tuyến trùng có hiệu quả cao. Xây dựng quy trình sản xuất chế phẩm từ các chủng vi sinh đã được tuyển chọn có hiệu quả kiểm soát tuyến trùng đạt từ 70%.

Số hồ sơ lưu: 20429

84074.02-2023 **Nghiên cứu tạo chế phẩm sinh học kháng bệnh héo xanh trên cây dưa chuột (*Cucumis sativus*) do vi khuẩn *Ralstonia solanacearum* gây ra**/ ThS. Trương Minh Ngọc, ThS. Lê Thanh Bình; ThS. Nguyễn Bá Thọ; KS. Nguyễn Thị Liên; ThS. Nguyễn Đào Thanh Hương; CN. Hồ Thị Nguyệt; ThS. Đỗ Thị Mai Trinh - Hồ Chí Minh - Chi nhánh Viện Ứng dụng Công nghệ tại thành phố Hồ Chí Minh - Viện Ứng dụng Công nghệ, 2021; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tuyển chọn tối thiểu 3 chủng vi sinh vật có khả năng đối kháng mạnh với vi khuẩn *Ralstonia solanacearum* gây bệnh héo xanh trên cây dưa chuột. Xây dựng được quy trình sản xuất chế phẩm sinh học kháng bệnh héo xanh trên cây dưa chuột (*Cucumis sativus*) do vi khuẩn *Ralstonia solanacearum* gây ra trên qui mô pilot. Đánh giá được hiệu quả ứng dụng chế phẩm sinh học nghiên cứu trong việc phòng trị bệnh héo xanh trên dưa chuột do vi khuẩn *Ralstonia solanacearum* gây ra trong điều kiện thực tế đồng ruộng.

Số hồ sơ lưu: 20428

85633.02-2023 **Nghiên cứu một số giải pháp cấp bách để phòng trừ sâu keo mùa thu *Spodoptera frugiperda* hại ngô tại tỉnh Hòa Bình**/ TS. Lê Xuân Vị, TS. Lê Xuân Vị; TS. Lê Thị Tuyết Nhung; ThS. Kim Thị Hiền; KS. Phạm Văn Sơn; KS. Thế Thành Nam; TS. Nguyễn Hồng Yến; ThS. Vũ Thị Thanh Huyền; ThS. Vũ Thị Anh Đào; ThS. Hoàng Thị Bích Huệ; KS. Lê Đức Trung - Hà Nội - Viện Bảo vệ thực vật, 2020; - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cung cấp các dữ liệu cơ bản về đặc tính gây hại; đặc điểm sinh học, sinh thái của sâu keo mùa thu *Spodoptera frugiperda* cho công tác chỉ đạo sản xuất ngô tại Hòa Bình; Biết được sự phân bố, ký chủ của sâu keo mùa thu và đánh giá được tác hại của chúng đối với cây ngô tại tỉnh Hòa Bình; Nắm được tập tính gây hại của sâu keo mùa thu và quy luật phát sinh gây hại của chúng trên cây ngô; Đưa ra các giải pháp cụ thể trong phòng, chống sâu keo mùa thu ở các mùa vụ khác nhau; Xây dựng được quy trình kỹ thuật phòng chống tổng hợp đối với loài sâu keo mùa thu.

Số hồ sơ lưu: SKMT_HB

40107. Bảo quản và chế biến nông sản

84401.02-2023 **Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản theo hướng an toàn và bền vững nhằm đáp ứng mục tiêu xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An**/ CN. Ngô Hoàng Linh, ThS. Lê Minh Thanh; KS. Nguyễn Đức Nam; KS. Nguyễn Thị Hoa; KS. Thái Văn Duy; KS. Nguyễn Thị Ngọc; KS. Phạm Xuân Trung; ThS. Đặng Văn Quát; KS. Nguyễn Văn Sơn; ThS. Ngô Thị Oanh - Nghệ An - Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Nghệ An, 2022; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng thành công công nghệ mới trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi một số sản phẩm chủ lực để nâng cao được năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế và đưa tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ mới chiếm 10 – 15% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Nam Đàn. Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương và người nông dân tiếp cận, ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 20702

84453.02-2023 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất túi bao quả trên cây, ứng dụng phù hợp với điều kiện canh tác và khí hậu Việt Nam**/ ThS. Phạm Cao Thăng, KS. Lã Mạnh Tuân; ThS. Phạm Thị Mai; KS. Vũ Thị Nhị; KS. Phạm Minh Tuấn; ThS. Cù Ngọc Linh; TS. Lê Như Đa; TS. Nguyễn Thị Hồng Vân; TS. Trần Quốc Toàn; ThS. Phạm Tiến Đạt - Hà Nội - Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch, 2021; 01/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm chủ được công nghệ sản xuất túi bao quả trên cây phù hợp với đặc tính sinh lý, sinh trưởng và phát triển của một số loại quả; Hoàn thiện hệ thống thiết bị trên cơ sở dây chuyền thiết bị sản xuất bao bì hiện có tại Việt Nam để sản xuất túi bao quả trên cây đảm bảo chất lượng túi tương đương sản phẩm nhập khẩu với chi phí sản xuất giảm tối thiểu 15%. Xây dựng được quy trình sản xuất vật liệu nền có đặc tính chung cho túi bao quả. Xây dựng được quy trình sản xuất túi bao quả trên cây từ vật liệu sẵn có, thân thiện với môi trường, phù hợp với đặc tính sinh lý, sinh trưởng và bệnh dịch hại của một số loại quả chủ lực của Việt Nam (xoài, na, chuối). Hoàn thiện hệ thống thiết bị hiện có, sản xuất 150.000 túi bao quả cho mỗi loại quả trên. Túi bao quả đảm bảo chất lượng tương đương với sản phẩm nhập khẩu cùng loại, có độ bền cao (sử dụng 2- 4 vụ), thân thiện với môi trường với chi phí sản xuất giảm tối thiểu 15%; Xây dựng được mô hình ứng dụng túi bao quả trên cây cho một số loại quả đại diện ở các vùng sinh thái khác nhau gồm: quả xoài (tại Sơn La), quả na (tại Lạng Sơn); quả chuối (tại Hưng Yên) với quy mô 0,5 ha cho mỗi loại quả.

Số hồ sơ lưu: 20698

84456.02-2023 **Nghiên cứu, phân loại hoa quả xuất khẩu bằng công nghệ xử lý ảnh kết hợp mạng trí tuệ nhân tạo**/ TS. Đỗ Văn Đỉnh, ThS. Đoàn Thị Thu Hằng; TS. Ngô

Hữu Mạnh; ThS. Nguyễn Tiến Phúc; ThS. Vũ Quang Ngọc; ThS. Vũ Hồng Phong; ThS. Mạc Văn Giang; ThS. Trịnh Văn Cường; ThS. Phạm Văn Kiên; ThS. Hoàng Thị An; ThS. Phạm Thị Hường; TS. Phạm Văn Nam - Hà Nội - Trường Đại học Sao Đỏ, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm chủ công nghệ nhận dạng bằng tích hợp xử lý ảnh và mạng nơ-ron nhân tạo; Thiết kế và chế tạo, thử nghiệm 01 hệ thống dây chuyền phân loại hoa quả xuất khẩu có năng suất > 50 kg/h; Xây dựng các bài tập thực hành phục vụ công tác đào tạo của Nhà trường. Tổng quan về kỹ thuật nhận dạng sử dụng công nghệ xử lý ảnh kết hợp với mạng nơ-rôn nhận tạo; Nghiên cứu, tìm hiểu các yêu cầu chung và quy trình sản xuất hoa quả; Trích chọn đặc trưng hoa quả xuất khẩu; Thiết kế, chế tạo hệ thống dây chuyền phân loại hoa quả xuất khẩu; Thực nghiệm và đánh giá kết quả; Xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng thiết bị và các bài tập thực hành phục vụ công tác đào tạo của Nhà trường.

Số hồ sơ lưu: 20697

84847.02-2023 **Xây dựng mô hình liên kết sản xuất sơ chế, tiêu thụ sản phẩm từ một số cây dược liệu theo tiêu chuẩn GACP-WHO (Sa nhân, Sâm cau, Sả, Hoắc hương, Cát cánh) góp phần phát triển sinh kế và xây dựng nông thôn mới tại hai tỉnh vùng Tây Bắc**/ TS. Hoàng Thanh Lộc, Đào Mạnh Cường; Trần Thị Phương; Lò Văn Nhất; Nguyễn Văn Thành; Cao Thị Luyến; Lò Thị Phượng; Nguyễn Thị Dung; Vũ Việt Dũng; Đỗ Mạnh Hùng; Phương Công Thắng; Trần Minh Thao; TS. Nghiêm Tiến Chung; ThS. Tạ Như Thục Anh; TS. Nguyễn Thị Phương; TS. Lương Thị Hoan - Hà Nội - Công ty TNHH giống Lâm nghiệp Tây Bắc, 2022; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình nhân giống, trồng, thu hoạch, sơ chế và bảo quản 5 loài cây dược liệu (Sa nhân, Sâm cau, Sả, Hoắc hương, Cát cánh) theo tiêu chí GACP tại tỉnh Điện Biên và Hòa Bình. Xây dựng 5 mô hinh trồng cây dược liệu quy mô 25 ha, Điện Biên 2 mô hình (Sa nhân, Sâm cau), Hòa Bình 3 mô hình (Sả, Hoắc hương, Cát cánh), mỗi mô hình 5 ha, theo tiêu chuẩn GACP-WHO. Xây dựng 2 mô hinh liên kết sản xuất, sơ chế, tiêu thụ (Điện Biên 1 mô hình, Hòa Bình 1 mô hình) với sự tham gia của doanh nghiệp để gây trồng, thu hoạch, sơ chế, tiêu thụ sản phẩm dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP-WHO. Xây dựng 01 bộ sổ tay hướng dẫn kỹ thuật sản xuất 5 loài dược liệu được chọn (giống, trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản).

Số hồ sơ lưu: 20912

40199. Khoa học trồng trọt khác

85585.02-2023 **Chọn giống đậu phộng trồng trên đất giồng cát cho năng suất tại tỉnh Trà Vinh**/ ThS. Huỳnh Vân An, ThS. Huỳnh Vân An; Lưu Thị Bích Liên; KS. Lê Thị Hồng Gấm; Đỗ Thị Kim Giàu; Lê Ngọc Yến Nhi; KS. Ngô Chí Thiện - Trà Vinh - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ Trà

Vinh, 2022; 07/2020 - 01/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đã xây dựng được mô hình trồng đậu phộng tại 03 huyện Cầu Ngang, Duyên Hải và Trà cú với 03 loại giống LDH09; LDH12; Ha01. Kết quả về sự tăng trưởng và năng suất cho thấy hai loại giống LDH12 và LDH09 đều cao hơn loại giống phổ biến của người nông dân đang trồng (MD7); ngoài ra, giống LDH09 và LDH12 có tỷ lệ nhiễm thấp. Riêng giống Ha01 có sự tăng trưởng kém hơn giống đối chứng MD07 và năng suất chỉ đạt dưới 6 tấn/ha.Sau hai vụ triển khai thực hiện đề tài tại 03 huyện Cầu Ngang, Trà Cú và Duyên Hải, các giống được bố trí xây dựng mô hình gồm LDH09, LDH12, MD7 và Hatri01. Kết quả đề tài ghi nhận được 02 giống cho năng suất cao là LDH09 và LDH12. Đề tài đã đạt được các mục tiêu đề ra. Hai giống đậu phộng được chọn là giống LDH09 và LDH12.

Số hồ sơ lưu: TVH-2022-007

40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi

84471.02-2023 **Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen vật nuôi**/ TS. Phạm Công Thiếu, ThS. Phạm Hải Ninh; TS. Nguyễn Công Định; ThS. Phạm Đức Hồng; KS. Dương Thị Phương Lan; KS. Ngô Thị Lệ Quyên; ThS. Trịnh Duy Linh; ThS. Nguyễn Khắc Khánh; KS. Nguyễn Đức Lâm; TS. Phạm Đức Hạnh - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Bảo tồn, lưu giữ các nguồn gen vật nuôi Việt Nam nhằm góp phần bảo vệ đa dạng sinh học và cân bằng sinh thái và phát triển chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và bền vững. Cung cấp nguồn nguyên liệu cho công tác lai tạo giống, nghiên cứu khoa học và đào tạo. Bảo tồn 15 nguồn gen vật nuôi và tinh lợn Ỉ nhằm đảm bảo sự đa dạng trong từng giống/nguồn gen, tránh lai tạo góp phần bảo tồn sự đa dạng sinh học. Bảo tồn tại chỗ (insitu) an toàn 03 nguồn gen ong tại các tỉnh Tiền Giang, Quảng Ninh, Điện Biên và Tuyên Quang. Điều tra tìm kiếm thu thập được một số nguồn gen vật nuôi và nguồn gen ong. Đánh giá sơ bộ nguồn gen gà lông xù, đánh giá chi tiết nguồn gen gà lùn Cao Sơn và đánh giá sai khác di truyền nguồn gen gà Mã Đà.

Số hồ sơ lưu: 20671

84491.02-2023 **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen Vi sinh vật thú y**/ TS. Nguyễn Trung Tiến, ThS. Phạm Quang Trung; ThS. Vũ Thị Mỹ Hạnh; ThS. Hoàng Thị Thu Hương; BSTY. Trần Tiến Quân; ThS. Trần Thị Lan Uyên; BSTY. Nguyễn Thị Loan; TS. Đoàn Thị Thanh Hương - Hà Nội - Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc thú y Trung ương 1, 2022; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen, góp phần sử dụng hiệu quả, bền vững nguồn gen vi sinh vật thú y. Khai thác và sử dụng hiệu quả phục vụ công tác bảo vệ sức khỏe đàn gia súc, gia cầm. Tăng khả năng cạnh tranh trong xu thế hội nhập quốc tế. Lưu giữ, bảo quản thường xuyên

42 nguồn gen vi sinh vật thú y. Kiểm tra đánh giá định kỳ 10 giống vi sinh vật thú y bao gồm : 8 giống vi khuẩn (Tụ huyết trùng trâu bò P 52; Tụ huyết trùng lợn Ps1; Leptospira 6 chủng); 2 giống virus (Viêm gan vịt cường độc; Viêm gan vịt nhược độc). Giải mã gen đặc trưng 6 chủng Leptospira. Tư liệu hóa nguồn gen vi sinh vật thú y dưới hình thức cơ sở dữ liệu bằng văn bản . Cung cấp giống cho các đơn vị chẩn đoán , nghiên cứu , giảng dạy và kiểm nghiệm chế phẩm sinh học dùng trong thú y.

Số hồ sơ lưu: 20665

85566.02-2023 **Nghiên cứu lai tạo dê sữa F1 (Saanen × Bách Thảo) và xây dựng mô hình chăn nuôi dê sữa khu vực Thành phố Hồ Chí Minh**/ TS. Lê Thụy Bình Phương, PGS. TS. Dương Nguyên Khang; TS. Trần Độc Lập; ThS. Lê Việt Bảo; KS. Trần Xuân Lam; ThS. Đặng Hoàng Đạo; KTV. Hà Duy Hoài - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Khoa học Công nghệ, 2021; 12/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tạo giống dê lai (Saanen x Bách Thảo) nhằm đạt năng suất sữa cao hơn so với giống Bách Thảo thuần. Bên cạnh đó, quy trình lai tạo giống cần đi đôi với xây dựng khẩu phần thức ăn phù hợp (chủ yếu là các phụ phẩm sẵn có) và hoàn thiện các quy trình chăm sóc để dê lai có thể đạt được năng suất sữa tối ưu. Phát triển phương thức nuôi nhốt để phù hợp với diện tích ngày càng thu hẹp ở Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn thiện mô hình chăn nuôi dê tiêu biểu, sau đó liên kết và chuyển giao cho nông hộ để giúp mô hình phát triển sâu rộng tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-103-2022

40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi

84378.02-2023 **Nghiên cứu ủ chua quả điều giả làm thức ăn cho gia súc**/ TS. Nguyễn Văn phú, TS. Đoàn Vĩnh; ThS. Phan Thị Tường Vi; ThS. Lã Thị Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Thị Yến; ThS. Đậu Văn Hải; ThS. Hoàng Thị Ngân; KS. Phạm Ngọc Thảo; KS. Đinh Thị Quỳnh Liên; KS. Nguyễn Duy Khánh; CN. Vũ Minh; ThS. Phan Văn Sỹ - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2021; 01/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đưa ra các phương pháp ủ chua và sử dụng quả điều giả làm thức ăn cho gia súc. Nghiên cứu ủ yếm khí quả điều giả tươi với các loại cơ chất bổ sung khác nhau trong phòng thí nghiệm. Đánh giá khả năng phân giải trong dạ cỏ bằng phương pháp in sacco. Đã xây dựng 01 quy trình ủ chua, bảo quản quả điều giả kéo dài được thời gian bảo quản trên 3 tháng, giữ được trên 80% chất lượng so với quả điều khi bắt đầu ủ dễ sử dụng làm thức ăn cho gia súc. Xây dựng 04 mô hình gồm: bò sữa 20 con, bò thịt 40 con, dê thịt 80 con và cừu thịt 120 con sử dụng quả điều giả ủ chua theo công thức 75% quả điều giả; 25% rơm khô có bổ sung 0,2% men vi sinh cho thấy hiệu quả như sau: làm giảm chi phí thức ăn từ

7-10% và tăng khối lượng của gia súc từ 4,2 – 9,1%.

Số hồ sơ lưu: 20673

40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi

84377.02-2023 **Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nâng cao chất lượng đàn bò và trồng, chế biến thức ăn thô cho bò thịt tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.**/ KS. Đỗ Xuân Hồng, KTV. Nguyễn Đức Mạnh; KTV. Nguyễn Văn Chiến; KTV. Nguyễn Văn Toàn; KTV. Nguyễn Đức Mạnh - Tuyên Quang - Công ty TNHH MTV dịch vụ thương mại Hồng Ánh, 2021; 08/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong lai tạo để nâng cao chất lượng đàn bò của địa phương và trồng, chế biến thức ăn thô cho bò trên địa bàn huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Tiếp nhận và làm chủ được các quy trình công nghệ trong chăn nuôi bò thịt, trồng và chế biến thức ăn từ tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ (Trung tâm Nghiên cứu Bò và Đồng cỏ Ba Vì). Chuyển giao được 10 quy trình công nghệ áp dụng trong chăn nuôi bò. các hộ chăn nuôi áp dụng thành thạo và có hiệu quả; Đào tạo được 5 kỹ thuật viên cho cơ sở và tập huấn cho 200 lượt hộ chăn nuôi về các quy trình kỹ thuật chăn nuôi bò thịt;

Số hồ sơ lưu: 20672

84846.02-2023 **Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng mô hình phát triển chăn nuôi lợn đen bản địa tỉnh Lào Cai**/ KS. Vũ Kim Hải, KS. Nguyễn Thị Hằng; CN. Nguyễn Thị Thu; CN. Hoàng Thị Loan; TS. Hồ Lam Sơn; TS. Nguyễn Văn Trung; TS. Trịnh Hồng Sơn; ThS. Nguyễn Ngọc Minh; TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung; ThS. Hoàng Đức Long - Lào Cai - Công ty TNHH Anh Nguyên, 2021; 08/2017 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao, tiếp nhận và ứng dụng quy trình công nghệ, tiến bộ kỹ thuật mới phát triển mô hình chăn nuôi bền vững giống lợn Mường Khương tỉnh Lào Cai. Xây dựng mô hình trang trại chăn nuôi tập trung lợn đen bản địa gồm: đàn lợn hạt nhân, sinh sản và lợn thịt. Ứng dụng chế phẩm vi sinh hữu hiệu (EM) vào xử lý môi trường và chất thải chăn nuôi.

Số hồ sơ lưu: 20913

85081.02-2023 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm giống gà sao theo hướng an toàn sinh học tại tỉnh Phú Thọ.**/ ThS. Hoàng Trung Dũng, ThS. Hoàng Trung Dũng; CN. Đỗ Thế Đạt; CN. Lê Tùng Lâm; CN. Vũ Anh Ninh; KS. Hoàng Thị Loan; ThS. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. Phạm Việt Hoà; KS. Hà Tuấn Việt. - Việt Trì - Công ty TNHH Bảo Châu Phú Thọ, 2021; 03/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, đánh giá bổ sung, lựa chọn địa điểm triển khai dự án. Hỗ trợ ứng dụng quy trình công nghệ. Đào tạo, tập huấn quy trình công

nghệ cho kỹ thuật viên và người dân. Xây dựng mô hình sản xuất giống gà sao, mô hình nuôi gà sao thương phẩm theo hướng an toàn sinh học. Tổ chức tuyên truyền, hội thảo đánh giá kết quả mô hình và đề xuất các biện pháp ứng dụng, nhân rộng kết quả của dự án.

Số hồ sơ lưu: PTO-2021-018

40299. Khoa học chăn nuôi khác

85242.02-2023 **Nghiên cứu xây dựng quy trình nuôi vỗ thành thục và hoàn thiện kỹ thuật sản xuất giống tôm đất (Metapenaeus ensis De Haan 1844) từ nguồn bố mẹ tự nhiên trong các ao/đầm/ruộng tại tỉnh Trà Vinh**/ TS. Lê Văn Chí, TS. Lê Văn Chí; TS. Nguyễn Văn Dũng; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; TS. Trương Quốc Thái; TS. Nguyễn Văn Hùng; CN. Nguyễn Khắc Đạt; Nguyễn Chánh Đức; Nguyễn Hải Đăng - Nha Trang - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2022; 10/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng quy trình nuôi vỗ thành thục tôm đất bố mẹ tự nhiên trong các ao/đầm/ruộng tại địa phương: nghiên cứu ảnh hưởng của thức ăn, độ mặn, nhiệt độ, chế độ cho ăn, tỷ lệ cho ăn. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sinh sản nhân tạo tôm đất từ nguồn tôm bố mẹ nuôi vỗ. Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho các trại sản xuất giống treeb địa bàn tỉnh Trà Vinh

Số hồ sơ lưu: TVH-2022-002

85542.02-2023 **Xây dựng mô hình chăn nuôi chồn hương giống và chồn hương thương phẩm.**/ KS. Trần Hương Đạo, Trần Hưng Đạo; Nguyễn Quyết Thắng; Lương Thị Thúy Hằng; Nguyễn Minh Đức - Hợp tác xã nông nghiệp nuôi ong lấy mật Quyết Thắng - Hợp tác xã nông nghiệp nuôi ong lấy mật Quyết Thắng, 2022; 09/2020 - 08/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình nuôi chồn hương giống và chồn hương thương phẩm nhằm đánh giá khả năng thích nghi, sinh sản của chồn hương giống và khả năng sinh trưởng, phát triển chồn hương thương phẩm. Hoàn thiện quy trình nuôi chồn hương sinh sản và thương phẩm phù hợp trên địa bàn huyện Tuyên Hóa. Kết thúc nhiệm vụ số lượng chồn hương 73 con (trong đó 10 con chồn hương cái nền, 3 con chồn hương đực giống) và 60 con chồn hương con (chọn ra 10-15 con chồn hương cái và 4-7 con chồn hương đực để làm nguồn giống sinh sản, số còn lại để nuôi thương phẩm). Mô hình thành công sẽ làm cơ sở cho việc tuyên tuyền, khuyến cáo và chuyển giao để nhân mô hình ra diện rộng.

Số hồ sơ lưu: 07/2022-QLKHCN-CS

85580.02-2023 **Cải thiện khả năng sinh sản của bò lai hướng thịt tại tỉnh Trà Vinh**/ Phạm Văn Quyến, TS. Phạm Văn Quyến; ThS. Nguyễn Văn Tiến; ThS. Giang Vi Sal; ThS. Bùi Ngọc Hùng; ThS. Nguyễn Thị Thủy; ThS. Hoàng Thị Ngân; Bác sĩ thú y Huỳnh Văn Thảo; Bác sĩ thú y Nguyễn Thị Ngọc Hiếu; Trần Văn Nhứt; Bác sĩ thú y Thạch Thị Hòn; Bác sĩ thú y Hoàng Thanh

Dũng; Nguyễn Thanh Hoàng. - Bình Dương - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chăn nuôi gia súc lớn, 2022; 12/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu hiện trạng chăn nuôi và những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sinh sản của bò lai hướng thịt; Nghiên cứu khả năng sinh sản của các nhóm bò lai F1 hướng thịt; Nghiên cứu khả năng sinh trưởng của các nhóm bò lai F2 hướng thịt và khả năng nuôi con của bò cái lai F1 hướng thịt; Nghiên cứu sử dụng liệu pháp kết hợp hormone để xử lý tình trạng chậm động dục ở bò cái sinh sản và bò cái tơ hướng thịt; Nghiên cứu giải pháp can thiệp sản khoa và sử dụng liệu pháp kết hợp hormone đối với bò cái sinh sản hướng thịt gieo tinh nhiều lần không đậu thai

Số hồ sơ lưu: TVH-2022-005

40402. Tài nguyên rừng

85562.02-2023 **Ứng dụng viễn thám định giá dịch vụ hệ sinh thái khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ**/ CN. Hoàng Trang Thư, ThS. Phạm Thị Thảo Nhi; CN. Trương Thảo Sâm; PGS. TS. Đào Nguyên Khôi - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân loại các loại hình sử dụng đất của rừng ngập mặn Cần Giờ bằng kỹ thuật viễn thám. Định giá dịch vụ sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ. Thu thập và tổng hợp các tài liệu về hiện trạng sử dụng đất, các nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan; Thu thập và tiền xử lý ảnh viễn thám phục vụ phân loại sử dụng đất huyện Cần Giờ; Khảo sát thực địa và phân loại sử dụng đất bằng phương pháp phân loại có kiểm định; Đánh giá hiện trạng sử dụng đất rừng ngập mặn Cần Giờ; Thu thập và tổng hợp các tài liệu về tài nguyên, kinh tế - xã hội, hệ sinh thái, dịch vụ sinh thái, các nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan; Đánh giá và xác định các loại hình dịch vụ hệ sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ dựa vào kết quả phân loại sử dụng đất; Khảo sát thực địa và tính toán giá trị dịch vụ hệ sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ; Phân tích và đánh giá giá trị dịch vụ hệ sinh thái;

Số hồ sơ lưu: HCM-105-2022

40403. Quản lý và bảo vệ rừng

84825.02-2023 **Phát triển du lịch sinh thái và tạo nguồn sinh kế bền vững gắn với bảo tồn rừng và đa dạng sinh học tại thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum**/ ThS. Nguyễn Xuân Thanh, ThS. Ngô Thị Hồng Ngát; ThS. Lê Văn Định; KS. Vũ Xuân Khánh; ThS. Trần Đức Thưởng; ThS. Đồng Thị Thanh; ThS. Trần Văn Kiệm; KS. Nguyễn Văn Duyệt; KS. Lê Thị Hoa; CN. Trịnh Xuân Quý - Hà Nội - Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Nam Bộ, 2022; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được hiện trạng rừng và tiềm năng phát triển du lịch sinh thái và sinh kế cho cộng đồng dân tộc tại thị trấn Măng Đen; Tạo nguồn

sinh kế bền vững và nâng cao thu nhập tăng thêm 20% cho cộng đồng dân tộc thông qua phát triển du lịch sinh thái và sinh kế bền vững gắn với quản lý hiệu quả tài nguyên rừng; Nâng cao năng lực cho cộng đồng dân tộc và các bên liên quan về phát triển du lịch sinh thái và sinh kế bền vững gắn với tài nguyên rừng.

Số hồ sơ lưu: 20903

40404. Sinh thái và môi trường rừng

84478.02-2023 **Xây dựng mô hình ước tính sinh khối và trữ lượng các bon rừng ngập mặn dựa vào tư liệu viễn thám làm cơ sở đề xuất cơ chế chi trả cácbon phía Bắc Việt Nam** / PGS. TS. Nguyễn Hải Hoà, TS. Nguyễn Thị Thu Hiền; PGS.TS. Trần Quang Bảo; PGS. TS. Phùng Văn Khoa; TS. Trần Bình Đà - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2022; 12/2017 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá đặc điểm phân bố không gian rừng ngập khu vực phía Bắc Việt Nam. Xây dựng mô hình ước tính trữ lượng các bon rừng ngập mặn dựa vào tư liệu viễn thám và điều tra thực địa. Đề xuất cơ chế chi trả cho dịch vụ hấp thụ các bon rừng ngập mặn cho Việt Nam. Góp phần cơ sở khoa học xây dựng phương pháp ước tính trữ lượng các bon rừng ngập mặn dựa vào tư liệu viễn thám ở Việt Nam, từ đó góp phần đề xuất cơ chế chi trả các bon rừng ngập mặn.

Số hồ sơ lưu: 20662

85125.02-2023 **Nghiên cứu, xác định các biện pháp kỹ thuật phòng trừ tổng hợp châu chấu hại tre trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**/ TS. Trần Thanh Trăng, TS. Trần Thanh Trăng; ThS. Bùi Quang Tiếp; TS. Lê Văn Bình; TS. Đào Ngọc Quang; NCS. Nguyễn Quốc Thống; ThS. Nguyễn Hoài Thu; KS. Trần Anh Tuấn; ThS. Lê Thị Xuân; KS. Trần Viết Thắng; ThS. Nguyễn Đức Vinh. - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu Bảo vệ rừng, 2021; 03/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đặc điểm hình thái, thành phần loài và mức độ gây hại của châu chấu hại tre. Nghiên cứu triệu chứng gây hại, vòng đời và đặc điểm sinh thái của loài Châu chấu mía chày xanh *Hieroglyphus tonkinensis*. Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật phòng trừ tổng hợp Châu chấu mía chày xanh *Hieroglyphus tonkinensis*. Xây dựng mô hình thí điểm áp dụng quy trình kỹ thuật phòng trừ tổng hợp Châu chấu mía chày xanh *Hieroglyphus tonkinensis*. Tập huấn kỹ thuật, tổ chức hội thảo đánh giá và đề xuất áp dụng các kết quả nghiên cứu phòng trừ tổng hợp Châu chấu mía chày xanh *Hieroglyphus tonkinensis*

Số hồ sơ lưu: PTO-2021-010

40405. Giống cây rừng

84076.02-2023 **Nghiên cứu chọn giống và kỹ thuật trồng rừng thâm canh Xoan đào (*Pygeum arboreum* Endl.) cung cấp gỗ lớn ở vùng Đông Bắc và Tây Bắc**/ TS. Hoàng Văn Thắng, ThS. Cao Văn

Lạng; ThS. Trịnh Văn Hiệu; ThS. Cấn Thị Lan; ThS. Hoàng Văn Thành; TS. Nguyễn Trọng Điển; ThS. Hoàng Thanh Sơn; ThS. Phùng Đình Trung; TS. Vũ Văn Định; ThS. Trần Anh Hải; ThS. Hồ Trung Lương; KS. Trần Nhật Tân; ThS. Phạm Văn Viện; CN. Trịnh Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Anh Duy; KS. Trần Văn Tường; KS. Lê Xuân Mạnh - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2022; 01/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một số đặc điểm lâm học của cây Xoan đào. Chọn giống, nhân giống và khảo nghiệm giống Xoan đào. Nghiên cứu kỹ thuật trồng rừng thâm canh Xoan đào cung cấp gỗ lớn. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật nhân giống và trồng rừng thâm canh Xoan đào cung cấp gỗ lớn. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật nhân giống Xoan đào (hạt, hom), được Bộ công nhận ít nhất 01 TBKT. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng thâm canh Xoan đào cung cấp gỗ lớn. Xây dựng 6ha khảo nghiệm giống kết hợp xây dựng vườn giống hữu tính (3ha/vùng) và 10 ha thí nghiệm rừng trồng thâm canh Xoan đào cung cấp gỗ lớn (5 ha/vùng), có năng suất của các CTTN tốt vượt ít nhất 15% về thể tích thân cây so với mô hình đại trà trong sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 20430

84448.02-2023 **Khai thác và phát triển nguồn gen loài Thạch tùng răng cưa (*Huperzia serrata* (Thunb.) Trev.) tại Sapa và Đà Lạt**/ TS. Lê Thị Bích Thủy, CN. Ngô Thị Thùy Linh; PGS. TS. Nguyễn Đức Thành; ThS. Trần Thị Lương; CN. Hồ Thị Hương; CN. Nguyễn Thị Thu; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hằng; ThS. Bùi Tuấn Anh; TS. Thẩm Thị Thu Nga - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học, 2020; 01/2014 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khai thác và phát triển nguồn gen Thạch tùng răng cưa tạo nguồn nguyên liệu làm thuốc. Hoàn thiện quy trình trồng trên quy mô lớn đối với cây thuốc này. Đánh giá được đặc điểm sinh học, sinh thái học và giá trị của nguồn gen Thạch tùng răng cưa. Xây dựng quy trình nhân giống, trồng, chăm sóc và thu hoạch Thạch tùng răng cưa. Xây dựng được tiêu chuẩn cơ sở của cây giống. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của dược liệu Thạch tùng răng cưa có chỉ tiêu định lượng Huperzine A. Xây dựng vườn giống gốc và vườn giống cung cấp cây giống. Tổ chức 02 mô hình trồng Thạch tùng răng cưa dưới tán tại Sapa và Đà Lạt, quy mô 1 ha/mô hình, mật độ ≥ 500 cây/ha. Thu được sản phẩm tương đương 300 kg dược liệu Thạch tùng răng cưa tươi đạt tiêu chuẩn cơ sở.

Số hồ sơ lưu: 20708

40406. Nông lâm kết hợp

85088.02-2023 **Hỗ trợ ứng dụng kỹ thuật xây dựng mô hình phát triển kinh tế trang trại bền vững trên vùng đất dốc tại huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ**/ ThS. Hà Kỳ Sơn, ThS. Hà Kỳ Sơn; KS. Nguyễn Thái Hưng; ThS. Nguyễn Trần Hoàng Bảo; CN. Ngô Thị Diện; Nguyễn Ngọc Bảo; Quách Hải Lý; Chu Huy Tưởng; Nguyễn Văn

Dương; Cao Thị Hải; Kiều Đức Mạnh. - Phú Thọ - Chi nhánh Công ty TNHH Minh Hưng Khương Ninh, 2021; 04/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổ chức điều tra, khảo sát phục vụ việc triển khai dự án. Đào tạo, tập huấn và chuyển giao tiếp nhận các quy trình công nghệ, tiến bộ kỹ thuật. Xây dựng các mô hình của dự án: Mô hình trồng thâm canh bưởi da xanh, bưởi Diễn và bưởi đường Xuân Vân; mô hình trồng thâm canh Keo tai tượng; Mô hình trồng cỏ, nuôi bò theo phương thức bán thâm canh. Tổ chức hội thảo đầu bờ, tổng kết và thông tin tuyên truyền dự án.

Số hồ sơ lưu: PTO-2021-014

40502. Di truyền học và nhân giống thuỷ sản

84454.02-2023 **Nghiên cứu sản xuất giống rô phi đơn tính đực quy mô hàng hoá trong điều kiện nhiệt độ thấp phía Bắc**/ ThS. Ngô Phú Thỏa, TS. Nguyễn Hữu Ninh; TS. Trần Đình Luân; TS. Trần Thị Thúy Hà; ThS. Lê Anh Thủy; ThS. Nguyễn Thị Hoa; KS. Nguyễn Văn Đại; KS. Phạm Hồng Nhật; KS. Vũ Thị Trang; KS. Lưu Thị Hà Giang - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2013 - 01/2011 - 06/2013. (Đề tài cấp Bộ)

Chủ động công nghệ sản xuất giống cá rô phi đơn tính trong điều kiện nhiệt độ thấp tại các tỉnh phía Bắc; "Xây dựng dự thảo quy trình công nghệ sản xuất cá rô phi đơn tính vụ Thu - Đông Xuân (tháng 10 đến tháng 3) với các chỉ tiêu kỹ thuật: tỷ lệ cá đẻ : 70%, tỷ lệ cá sống (cá bột 21 ngày tuổi): 60%, tỷ lệ cá đực: ≥ 95%, tỷ lệ sống của cá đơn tính đực lưu qua đông : ≥ 80%; Xây dựng bản dự thảo thiết kế trại sản xuất đạt năng suất 10 triệu cá đơ n tính (21 ngày tuổi)/vụ. Nghiên cứu các giải pháp sản xuất cá rô phi đơn tính đực vụ thu đông ; Xây dựng quy trình công nghệ lưu giữ cá rô phi giống qua đông đạt hiệu quả cao"; Nghiên cứu thiết kế, xây dựng quy trình vận hành mô hình sản xuất giống cá rô phi đơn tính đực vụ thu đông ở miền Bắc đạt năng suất 10 triệu con/vụ"

Số hồ sơ lưu: 20705

40504. Nuôi trồng thuỷ sản

72352.02-2023 **Nghiên cứu ứng dụng quy trình kỹ thuật sản xuất giống tôm thẻ chân trắng (Litopennaeus vannamei_ tại tỉnh Trà Vinh**/ TS. Đào Văn Trí, ThS. Nguyễn Hữu Khánh; ThS. Nguyễn Văn Dũng; ThS. Hồ Thị Bích Ngân; ThS. Nguyễn Minh Hường; KS. Nguyễn Thị Ngoan; KS. Lê Tân Thới; ThS. Trần Trường Giang - Trà Vinh - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2017; - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề tài ứng dụng thành công quy trình kỹ thuật sản xuất giống tôm thẻ chân trắng nhằm chủ động nguồn tôm giống có chất lượng cho nghề nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Trà Vinh. Cụ thể là: Xây dựng 1 mô hình ương giống tôm thẻ chân trắng với quy mô 30 triệu PL/mô hình, tỷ lệ sống từ Nauplius-PL12 đạt trung bình 30-40%. Chủ động nuôi vỗ

thành thục, cho đẻ và xây dựng thành công quy trình sản xuất giống tôm thẻ chân trắng trong điều kiện thực tế tỉnh Trà Vinh: tỷ lệ thành thục 80%, tỷ lệ sống từ Nauplius - PL12 đạt trung bình 30-40%, sản xuất được 20 triệu con PL12. Nghiên cứu ứng dụng quy trình kỹ thuật và xây dựng 1 mô hình ương giống tôm thẻ chân trắng từ Nauplius lên PL12 với quy mô 30 triệu PL/mô hình. Nghiên cứu quy trình kỹ thuật nuôi vỗ thành thục tôm thẻ chân trắng bố mẹ và cho đẻ Hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất giống tôm thẻ chân trắng phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh Trà Vinh. Đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật của mô hình thực nghiệm. Tập huấn, chuyển giao và nhân rộng mô hình cho 30 học viên, kỹ thuật viên .

Số hồ sơ lưu: TVH-0003-2018

84075.02-2023 **Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ Biofloc của Israel trong nuôi siêu thâm canh cá rô phi, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao ở Vĩnh Phúc**/ ThS. Nguyễn Tuấn Duy, ThS. Đỗ Đăng Khoa; KS. Trần Văn Dũng; KS. Hoàng Quốc Vương; CN. Đặng Thị Nga - Vĩnh Phúc - Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hoàng Hải, 2021; 11/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng được công nghệ Biofloc của Israel trong nuôi siêu thâm canh cá rô phi nhằm tiết kiệm nước, tái sử dụng chất thải, tăng năng suất và đạt hiệu quả kinh tế cao, góp phần phát triển kinh tế địa phương. Ứng dụng thành công công nghệ Biofloc của Israel trong nuôi siêu thâm canh cá rô phi ở Vĩnh Phúc. Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ Biofloc nuôi siêu thâm canh cá rô phi, quy mô 3 ha: 2 ha nuôi tại đơn vị chủ trì, 1 ha triển khai tại các doanh nghiệp, hộ dân đủ điều kiện. Chuyển giao quy trình công nghệ trong nuôi siêu thâm canh cá rô phi theo công nghệ Biofloc của Israel ở Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 20431

84094.02-2023 **Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất prebiotic từ vi khuẩn Lactic ứng dụng trong sản xuất thức ăn cho Tôm nhằm hạn chế bệnh hoại tử gan tụy cấp (Acute Hepatopancreatic Necrosis Disease – AHPND)**/ TS. Nguyễn Hữu Thanh, ThS. Trịnh Thị Lan; ThS. Nguyễn Thị Thúy Hằng; TS. Nguyễn Hữu Yến Nhi; CN. Lê Thị Mai Trinh; ThS. Nguyễn Phú Thọ; ThS. Ngô Quốc Nam; CN. Huỳnh Thị Hồng Phượng; TS. Nguyễn Ngọc Ẩn; ThS. Võ Minh Sơn; TS. Đoàn Thị Minh Nguyệt - An Giang - Trường đại học An Giang, 2022; 10/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng qui trình sản xuất chế phẩm sinh học prebiotic từ vi khuẩn Lactic (*Bifidobacterium bifidum* và *Lactobacillus plantarum*) ứng dụng prebiotic này vào sản xuất thức ăn tôm nhằm hạn chế bệnh AHPND trên tôm thẻ chân trắng và tôm sú giai đoạn ấu trùng. Đề xuất quy trình sản xuất prebiotic từ các điều kiện stress khác nhau trên probiotic (*Bifidobacterium bifidum* và *Lactobacillus plantarum*) và ứng

dụng prebiotic này vào sản xuất thức ăn tôm nhằm hạn chế bệnh AHPND trên tôm thẻ chân trắng giai đoạn ấu trùng. Đề xuất qui trình sản xuất Exopolysacharides (EPS) có thể áp dụng cho nhà máy sản xuất thức ăn gia gia súc và thủy sản. Xây dựng và thẩm định về thành phần và công thức phối chế EPS vào thức ăn cho Tôm nhằm hạn chế bệnh chết sớm ở Tôm ở 2 đối tượng tôm thẻ chân trắng và tôm sú và hạn chế bệnh AHPND ở tôm thẻ chân trắng giai đoạn hậu ấu trùng. Đánh giá tính hiệu quả khi sử dụng sản phẩm prebiotic phối trộn vào thức ăn cho tôm nhằm cải thiện khả năng sống sót, đồng thời hoàn thiện qui trình có thể chuyển giao công nghệ cho cơ sở sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 20441

85093.02-2023 **Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ sinh sản nhân tạo và nuôi thương phẩm cá Nheo mỹ (*Ictalurus punctatus*) tại tỉnh Phú Thọ**/ KS. Nguyễn Mạnh Phúc, - Phú Thọ - Chi cục Thuỷ sản Phú Thọ, 2020; 04/2018 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát, bổ sung, lựa chọn địa điểm triển khai dự án. Tiếp nhận công nghệ và đào tạo kỹ thuật viên. Xây dựng mô hình sản xuất giống nhân tạo cá Nheo mỹ. Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Nheo mỹ trong ao. Tập huấn chuyển giao kỹ thuật và hội thảo, tuyên truyền, phổ biến kết quả dự án.

Số hồ sơ lưu: PTO-2020-001

40507. Bảo quản và chế biến thủy sản

84537.02-2023 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hệ thống lạnh sản xuất đá lỏng để bảo quản sơ bộ cá ngừ đại dương**/ ThS. Lê Văn Luân, ThS. Phạm Duy Suý; TS. Phan Ngọc Hồng; TS. Lương Như Hải; TS. Nguyễn Hữu Nghĩa; TS. Mai Thị Tuyết Nga; ThS. Huỳnh Thị Ái Vân; TS. Nguyễn Tuấn Hồng; TS. Phạm Mạnh Hào; TS. Nguyễn Văn Thao; PGS. TS. Nguyễn Anh Tuấn; TS. Nguyễn Văn Minh; TS. Nguyễn Hoàng Nam; PGS. TS. Hoàng Sỹ Hồng; ThS. Nguyễn Công Bảy; ThS. Phạm Văn Khá - Hà Nội - Trung tâm Phát triển công nghệ cao, 2021; 06/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ thiết kế và công nghệ chế tạo hệ thống lạnh sản xuất đá lỏng từ nước biển để bảo quản sơ bộ cá ngừ đại dương đạt tiêu chuẩn xuất khẩu; Chế tạo, lắp đặt và vận hành hệ thống lạnh sản xuất đá lỏng từ nước biển để bảo quản sơ bộ cá ngừ đại dương. Xây dựng thông số, tính chất nhiệt vật lý của cá ngừ đại dương Việt Nam; Xây dựng bộ tìa liệu thiết kế, quy trình công nghệ chế tạo, lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, hướng dẫn sử dụng hệ thống lạnh sản xuất đá lỏng từ nước biển có năng suất đá lỏng trong khoảng từ 2000kg/24h tới 10000kg/24h ứng với nồng độ của đá lỏng là 45%; Xây dựng bộ quy trình công nghệ sơ chế và bảo quản cá ngừ đại dương bằng đá lỏng từ nước biển trên các tàu đánh bắt cá ngừ đại dương.

Số hồ sơ lưu: 20660

85568.02-2023 **Nghiên cứu sản xuất bột nano canxi**

hydroxyapatite và chế phẩm protein thủy phân bằng enzyme từ phế phẩm xoqơng cá chẽm, cá hồi và cá ngừ/ TS. Nguyễn Trí, Nguyễn Thị Thùy Vân; Nguyễn Thị Hồng Nơ; Hoàng Tiến Cường; Nguyễn Minh Tý; Nguyễn Phụng Anh; Dương Huỳnh Thanh Linh; Huỳnh Kỳ Phương Hạ; Phan Hồng Phương - TP. Hồ Chí Minh - Viện Công nghệ Hóa Học, 2021; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu quy trình xử lý, thủy phân 03 loại xương cá: cá hồi, cá chẽm và cá ngừ bằng enzyme để sản xuất chế phẩm protein thủy phân định hướng ứng dụng trong thực phẩm chức năng. Nghiên cứu quy trình sử dụng chất thải của quá trình thủy phân để sản xuất bột HA có kích thước nanomet, có độ tinh sạch và tính tương thích sinh học cao phù hợp ứng dụng trong y sinh. Đánh giá và đưa ra các tính chất hóa lý của bột protein thủy phân và khảo sát hoạt tính sinh học của sản phẩm protein thu được từ xương cá hồi, cá chẽm và cá ngừ. Đánh giá và đưa ra các tính chất hóa lý của vật liệu bột HA và đánh giá khả năng tương thích sinh học, cũng như khả năng hạn chế phóng thích canxi từ răng của vật liệu. Đề xuất quy trình sản xuất protein thủy phân và bột HA từ xương cá ở quy mô pilot.

Số hồ sơ lưu: HCM-102-2022

40599. Khoa học công nghệ thuỷ sản khác

84823.02-2023 **Giải pháp khoa học, công nghệ và mô hình nuôi trồng thủy hải sản bền vững vùng biển tỉnh Kiên Giang**/ TS. Phan Mạnh Hùng, ThS. Hà Thị Xuyến; TS. Phạm Văn Tùng; CN. Huỳnh Vũ Ngọc Quý; CN. Trần Vĩnh Hoàng; PGS.TS. Nguyễn Thế Biên; ThS. Trần Hoài Giang; KS. Đỗ Thị Bích Lộc; TS. Lê Xân; CN. Huỳnh Đức Khanh; KS. Lượng Hữu Phú - TP. Hồ Chí Minh - Viện kỹ thuật biển, 2022; 10/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, đánh giá hiện trạng, tiềm năng nuôi trồng thuỷ hải sản vùng biển Kiên Giang (kinh tế xã hội, tác động du lịch, đối tượng nuôi, công nghệ nuôi, quy hoạch, cơ chế chính sách, môi trường, các yếu tố thuỷ lý, thuỷ hoá, dòng chảy, chất đáy, thuỷ động lực học….). Đề xuất các giải pháp khoa học công nghệ và mô hình phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái, thuỷ văn, thuỷ động lực học vùng biển Kiên Giang để đưa ra định hướng mô hình nuôi trồng thuỷ hải sản phát triển bền vững tại vùng biển Kiên Giang.

Số hồ sơ lưu: 20894

499. Khoa học nông nghiệp khác

85098.02-2023 **Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể "Bản Nguyên" cho sản phẩm chuối tiêu Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ**/ ThS. Hoàng Văn Tuyển, ThS. Hoàng Văn Tuyển; Trần Hoài Giang; Cao Xuân Hải; Khổng Mạnh Tiến; Lê Thanh Bình; Hà Ngọc Anh; Hà Ngọc Giang; Hán Văn Thiều; Hán Quang Vinh; Nguyễn Hồng Văn. - Phú Thọ - Liên hiệp các hội khoa học và kỹ

thuật tỉnh Phú Thọ, 2021; 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tạo lập tài sản trí tuệ dưới hình thức nhãn hiệu tập thể "Bản Nguyên" cho sản phẩm chuối Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Thiết lập và vận hành hệ thống quản lý cho sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể "Bản Nguyên" nhằm ngăn chặn hiện tượng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, loại trừ các sản phẩm không đúng nguồn gốc, kém chất lượng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sản xuất chuối xã Bản Nguyên và người tiêu dùng sản phẩm. Xây dựng hệ thống, công cụ tuyên truyền quảng bá, giới thiệu sản phẩm nhằm phát huy giá trị thương hiệu cho sản phẩm chuối tiêu Bản Nguyên.

Số hồ sơ lưu: PTO-2021-012

85122.02-2023 **Hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ tại một số doanh nghiệp/Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**/ KS. Nguyễn Việt Hà, KS. Nguyễn Việt Hà; KS. Ngô Quang Tuân; CN. Bùi Thị Hồng Nhung; ThS. Nguyễn Tiến Minh; ThS. Lưu Đình Nghĩa; ThS. Phạm Thị Thu Hồng; CN. Nguyễn Thị Ngân; CN. Hoàng Thị Thủy. - Phú Thọ - Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2021; 04/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng và lựa chọn doanh nghiệp hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ. Hỗ trợ tạo lập, xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu hàng hóa của một số doanh nghiệp. Xây dựng và vận hành hệ thống quản lý nhãn hiệu hàng hóa. Xây dựng hệ thống khai thác và phát triển nhãn hiệu hàng hóa.

Số hồ sơ lưu: PTO-2021-011

5. Khoa học xã hội

80222.02-2023 **Giải pháp nhằm nâng cao chất lượng kiểm tra các tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy và cán bộ, đảng viện thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý khi có dấu hiệu vi phạm trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn trong giai đoạn hiện nay**/ KS. Lý Văn Thăng, CN. Nguyễn Ngọc Lâm KS. Lý Văn Thăng; CN. Nguyễn Ngọc Lâm; ThS. Hoàng Văn Chuyên; KS. Chu Văn Thắng; CN. Đoàn Thị Thủy; CN. Lương Văn Toán; CN. Hoàng Văn Hùng; CN. Chu Tam Thức; KS. Dương Công Tuấn - Lạng Sơn - Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, 2019; 11/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cần chú trọng tuyên truyền, phổ biến sâu rộng cho tất cả cán bộ, đảng viên và nhân dân; để nâng cao nhận thức về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Đổi mới phương pháp phát hiện DHVP, đổi mới công tác tập hợp, tổng hợp và báo cáo định kỳ xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo; Trên cơ sở phân tích, đánh giá một cách khách quan, toàn diện công tác kiểm tra khi có DHVP của UBKT Tỉnh ủy, đề ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra khi có DHVP. Trong thời gian tới sẽ được vận dụng, thực hiện một cách sáng

tạo, đồng bộ các giải pháp nêu trên, phù hợp với các văn bản quy định của Tỉnh ủy và Trung ương, chắc chắn sẽ góp phần từng bước để UBKT thực hiện tốt việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, làm cho tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên, góp phần cho Đảng bộ tỉnh lãnh đạo thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới./.

Số hồ sơ lưu: LSN-2019-009

85430.02-2023 **Đầu tư vào Hậu Giang, hiện trạng và giải pháp đến năm 2025**/ TS, GV. Trần Văn Dương, - Hậu Giang - Viện Nghiên cứu Kinh tế, 2021; 01/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá hiện tr ạng đầu tư vào tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2004-2018 về các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, nông nghiệp và du lịch . Thông qua đó, đánh giá hiệu quả sử dụng, quản lý vốn đầu tư đến phát tri ển kinh tế - xã hội của tỉnh Hậu Giang ;Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào tỉnh Hậu Giang tron g lĩnh vực sản xuất, dịch vụ , nông nghiệp và du lịch;Xây dựng mô hình thu hút đ ầu tư khả thi nhằm thu hút vốn đầu tư vào t ỉnh Hậu Giang đến năm 2025;Đề xuất các giải pháp thu hút đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của tỉnh Hậu Gi ang đến năm 2025, tầm nhìn đ ến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: HGI-2021-K002

85447.02-2023 **Đánh giá tiềm năng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo ở Hậu Giang: hiện trạng và giải pháp đến năm 2030**/ TS. Nguyễn Thị Thu Hương, - Hậu Giang - Liên hiệp Khoa học Kinh tế - Đô thị Nam Bộ, 2020; 12/2018 - 02/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, phân tích, đánh giá hiện trạng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2004-2019 trên các lĩnh vực khác nhau;Xây dựng mô hình khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo phù hợp với đặc thù của tỉnh Hậu Giang. Thực hiện thí điểm và đánh giá hiệu quả;Đề xuất, xây dựng kế hoạch, giải pháp định hướng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: HGI-2021-K006

85499.02-2023 **Tiền Giang – Nhân vật chí**/ TS. Lê Văn Tý, TS. Nguyễn Phúc Nghiệp; CN. Nguyễn Thanh Hiền; CN. Đồng Hữu Tế Thế; ThS. Lê Thị Kim Loan; Ths. Nguyễn Ngọc Lan Hương - Ban Tuyên giáo - Tỉnh ủy Tiền Giang - Ban Tuyên giáo - Tỉnh ủy Tiền Giang, 2021; 12/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khái quát lịch sử, điều kiện tự nhiên và hành chính tỉnh Tiền Giang. Nghiên cứu, biên soạn thân thế và sự nghiệp 400 nhân vật Tiền Giang. Thu thập, hệ thống tư liệu, biên soạn Lịch sử Kiểm tra Đảng của Đảng bộ tỉnh Tiền Giang giai đoạn 1930 – 2020. Đúc kết những bài học kinh

nghiệm về nghệ thuật lãnh đạo, phương châm chỉ đạo thực hiện chính sách Kiểm tra Đảng của Đảng bộ tỉnh Tiền Giang trong kháng chiến, khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh và trong công cuộc đổi mới. Giáo dục truyền thống cho cán bộ, công chức, bổ sung tư liệu cho lịch sử Đảng bộ tỉnh Tiền Giang.

Số hồ sơ lưu: 2021-T-03/KQNC

85500.02-2023 **Hoàn thiện và nhân rộng mô hình canh tác rau ứng dụng công nghệ thủy canh và sử dụng giá thể hữu cơ phục vụ nhu cầu phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp đô thị của tỉnh Tiền Giang**/ ThS. Nguyễn Thị Xuân Lan, KS. Hồ Ngọc Hân; KS. Nguyễn Quốc Trung; CN. Phạm Thị Huỳnh Như; CN. Nguyễn Hoàng Khuyên; CN. Trần Văn Phong; CN. Nguyễn Phước Ái; KS. Nguyễn Hữu Nhiều - Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học Tiền Giang - Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học Tiền Giang, 2021; 11/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hoàn thiện quy trình thiết bị và công nghệ sản xuất phân hữu cơ, hữu cơ vi sinh và giá thể hữu cơ, công suất tối thiểu 5 tấn/ngày. Hoàn thiện và đa dạng 05 mô hình canh tác ứng dụng công nghệ thủy canh và bán thủy canh trong canh tác rau ăn lá, rau ăn quả (đối tượng: rau tần ô, cải bẹ vún, cải thìa, cải xanh đuôi phụng, cà hoặc ớt) tại KT&CNSH TG. Hoàn thiện và đa dạng 10 mô hình canh tác rau ăn lá, rau ăn quả ứng dụng giá thể hữu cơ từ phế phụ liệu nông nghiệp tại Trung tâm KT&CNSH TG và tại Tp. Mỹ Tho qui mô hộ gia đình. Tạo sản phẩm rau sạch, giá thể hữu cơ đạt chất lượng, an toàn về vệ sinh thực phẩm nhằm góp phần xây dựng nền nông nghiệp sạch, an toàn bền vững. Tập huấn kỹ thuật sử dụng giá thể hữu cơ cho các hộ dân tham gia dự án. Xây dựng mô hình ứng dụng giá thể hữu cơ trồng rau ăn lá, rau ăn quả tại các nông hộ tham gia dự án và tại Trung tâm KT&CNSH TG.

Số hồ sơ lưu: 2021-T-04/KQNC

85501.02-2023 **Nghiên cứu thực trạng và giải pháp bài trừ một số tập tục lạc hậu trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Hà Giang**/ Ths. Nguyễn Mạnh Dũng, Ths. Phạm Văn Tú; Ths. Đỗ Văn Hùng; CN. Lù Thị Hà; Ths. Triệu Thị Tình; CN. Thèn Văn Quân; TS. Sằm Thị Dương; Ths. Đinh Thế Hiệp; CN. Nguyễn Tiến Duy; TS. Vương Ngọc Hà; Ths. Lưu Văn Minh; Ths. Phạm Văn Hải - Hà Giang - Văn phòng Tỉnh ủy Hà Giang, 2022; 10/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đánh giá thực trạng phong tục, tập quán của một số DTTS tỉnh Hà Giang hiện nay, làm rõ các vấn đề tồn tại của các tập tục lạc hậu trong đời sống đồng bào, đề xuất giải pháp cải tiến, xóa bỏ, góp phần thúc đẩy công cuộc xây dựng đời sống văn hóa, văn minh ở cơ sở. Nghiên cứu điều tra, đánh giá thực trạng phong tục, tập quán truyền thống đang được duy trì sinh hoạt trong đời sống đồng bào DTTS, trong đó tập trungvào 05 dân tộc, gồm: Mông, Dao, Nùng, Giáy, Cờ

Lao trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Hệ thống lại các tập tục lạc hậu còn tồn tại trong đời sống đồng bào các DTTS, làm rõ nguyên nhân, đánh giá tác động ảnh hưởng của tập tục đối với người dân, cộng đồng và hệ thống chính trị ở cơ sở. Đề xuất các giải pháp cải tiến, xóa bỏ các tập tục lạc hậu.

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKHCN-HG-2022

85503.02-2023 **Lịch sử kiểm tra Đảng của Đảng bộ tỉnh Tiền Giang (1930 – 2020)**/ KS. Nguyễn Ngọc Trầm, CN. Trương Văn Tuôi; ThS. Phạm Văn An; CN. Lê Thị Thanh Hà; TS. Lê Văn Tý; TS. Nguyễn Phúc Nghiệp; ThS. Nguyễn Mạnh Thắng; CN. Tô Thế Truyền; CN. Nguyễn Trung Trực - Ủy ban Kiểm tra - Tỉnh ủy Tiền Giang - Ủy ban Kiểm tra - Tỉnh ủy Tiền Giang, 2021; 12/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập, hệ thống tư liệu, biên soạn Lịch sử Kiểm tra Đảng của Đảng bộ tỉnh Tiền Giang giai đoạn 1930 – 2020. Đúc kết những bài học kinh nghiệm về nghệ thuật lãnh đạo, phương châm chỉ đạo thực hiện chính sách Kiểm tra Đảng của Đảng bộ tỉnh Tiền Giang trong kháng chiến, trong khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh và trong công cuộc đổi mới. Giáo dục truyền thống cho cán bộ, công chức, bổ sung tư liệu cho lịch sử Đảng bộ tỉnh Tiền Giang.

Số hồ sơ lưu: 2021-T-05/KQNC

85602.02-2023 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động Hội Liên hiệp Phụ nữ Quảng Bình trong tình hình mới.**/ ThS. Nguyễn Minh Tâm, Nguyễn Minh Tâm; Châu Thị Định; Nguyễn Thị Kim Lan; Nguyễn Thị Hồng Hải; Lê Thị Mỹ Hạnh; Nguyễn Thị Như Quỳnh; Nguyễn Thị Thanh Hương - Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh Quảng Bình - Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Quảng Bình, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình trong tình hình mới. Hệ thống hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của TW Hội LHPN Việt Nam về hoạt động của các cấp Hội LHPN Việt Nam. Làm rõ những tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động của Hội LHPN tỉnh Quảng Bình. Đánh giá thực trạng và những vấn đề đặt ra về chất lượng hoạt động của Hội LHPN Quảng Bình giai đoạn hiện nay (2011-2020). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của Hội LHPN Quảng Bình trong tình hình mới. Đề xuất phương hướng và giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Hội LHPN Quảng Bình trong giai đoạn hiện nay. - Kiến nghị với Đảng, Nhà nước, Tỉnh ủy và TW Hội LHPN Việt Nam những vấn đề liên quan đến việc nâng cao chất lượng hoạt động của Hội LHPN cấp

tỉnh, TP nói chung, của Hội LHPN Quảng Bình nói riêng.

Số hồ sơ lưu: 06/2022

85612.02-2023 **Phát triển hình ảnh trường Đại học Phạm Văn Đồng**/ TS. Nguyễn Thị Huyền, - Quảng Ngãi - Trường Đại học Phạm Văn Đồng, 2021; 01/2021 - 06/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đề tài nhằm đo lường hình ảnh hiện tại của trường đối với cộng đồng cả trong trường (sinh viên/học viên đang học, giảng viên, người lao động tại trường) và ngoài trường (sinh viên trường khác, cựu sinh viên, người có ý định học tập, người sử dụng lao động, chính quyền, phụ huynh,...), trong đó có sự đối sánh với các trường khác theo các ngành nghề. Bên cạnh đó, đề tài cũng phân tích và lượng hóa các tiền đề và kết quả của hình ảnh trường đại học Phạm Văn Đồng. Qua đó, đề tài xây dựng hệ thống quy trình, giải pháp cụ thể để phát triển mạnh mẽ hơn hình ảnh trường Đại học Phạm Văn Đồng trong thời gian đến.

Số hồ sơ lưu: QNI-2022-006

85623.02-2023 **Đánh giá tác động sức khỏe, kinh tế, xã hội và các rào cản trong việc tái hòa nhập của người lao động đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài tại tỉnh Đồng Tháp.**/ TS. Lê Kim Ánh, TS. Lê Thị Kim Ánh; ThS. Lê Bích Ngọc; ThS. Trần Thị Thu Thủy; ThS. Nguyễn Quang Vinh; CN. Phạm Hoàng Danh; CN. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh; ThS. Bùi Thị Thanh Lâm - Trường Đại học Y tế Công cộng - Trường Đại học Y tế Công cộng, 2019; 11/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Di cư lao động đang là xu hướng toàn cầu, tạo cơ hội cải thiện sinh kế và thu nhập cho người dân ở các nước phát triển và đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, việc lãng phí nguồn nhân lực lao động khi trở về đang là thách thức. Tại Đồng Tháp, xuất khẩu lao động đã và đang góp phần giải quyết nguồn lao động trong tỉnh và cải thiện đời sống của nhiều gia đình, nhưng các tác động chưa được đánh giá cụ thể. Nghiên cứu này nhằm đánh giá tác động sức khỏe, kinh tế, xã hội và các rào cản trong việc hòa nhập của người xuất khẩu lao động tại tỉnh Đồng Tháp.

Số hồ sơ lưu: DTP-2022-008

50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh

84874.02-2023 **Ảnh hưởng của công nghệ và đổi mới sáng tạo đến việc làm trong các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến tại Việt Nam**/ TS. Chu Thị Mai Phương, TS. Đinh Thị Thanh Bình; TS. Nguyễn Bình Dương; TS. Vũ Thị Phương Mai; TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh; ThS. Nguyễn Thu Giang; ThS. Phạm Xuân Trường; ThS. Trần Thị Mai Anh; ThS. Hồ Thị Hoài Thương - Hà Nội - Trường Đại học Ngoại thương, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về công nghệ, đổi mới sáng tạo và việc làm; Thực trạng về sử dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo và việc làm trong các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến tại Việt Nam; Đánh giá ảnh hưởng của công nghệ và đổi mới sáng tạo đến việc làm trong các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến tại Việt Nam; Đề xuất giải pháp nhằm điều chỉnh cơ cấu việc làm và ngành nghề trong bối cảnh đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20932

84875.02-2023 **Phát triển doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh quốc tế mới**/ TS. Phí Vĩnh Tường, ThS. Trần Thị Cẩm Trang; ThS. Trần Thị Hà; ThS. Hoàng Thị Hồng Minh; ThS. Nguyễn Đình Ngân; ThS. Nguyễn Trần Minh Trí; TS. Trần Thị Vân Anh; ThS. Trần Văn Hoàng - Hà Nội - Viện kinh tế và chính trị thế giới, 2021; 08/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một số vấn đề lý luận về phát triển doanh nghiệp: khái niệm, đo lường phát triển doanh nghiệp, bối cảnh quốc tế từ góc độ phát triển doanh nghiệp.Thực trạng phát triển doanh nghiệp, sự tham gia của doanh nghiệp vào chuỗi giá trị toàn cầu, chính sách phát triển doanh nghiệp của Việt Nam. Nghiên cứu các xu hướng quốc tế hóa và hợp tác phát triển của khu vực, các quan điểm định hướng phát triển doanh nghiệp và đề xuất một số kiến nghị phát triển doanh nghiệp Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20931

85545.02-2023 **Nghiên cứu, đánh giá, đề xuất giải pháp nâng cao tỷ lệ đóng góp của khoa học và công nghệ trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hòa Bình**/ PGS. TS Trần Trọng Nguyên, PGS. TS Trần Trọng Nguyên; ThS. Bùi Thị Hoàng Mai; ThS. Đỗ Văn Lâm; TS. Phùng Thế Đông; ThS. Phan Lê Nga; TS. Tô Trọng Hùng; ThS. Nguyễn Văn Thụy; ThS. Vũ Thị Vân Anh; TS. Phạm Mỹ Hằng Phương; ThS. Hoàng Kim Thu - Hà Nội - Học viện Chính sách và Phát triển, 2021; 04/2019 - 10/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao tỷ lệ đóng góp của Khoa học công nghệ trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hòa Bình; Đề xuất hệ thống chỉ tiêu và công cụ đánh giá tỷ lệ đóng góp của KHCN trong tăng trưởng kinh tế của một tỉnh; Đề xuất giải pháp nâng cao tỷ lệ đóng góp của KHCN trong tăng trưởng kinh tế đối với trường hợp tỉnh Hòa Bình; Cơ sở lý luận về đóng góp của KHCN trong tăng trưởng kinh tế; Thực trạng đóng góp của KHCN trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hòa Bình

Số hồ sơ lưu: TLDG_KHCN

50202. Kinh doanh và quản lý

83164.02-2023 **Thực trạng và giải pháp cải thiện điều kiện an toàn, vệ sinh lao động và thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội cho người lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An**/

ThS. Nguyễn Văn Quí, ThS. Hồ Thị Ngọc Dung; CN. Bùi Thị Ngọc Trang; CN. Đặng Thị Thu Vân; CN. Trần Văn Bình; CN. Mai Hữu Thơi; KS. Võ Thành Trí; CN. Lê Văn Ẩn; CN. Ngô Thị Bích Huệ; TS. Nguyễn Mạnh Thắng - Long An - Liên đoàn Lao động tỉnh Long An, 2019; 10/2016 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở khoa học và đánh giá thực trạng điều kiện an toàn, vệ sinh lao động và thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội cho người lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An. Trên cơ sở đó đề xuất giải pháp cải thiện điều kiện an toàn, vệ sinh lao động và thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội cho người lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An trong thời gian tới. Đặc biệt, nhân rộng mô hình "góc Bảo hộ lao động" và tuyên truyền tài liệu tập huấn về an toàn vệ sinh lao động trong các doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: LAN-001-2021

84465.02-2023 **Cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp trong khủng hoảng: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý chính sách cho Việt Nam trong bối cảnh dịch COVID-19**/ TS. Phạm Mạnh Hùng, TS. Trần Huy Tùng; TS. Phạm Đức Anh; TS. Nguyễn Quỳnh Thơ; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Đường Thu Trang; ThS. Trương Hoàng Diệp Hương; ThS. Đào Bích Ngọc; ThS. Vương Linh Nhâm - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2022; 04/2021 - 01/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp trong khủng hoảng, đề xuất cơ chế phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam trong điều kiện dịch bệnh COVID-19. Tổng hợp luận cứ khoa học, kinh nghiệm quốc tế về cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp trong khủng hoảng. Đánh giá thực trạng hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn dịch bệnh COVID-19 và các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đã được thực hiện. Đề xuất các cơ chế,phù hợp, hiệu quả để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn khủng hoảng do dịch bệnh COVID-19.

Số hồ sơ lưu: 20679

84476.02-2023 **Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu báo cáo ngân sách nhà nước trong các khâu của quy trình ngân sách ở Việt Nam**/ TS. Hà Thị Phương Thảo, ThS. Phạm Quỳnh Mai; ThS. Vũ Văn Chung; ThS. Nguyễn Thanh Hằng; ThS. Lê Phan Long; ThS. Nguyễn Mai Dương; CN. Trần Văn Đức; ThS. Đinh Thị Mai Anh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; TS. Lưu Việt Hà - Hà Nội - Vụ Ngân sách nhà nước, 2021; 09/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu về sự phù hợp của các chỉ tiêu báo cáo, mẫu biểu báo cáo trong các khâu của quy trình ngân sách (dự toán, chấp hành, quyết toán) và của các đơn vị dự toán báo cáo Bộ Tài chính, báo cáo Kho bạc Nhà nước lập để phục vụ công tác kiểm soát chi, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ, Chính phủ báo cáo các cơ quan của Quốc hội; từ đó đưa ra các đề xuất, sửa đổi nhằm hướng tới

sự phù hợp, thống nhất của các chỉ tiêu báo cáo trong các khâu của quy trình ngân sách.

Số hồ sơ lưu: 20677

84497.02-2023 **Hoạt động kiểm toán trong kiểm tra sau thông quan tại Việt Nam**/ TS. Trần Vũ Minh, ThS. Nguyễn Thị Hoài; ThS. Nguyễn Quốc Hải; ThS. Hoàng Thị Hương Giang; ThS. Trần Ngọc Mai; CN. Hoàng Thành Trung; ThS. Tạ Ngọc Thúy; ThS. Vũ Thị Châu Giang; ThS. Phan Thị Thu Thảo; ThS. Phan Thị Liên - Hà Nội - Tổng cục hải quan, 2021; 06/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng khung lý thuyết về hoạt động kiểm toán trong kiểm tra sau thông quan, và đưa ra định hướng cũng như các giải pháp hoàn thiện hoạt động kiểm toán trong kiểm tra sau thông quan cho giai đoạn tới. Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về mô hình kiểm toán hải quan của một số nước và liên kết kinh tế trên thế giới, đặc biệt là các nước có mô hình kiểm toán tiên tiến như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc. Phân tích kinh nghiệm thực thi hoạt động kiểm toán trong kiểm tra sau thông quan ở các nước để rút ra các bài học kinh nghiệm. Khẳng định yêu cầu khách quan và sự cần thiết của việc tiếp tục thực hiện hoạt động kiểm toán trong kiểm tra sau thông quan đối với Hải quan Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Đánh giá thực trạng hoạt động kiểm toán trong kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt nam trong thời gian qua, tìm ra những nguyên nhân làm cho hoạt động này chưa đạt hiệu quả hoạt động mong muốn. Xem xét khả năng vận dụng, đề xuất ứng dụng hoạt động kiểm toán trong kiểm tra sau thông quan ở Việt nam.

Số hồ sơ lưu: 20666

84534.02-2023 **Mô hình phát triển kinh tế Việt Nam trong thời kỳ cách mạng công nghiệp lần thứ tư**/ PGS. TS.Lê Quốc Lý, TS. Trần Hoa Phượng; PGS.TS. Ngô Tuấn Nghĩa; PGS.TS. Đoàn Xuân Thủy ; TS. Hồ Thanh Thủy ; PGS.TS. Nguyễn Quốc Thái ; ThS. Lê Quốc ; TS. Tạ Văn Nam ; PGS.TS. Nguyễn Minh Quang ; PGS. TS. An Như Hải ; ThS. Hoàng Thị Kim Dung; ThS. Trương Diệp Hằng; TS. Đinh Văn Trung; TS. Nguyễn Quốc Việt; ThS. Lê Thị Song Lam; ThS. Phùng Lê Dung; TS. Vũ Ngọc Thanh; ThS. Nguyễn Thị Minh Thu; ThS. Đinh Trung Sơn - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đề tài tiến hành với mục tiêu tổng quát là đề xuất mô hình phát triển kinh tế Việt Nam trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững, hiện đại, hiệu quả trên cơ sở công nghệ cao, thông minh và sáng tạo với các mục tiêu cụ thể như: Đánh giá, tổng kết mô hình phát triển kinh tế Việt Nam trong điều kiện vừa qua, từ đó đề xuất mô hình và triển khai thực hiện để phát triển bền vững, hội nhập, trên nền tảng kinh tế số, công nghệ cao, kinh tế thông minh và sáng tạo. Xây dựng khung lý thuyết về mô hình phát triển kinh tế. Trong đó làm rõ nội hàm của mô hình phát

triển kinh tế Việt Nam trong điều kiện cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tổng quan các mô hình tăng trưởng kinh tế đã và đang hiện có. Phân tích, đánh giá, dự kiến các mô hình phát triển kinh tế Việt Nam trong điều kiện mới, từ những thời cơ, thuận lợi, thách thức của mô hình phát triển kinh tế Việt Nam nhìn từ bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Số hồ sơ lưu: 20710

84806.02-2023 **Định hướng chính sách để triển khai chuẩn mực trình bày báo cáo tài chính về hợp đồng bảo hiểm (IFRS 17) trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ**/ ThS. Ngô Việt Trung, CN. Đồng Phương Mai; ThS. Lý Thị Thu Thủy; ThS. Đào Trung Kiên; ThS. Nguyễn Thị Huệ; ThS. Lê Thị Mai Linh; ThS. Nguyễn Hoàng Long; ThS. Lý Thị Phương Dung; CN. Nguyễn Quỳnh Trang; ThS. Đỗ Thùy Linh - Hà Nội - Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, 2021; 06/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng thị trường bảo hiểm, bảo hiểm nhân thọ và các quy định pháp luật liên quan ở Việt Nam hiện nay, từ đó có đánh giá cụ thể về sự khác biệt của cơ chế chính sách hiện hành với các quy định tại IFRS 17; Tổ chức hướng dẫn và triển khai thực hiện đến từng nhóm công việc liên quan như: công nghệ thông tin; ghi nhận kế toán; trích lập dự phòng nghiệp vụ, hoạt động nghiệp vụ… theo lộ trình phù hợp. Kết hợp công tác tổ chức triển khai với việc giải quyết được các khác biệt về cơ chế chính sách sẽ tạo tiền đề cho việc đề xuất một số chính sách liên quan tới Luật kinh doanh bảo hiểm, chế độ kế toán bảo hiểm và chính sách thuế đối với thị trường bảo hiểm nhân thọ nhằm phù hợp với các điểm thay đổi trọng yếu của chuẩn mực IFRS 17 và tạo tiền đề áp dụng thành công chuẩn mực này trên toàn thị trường bảo hiểm. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp từ phía cơ quan quản lý nhà nước và phía doanh nghiệp bảo hiểm. Ngoài ra, để định hướng chính sách tạo được tính khả thi cao thì không thể không đề cập tới chính sách liên quan tới việc hỗ trợ bên mua bảo hiểm hoặc các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính nhằm phát huy tối đa được tính ưu việt nổi trội của việc trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực IFRS 17.

Số hồ sơ lưu: 20882

84807.02-2023 **Xây dựng và triển khai mô hình liên kết chuỗi giá trị cho ngành hàng thanh long tại vùng Tây Nam bộ**/ KS. Nguyễn Minh Trung, CN. Phạm Văn Lộc; KS. Trần Minh Khánh; Trương Quang An; CN. Lê Thị Hồng Phấn; ThS. Lê Thanh Quang; KS. Trần Quang Khải; KS. Võ Thanh Sang; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; TS. Phạm Ngọc Minh - Hà Nội - Hợp tác xã thanh long Tầm Vu, 2022; 11/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình canh tác tổng hợp thanh long theo hướng Global GAP, tổng diện tích tối thiểu 30 ha, tăng 15% hiệu quả kinh tế so với đối chứng. Mô hình liên kết sản xuất,

bảo quản, chế biến và tiêu thụ thanh long theo chuỗi giá trị tại một HTX sản xuất thanh long (quy mô 50ha). Mô hình ứng dụng đèn LED để xử lý ra hoa thanh long với diện tích 2 ha đạt hiệu quả, giảm chi phí điện năng từ 35 - 40% so với đối chứng đèn sợi tóc, đèn compact…. Mô hình điện năng lượng mặt trời với công suất 85 kwp nhằm giảm chi phí điện năng trong khâu rửa, bảo quản thanh long: giảm lượng điện tiêu thụ khoảng 30 – 40% so với thời điểm chưa lắp đặt. Mô hình ứng dụng màng lọc R.O khử nước nhiễm mặn thành nước ngọt trong việc tưới cho thanh long với công suất 3.000 lít/giờ. Kết quả mẫu nước đạt yêu cầu theo quy định.

Số hồ sơ lưu: 20887

84814.02-2023 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững cơ sở hạ tầng ở nông thôn phục vụ xây dựng nông thôn mới**/ ThS. Đặng Minh Tuyến, ThS. Nguyễn Lê Dũng; PGS.TS. Trần Chí Trung; PGS.TS. Đỗ Văn Lượng; ThS. Đỗ Tiến Khoa; ThS. Nguyễn Xuân Thịnh; ThS. Đinh Vũ Thùy; ThS. Bùi Văn Cường; ThS. Lê Thị Phương Nhung; ThS. Bùi Duy Chí - Hà Nội - Trung tâm Tư vấn quản lý thủy nông có sự tham gia của người dân, 2021; 04/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được thực trạng và đề xuất được mô hình quản lý, cơ chế chính sách và giải pháp quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững cơ sở hạ tầng ở nông thôn (giao thông, thủy lợi, chợ, nhà văn hóa, nước sinh hoạt…) phục vụ xây dựng nông thôn mới. Xây dựng được mô hình điểm quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững cơ sở hạ tầng ở nông thôn phục vụ xây dựng nông thôn mới ở vùng Đồng bằng Sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

Số hồ sơ lưu: 20893

84826.02-2023 **Năng suất dịch vụ du lịch hướng tới sự hài lòng khách hàng và phát triển bền vững: Cơ sở lý luận và mô hình phân tích**/ PGS. TS. Nguyễn Hoàng, PGS.TS. Lê Thái Phong; ThS. Lê Thị Tú Anh; ThS. Đàm Thị Thủy; ThS. Nguyễn Anh Hào - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu Quản trị Kinh doanh, 2022; 05/2019 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp lý luận nền tảng về các mô hình đánh giá năng suất dịch vụ và các nghiên cứu về năng suất dịch vụ du lịch được công bố từ sau năm 2000 để làm rõ cơ sở lý luận, các đặc điểm, mô hình phân tích năng suất dịch vụ du lịch cũng như quan hệ giữa các yếu tố Đầu vào và Đầu ra của năng suất dịch vụ hướng tới sự hài lòng của khách hàng và phát triển bền vững. Xây dựng, kiểm định và đề xuất khung phân tích đo lường & đánh giá năng suất dịch vụ du lịch tại các doanh nghiệp Việt Nam kinh doanh Dịch vụ Lưu trú. Khung phân tích của nghiên cứu dự kiến sẽ bao gồm 3 nhóm yếu tố lớn là: Các yếu tố đầu vào (các yếu tố đầu vào định lượng và sự hài lòng của nhân viên), Các yếu tố đầu ra (các yếu tố đầu ra định lượng và sự hài lòng của khách hàng) và Quá

trình cung ứng dịch vụ. Ứng dụng khung phân tích vào đánh giá hiện trạng năng suất dịch vụ tại các doanh nghiệp Việt Nam kinh doanh Dịch vụ Lưu trú nhận dạng các điểm mạnh, yếu trong năng suất dịch vụ tại các doanh nghiệp dịch vụ lưu trú. Đề xuất một số giải pháp cải thiện năng suất dịch vụ du lịch hướng tới nâng cao sự hài lòng của khách hàng và phát triển các doanh nghiệp du lịch một cách bền vững, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội tại Việt Nam và trên thế giới.

Số hồ sơ lưu: 20905

84849.02-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng làng thông minh, xã kết nối góp phần hiện đại hóa nông thôn**/ PGS. TS. Hoàng Hữu Hạnh, KS. Lê Anh Hoàng; KS. Nguyễn Đình Tĩnh; PGS. TS. Phạm Quang Hà; ThS. Lê Trọng Hải; TS. Trần Đại Nghĩa; TS. Võ Tá Hoàng; KS. Nguyễn Hoàng Ân; ThS. Lê Anh Tuấn; KS. Vũ Minh Toàn - Hà Nội - Hợp tác xã Nông nghiệp Số, 2022; 10/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn mô hình Làng thông minh - Xã kết nối; Đề xuất được mô hình lý thuyết về Làng thông minh - Xã kết nối với các tiêu chí cụ thể phù hợp với tiêu chí đánh giá nông thôn mới; Áp dụng thí điểm các nội dung của mô hình Làng thông minh - Xã kết nối trong thực tế tại 01 xã. Đánh giá được hiệu quả, các vướng mắc phát sinh với các thông tin định tính và định lượng đủ tin cậy để làm bài học kinh nghiệm; Đề xuất được giải pháp để áp dụng và nhân rộng mô hình Làng thông minh - Xã kết nối góp phần hiện đại hóa nông thôn mới trong thực tiễn Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20919

84858.02-2023 **Phát triển du lịch cộng đồng ở các tỉnh duyên hải Miền Trung**/ PGS. TS. Lê Văn Đính, ThS. Trần Thị Minh An; PGS.TS. Bùi Quang Bình; ThS. Trương Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Văn Phúc; ThS. Trần Quý Tấn; Đặng Đông Hà; Võ Thị Phương Ly; TS. Võ Văn Lợi; ThS. Bùi Thị Kim Quyên; Trần Thị Minh An - Đà Nẵng - Học viện chính trị khu vực III, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch cộng đồng (DLCĐ). Điều tra, khảo sát, phân tích thực trạng hoạt động DLCĐ các tỉnh DHMT. Đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy, nâng cao hiệu quả loại hình DLCĐ nhằm đẩy mạnh phát triển DLCĐ các tỉnh DHMT thực sự trở thành kinh tế mũi nhọn trong bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 20922

84863.02-2023 **Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp ứng dụng mô hình kinh tế chia sẻ vào hoạt động của HTX trong sản xuất nông nghiệp**/ PGS. TS. Đỗ Minh Cương, TS. Nguyễn Mạnh Cường; PGS.TS. Dương Thị Liễu; TS. Lê Mai Nhất; TS. Đỗ Hữu Hải; ThS. Nguyễn Thị Thủy; ThS. Trần Thị Ngọc Thủy; ThS. Phạm Thị Hoa Sinh; ThS. Lê Thị Hường; ThS.

Phạm Văn Hiệp; CN. Hoàng Văn Long; ThS. Nguyễn Thị Tuyết; ThS. Nguyễn Thị Nghĩa; ThS. Quách Thị Ngọc Hà; CN. Trần Văn Toản - Hà Nội - Viện Phát triển kinh tế hợp tác, 2021; 10/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Luận giải cơ sở lý luận, thực tiễn về ứng dụng mô hình kinh tế chia sẻ vào hoạt động của hợp tác xã (HTX) trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam; Đánh giá thực trạng về ứng dụng kinh tế chia sẻ vào hoạt động của các HTX trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2011- 2020; Thử nghiệm ứng dụng mô hình kinh tế chia sẻ vào hoạt động của các HTX trong sản xuất nông nghiệp để tuyên truyền, phổ biến nhân rộng; Đề xuất các giải pháp ứng dụng mô hình kinh tế chia sẻ (KTCS) vào hoạt động của HTX trong sản xuất nông nghiệp đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: 20914

84899.02-2023 **Xây dựng Đề án đánh giá năng lực cạnh tranh của một số ngành công nghiệp chủ yếu của Việt Nam**/ CN. Đặng Thị Tú, CN.Nguyễn Thị Quỳnh Trang; ThS.Vũ Phương Thảo; ThS.Thái Quốc Hải; CN.Nguyễn Thị Như Ngọc; ThS.Trần Thị Thoa; ThS.Nguyễn Thanh Hằng; ThS.Thân Thanh Bình; CN.Đinh Thị Thu Hương; ThS.Tưởng Thị Thanh Vinh; TS.Lê Huyền Trang; ThS.Hoàng Thị Thái Ngân - Hà Nội - Trường Đào tạo, Bồi dưỡng Cán bộ Công thương Trung ương, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh của một số ngành công nghiệp. Thực trạng phát triển một số ngành công nghiệp, đánh giá chung và bài học kinh nghiệm. Đề xuất phương hướng, mục tiêu phát triển nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của một số ngành công nghiệp chủ yếu của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20929

85455.02-2023 **Những yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành các trung tâm tài chính ở Châu Á: bài học kinh nghiệm cho Thành phố Hồ Chí Minh**/ ThS. Nguyễn Công Thắng, Nguyễn Thiện Nhân; Võ Hồng Đức; Đặng Vũ Thanh - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đóng góp vào cơ sở lý luận và nghiên cứu thực nghiệm về những nhân tố có ảnh hưởng đến việc hình thành các trung tâm tài chính tại Châu Á và bài học kinh nghiệm cho TPHCM trong bối cảnh nguồn lực đất nước vẫn còn hạn chế và đang phải đối mặt với nhiều khó khăn nội tại. làm rõ trong mục tiêu nghiên cứu, đề tài tập trung vào việc phân tích các nhân tố có ảnh hưởng đến việc hình thành trung tâm tài chính ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương, qua đó, thảo luận và kiến nghị chính sách phù hợp để thành phố Hồ Chí Minh đạt được mục tiêu đã vạch ra trong cuộc họp về việc hoạch định chiến lược 10 năm 2021-2030.

Số hồ sơ lưu: HCM-100-2022

85523.02-2023 **Giải pháp nâng cao tỷ trọng đóng góp của các ngành công nghiệp công nghệ cao đối với tăng trưởng kinh tế trên địa bàn TP.Hồ Chí Minh**/ ThS. Nguyễn Xuân Đóa, ThS. Huỳnh Ngọc Chương PGS.TS. Hạ Thị Thiều Dao ThS. Phạm Tiến Dũng ThS. Hồ Minh Nhật ThS. Trần Văn Phúc ThS. Triệu Đỗ Hồng Phước CN. Nguyễn Mạnh Quân ThS.Triệu Thành Sơn CN. Võ Văn Tấn ThS. Nguyễn Phước Thuận TS. Lê Thị Ánh Tuyết - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Phát triển TP. Hồ Chí Minh, 2021; - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thực trạng và các giải pháp nâng cao tỷ trọng đóng góp của các sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong 4 công nghiệp trọng yếu nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Thành phố. Hệ thống hóa cơ sở lý luận về phát triển ngành công nghiệp, công nghiệp công nghệ cao, sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong mối quan hệ với tăng trưởng kinh tế. Xây dựng khung phân tích để đánh giá tỷ trọng đóng góp các sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong 4 ngành công nghiệp trọng yếu. Phân tích, đánh giá thực trạng các chỉ tiêu phát triển, tỷ trọng đóng góp của các sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong 4 ngành công nghiệp trọng yếu TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 – 2020. Phân tích, đánh giá vai trò của các sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong phát triển công nghiệp và kinh tế - xã hội TP.Hồ Chí Minh. Phân tích, đánh giá các chính sách khuyến khích phát triển các sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trên địa bàn TP.Hồ Chí Minh. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong phát triển sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trên địa bàn TP.Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-116-2022

85548.02-2023 **Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp huy động nguồn lực cho đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội của tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030**/ ThS. Quách Tất Liêm, ThS. Quách Tất Liêm; TS. Hồ Ngọc Ninh; ThS. Nguyễn Văn Phúc; ThS. Bùi Thị Hạnh; ThS. Trần Tuấn Sơn; CN. Đặng Thị Ngọc Thúy; ThS. Nguyễn Đức Hưng; ThS. Đỗ Thị Hồng Thắm; CN. Trần Thị Nhung; ThS. Nguyễn Quang Tùng - Hòa Bình - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình, 2021; 10/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng từ đó đề xuất giải pháp huy động nguồn lực cho đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Xây dựng cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn và bài học kinh nghiệm về huy động nguồn lực cho đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế -xã hội cho tỉnh Hòa Bình; Triển khai các hoạt động nhằm đánh giá thực trạng huy động nguồn lực cho đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh Hòa Bình; Các yếu tố ảnh hưởng đến huy động nguồn lực cho đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh Hòa Bình; Đề xuất giải pháp nhằm tăng

cường huy động nguồn lực cho đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: HTDT_SKHDT

85564.02-2023 **Nghiên cứu xây dựng mô hình vườn ươm khởi nghiệp theo chuẩn quốc tế**/ ThS. Huỳnh Kim Tước, Đặng Thị Luận; Nguyễn Văn Phú; Phạm Thị Lan Anh; Nguyễn Lan Anh; Phan Nguyễn Nguyệt Trúc Đào; Nguyễn Thị Loan; Nguyễn Thị Ngọc Châu; Nguyễn Thị Mai Nhiệm; Diệp Thế Cường; Lê Anh Vân Hương; Lý Thị Anh Đào; Đồng Điền Xuân Hiền; Nguyễn Thị Phương Dung; Hoàng Trọng Tuân; Nguyễn Quang Việt Ngân - TP. Hồ Chí Minh - Trung Tâm Ứng D ụng Tiến Bộ Khoa học và Công nghệ, 2021; 12/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng Bộ tiêu chí hướng dẫn việc xây dựng, vận hành và đánh giá một Vườn ươm khởi nghiệp theo chuẩn quốc tế và áp dụng nâng cấp một cơ sở ươm tạo đang hoạt động trở thành Vườn ươm khởi nghiệp theo chuẩn quốc tế. Từ kết quả nghiên cứu và triển khai, tham mưu cho Thành phố trong việc xây dựng chính sách để đánh giá, quản lý các vườn ươm khởi nghiệp trên địa bàn TPHCM. Tổng hợp và phân tích các tiêu chí quốc tế về Vườn ươm khởi nghiệp và phân tích tính khả thi trong việc áp dụng tiêu chí cho các vườn ươm khởi nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đề xuất tiêu chí và xây dựng Bộ tiêu chí để xây dựng và vận hành Vườn ươm theo chuẩn quốc tế. Khảo sát thực trạng hoạt động của các cơ sở ươm tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Phân loại và phân tích các đặc thù của các cơ sở ươm tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Đề xuất 2 vườn ươm và áp dụng triển khai nâng cấp 1 cơ sở ươm tạo thành Vườn ươm khởi nghiệp theo chuẩn quốc tế. Đánh giá và hoàn thiện Bộ tiêu chí xây dựng và vận hành Vườn ươm theo chuẩn quốc tế.

Số hồ sơ lưu: HCM-104-2022

85598.02-2023 **Nghiên cứu thực trạng và giải pháp giảm thiểu các rào cản và chi phí giao dịch trên thị trường lao động thành phố Hồ Chí Minh**/ PGS. TS. Nguyễn Văn Trình, ThS. Nguyễn Thị Lê Uyên; PGS. TS. Nguyễn Tất Viễn; TS. Hồ Thiện Thông Minh; CN. Lê Minh Hùng; CN. Nguyễn Thị Nguyệt Ánh; CN. Trần Lê Thanh Trúc; TS. Nguyễn Thị Hoài Hương; ThS.Trần Văn Phúc; ThS.Trần Thị Lệ; ThS.Mai Thị Quế; ThS.Lê Nguyễn Gia Phúc; ThS. Nguyễn Trúc Vân; CN. Hồ Thị Luấn; CN. Nguyễn Thái Đặng Hồng Ân; CN. Lê Thị Dung; CN. Nguyễn Hải Loan; CN. Nguyễn Thị Thanh Tâm; CN. Nguyễn Tôn Thị Tường Vân - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Phát triển TP. Hồ Chí Minh, 2020; - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích hiện trạng chung về thị trường lao động TP. Hồ Chí Minh. Xác định và phân tích các rào cản trên thị trường lao động TP. Hồ Chí Minh. Xác định và phân tích các loại chi phí giao dịch trên thị trường lao

động TP. Hồ Chí Minh; đánh giá tính hợp lý của các loại chi phí giao dịch (Từ phía người lao động; từ phía doanh nghiệp). Phân tích các yếu tác động của khung pháp lý và chính sách đến các phương thức giao dịch trên thị trường lao động TP. Hồ Chí Minh hiện nay. Phân tích và đánh giá vai trò của các thiết chế xã hội có tham gia vào chức năng vận hành giao dịch trên thị trường lao động hiện nay (Cơ quan quản lý, hệ thống trung tâm môi giới việc làm công lập và tư nhân, các đơn vị giáo dục đào tạo, truyền thông đại chúng, các hội đoàn). Xây dựng giải pháp nhằm giảm thiểu rào cản và hạn chế các chi phí giao dịch trên thị trường lao động TP. Hồ Chí Minh. Xây dựng lộ trình, định hướng tổ chức thực hiện đối với các Sở Ban ngành, đơn vị liên quan.

Số hồ sơ lưu: HCM-005-2022

50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..

84093.02-2023 **Cơ sở khoa học xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội trong bối cảnh Cách mạng công nghệp lần thứ 4/** PGS. TS. Từ Thúy Anh, PGS. TS. Nguyễn Thu Thủy; TS. Phạm Nguyên Minh; TS. Nguyễn Đỗ Anh Tuấn; TS. Đào Hoàng Tuấn; PGS. TS. Hoàng Xuân Bình; PGS. TS. Trần Thị Ngọc Quyên; TS. Lương Thị Ngọc Oanh; TS. Chu Thị Mai Phương; ThS. Phạm Xuân Trường - Hà Nội - Trường Đại học Ngoại thương, 2022; 03/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở khoa học để xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0), làm tiền đề xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực Việt Nam giai đoạn 2021-2030. Xây dựng khung phân tích cơ sở khoa học để xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực Việt Nam. Phân tích hiện trạng chiến lược phát triển nguồn nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020. Dự báo xu thế phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh CMCN 4.0 tại Việt Nam. Đề xuất khung chiến lược phát triển nguồn nhân lực Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 trong bối cảnh CMCN 4.0.

Số hồ sơ lưu: 20438

84484.02-2023 **Nghiên cứu đổi mới mô hình quản lý trung tâm ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam/** TS. Trương Tiến Tùng, PGS.TS. Phạm Thị Tâm; PGS.TS. Nguyễn Mai Hương; PGS. TS. Hồ Ngọc Trung; PGS.TS. Nguyễn Thị Nhung; TS. Trần Thị Mai Hanh; TS. Vũ Thị Phương Anh; TS. Nguyễn Minh Tuấn; TS. Hà Văn Sinh; ThS. Nguyễn Hữu Bích - Hà Nội - Trường Đại học Mở Hà Nội, 2022; 08/2018 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu phục vụ công tác điều hành, quản lý các trung tâm ngoại ngữ, tin

học; Đề xuất cơ chế quản lý hiệu quả đối với các trung tâm ngoại ngữ, tin học, góp phần phát huy và tăng cường tiềm lực giáo dục và đào tạo quốc gia đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam. Nghiên cứu cơ sở lý luận về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trung tâm ngoại ngữ, tin học. Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng đánh giá chất lượng trung tâm ngoại ngữ, tin học ở Việt Nam. Nghiên cứu kinh nghiệm đánh giá chất lượng trung tâm ngoại ngữ, tin học của một số nước trên thế giới. Xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trung tâm ngoại ngữ, tin học của Việt Nam với các tiêu chí phù hợp. Xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng bộ tiêu chuẩn thông qua các chỉ báo và minh chứng. Đề xuất văn bản khuyến nghị điều chỉnh chính sách, giải pháp quản lý để làm cơ sở đề xuất nội dung thông tư về kiểm định chất lượng trung tâm ngoại ngữ, tin học của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20696

84803.02-2023 **Nâng cao hiểu biết tài chính cá nhân của sinh viên Việt Nam: Thực trạng và giải pháp**/ PGS. TS. Nguyễn Thị Hoài Lê, TS. Vũ Thị Thanh; TS. Nguyễn Ngọc Trung; TS. Trần Thị Việt Thạch; TS. Đào Hồng Nhung; TS. Vũ Thị Hậu; PGS.TS. Hoàng Thị Thu; TS. Nguyễn Thị Thu Cúc; ThS. Trần Võ Thị Tình; Đặng Thị Quỳnh Anh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Con người, 2022; 08/2020 - 07/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng và hoàn thiện khung lý thuyết nghiên cứu hiểu biết tài chính cá nhân của sinh viên Việt Nam; Đánh giá thực trạng hiểu biết tài chính cá nhân của sinh viên Việt Nam. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiểu biết tài chính cá nhân của sinh viên Việt Nam; Khuyến nghị các giải pháp nhằm nâng cao hiểu biết tài chính cá nhân cho sinh viên Việt Nam, trong đó trọng tâm là giáo dục tài chính.

Số hồ sơ lưu: 20886

84810.02-2023 **Nghiên cứu mô hình phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo**/ GS. TS. Thái Văn Thành, TS. Nguyễn Ngọc Hiền; TS. Trần Thị Hoàng Yến; TS. Bùi Văn Hùng; TS. Nguyễn Thị Thu Hằng; ThS. Phạm Thị Huyền; ThS. Nguyễn Thị Thu Hạnh; TS. Nguyễn Tuấn Vĩnh; TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh Dao; PGS.TS. Nguyễn Thị Hường; TS. Trần Thị Hoàng Yến; PGS.TS. Nguyễn Như An; TS. Chu Thị Hồng Nhung; TS. Trịnh Thị Xim; TS. Trần Thị Kim Huế - Nghệ An - Trường Đại học Vinh, 2022; 01/2019 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác lập được cơ sở khoa học của việc xây dựng mô hình phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non; Đánh giá được thực trạng phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non; Đề xuất được mô hình và các giải

pháp phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo.

Số hồ sơ lưu: 20888

85164.02-2023 **Nghiên cứu, xây dựng các modul hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong các trường phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**/ TS. Hoàng Công Kiên, TS. Hoàng Công Kiên; TS. Đặng Thị Phương Thanh; TS. Phan Thị Tình; TS. Nguyễn Thị Thanh Vân; TS. Nguyễn Thị Thuý Hằng; TS. Trần Đình Chiến; ThS. Cao Huy Phương; ThS. Nguyễn Thị Tố Loan; TS. Tạ Ngọc Trí; ThS. Đỗ Thanh. - Phú Thọ - Trường Đại học Hùng Vương, 2021; 02/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, phân tích và xác định các điều kiện, yêu cầu của hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp hiện nay. Điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2015-2018. Tổ chức nghiên cứu và xây dựng các modul hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong các trường phổ thông. Tổ chức thực nghiệm và đánh giá hiệu quả, hoàn thiện quy trình thực hiện các modul hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Số hồ sơ lưu: PTO-2021-005

85172.02-2023 **Nghiên cứu, biên soạn Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Phú Thọ theo chương trình Giáo dục phổ thông mới**/ ThS. Phùng Quốc Lập, ThS. Phùng Quốc Lập; ThS. Phạm Mai Phong; ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền; ThS. Lê Bá Việt Hùng; TS. Hà Thị Lịch; CN. Nguyễn Thúc Sinh; TS. Phạm Tuấn Anh; ThS. Phạm Đức Chiến; ThS. Bùi Nghĩa Hoàng; ThS. Trần Thị Ánh Nguyệt. - Phú Thọ - Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ, 2021; 07/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc triển khai nhiệm vụ. Tổ chức điều tra khảo sát, đánh giá thực trạng việc dạy học và học nội dung giáo dục địa phương trong các trường phổ thông tỉnh Phú Thọ. Tổ chức Xây dựng khung chương trình giáo dục địa phương cho từng lớp thuộc các cấp học. Tổ chức thực nghiệm và đánh giá kết quả nghiên cứu tại một số trường phổ thông trong tỉnh.

Số hồ sơ lưu: PTO-2021-001

85506.02-2023 **Giải pháp nâng cao sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**/ CN. Kiều Ngọc Thúy, ThS. Vương Tịnh Mạch; ThS. Khiếu Văn Công; ThS. Phan Thị Tuyết Oanh; ThS. Phan Thị Xuân Diệu; ThS. Nguyễn Thị Bảo Khánh; ThS. Nguyễn Minh Nhựt; CN. Nguyễn Mạnh Quân - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Phát triển TP. Hồ Chí Minh, 2021; -. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đưa ra giải pháp cụ thể , khả thi góp phần nâng cao sự hài lòng của

người dân đối với dịch vụ giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh . Hệ thống và phân tích thực trạng bức tranh của dịch vụ giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay, gồm: các chủ trương, chính sách trong lĩnh vực giáo dục ; đầu tư ngân sách cho giáo dục ; hạ tầng cơ sở, cơ sở vật chất trong lĩnh vực giáo dục; nguồn nhân lực phục vụ trong lĩnh vực giáo dục ; Phân tích kết quả điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng của người dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với dịch vụ giáo dục công lập trên địa bàn và kết quả nghiên cứu định tính phân tích sự hài lòng của phụ huynh học sinh , ý kiến của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đối với dịch vụ giáo dục công lập của Thành phố.

Số hồ sơ lưu: HCM-112-2022

85546.02-2023 **Hành vi tìm kiếm thông tin của sinh viên ở Thành phố Hồ Chí Minh**/ TS. Bùi Hà Phương, Phạm Thị Bích Ngọc - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu hành vi tìm kiếm thông tin của sinh viên ở thành phố Hồ Chí Minh nhằm đề ra giải pháp định hướng và hoàn thiện hành vi tìm kiếm thông tin của sinh viên tại thành phố Hồ Chí Minh phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học, giải trí, phát triển bản thân và cộng đồng. Hệ thống hoá lý thuyết liên quan đến hành vi tìm kiếm thông tin của sinh viên và người dùng tin. Khảo sát hành vi tìm kiếm thông tin của sinh viên ở thành phố Hồ Chí Minh; Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tìm kiếm thông tin của sinh viên, từ đó, nhận diện đặc điểm về hành vi tìm kiếm thông tin của sinh viên ở thành phố Hồ Chí Minh. Đề xuất giải pháp định hướng và hoàn thiện hành vi tìm kiếm thông tin của sinh viên ở thành phố Hồ Chí Minh

Số hồ sơ lưu: HCM-107-2022

85601.02-2023 **Nghiên cứu nhận thức, năng lực của nguồn nhân lực trẻ và đề xuất giải pháp đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Thành phố Hồ Chí Minh**/ PGS.TS. Nguyễn Đức Lộc, Phạm Giao Tiểu Ái; Nguyễn Thị Tuyết Thanh; Huỳnh Ngọc Song Minh; Tạ Thị Thanh Trà; Trần Thị Huyền Thanh; Châu Ngọc Thảo Nguyên; Vũ Văn Tiệp; Nguyễn Thị Thảo; Lê Anh Vũ; Tạ Thị Phấn; Đặng Thị Thu Thạo; Mạch Hoan; Đỗ Thị Huyền - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học Công nghệ trẻ, 2020; 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về nguồn nhân lực trẻ tại thành phố Hồ Chí Minh. Thực trạng nguồn nhân lực trẻ thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đặc điểm nhận thức, năng lực nghề nghiệp của nhân lực trẻ tại Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Những yêu cầu về năng lực nghề nghiệp của doanh nghiệp và khả năng đáp ứng yêu cầu

của nhân lực trẻ. Đánh giá năng lực và khả năng thích ứng nghề nghiệp của nhân lực trẻ trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đề xuất giải pháp nâng cao nâng lực nghề nghiệp cho nguồn nhân lực trẻ.

Số hồ sơ lưu: HCM-001-2022

50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác

85631.02-2023 **Nghiên cứu, các giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động Phật sự, góp phần đảm bảo an sinh xã hội cho người dân của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Hòa Bình**/ TS. Dương Quang Điện, TS. Dương Quang Điện; Đại đức Bùi Văn Kiều; ThS. Quách Thị Kiều; TS. Nguyễn Thị Thơm; TS. Nguyễn Văn Tuân; TS. Phan Huy Trường; ThS. Phạm Đức Thái; TS. Cao Thị Minh Hồng; CN. Trần Mạnh Thắng; CN. Ngô Xuân Thu - Hòa Bình - Ban Hướng dẫn Phật tử TW, 2021; 10/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng, đề tài đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm đẩy mạnh hoạt động Phật sự góp phần đảm bảo an sinh xã hội cho người dân của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Hòa Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đánh giá thực trạng hoạt động Phật sự góp phần đảm bảo an sinh xã hội cho người dân của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Hòa Bình hiện nay; Đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm đẩy mạnh hoạt động Phật sự góp phần đảm bảo an sinh xã hội cho người dân của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Hòa Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: GHPG_VN

50402. Nhân khẩu học

85474.02-2023 **Quá trình gia tăng dân số cơ học tại Thành phố Hồ Chí Minh (giai đoạn 2009-2019): Thực trạng và giải pháp**/ TS. Nguyễn Thị Hoài Hương, Nguyễn Ngọc Duy; CN. Lê Thị Dung; ThS. Nguyễn Thị Hà; NCS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Trần Thị Lệ; CN. Nguyễn Hải Loan; ThS. Mai Thị Quế; TS. Dư Phước Tân; CN. Nguyễn Thị Thanh Tâm; TS. Trương Hoàng Trương; ThS. Phạm Hoàng Phước; CN. Nguyễn Tôn Thị Tường Vân - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Phát triển TP. Hồ Chí Minh, 2021; - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá tổng quát về thực trạng quá trình gia tăng dân số cơ học ở TP.HCM trong giai đoạn 10 năm từ 2009 đến 2019 sẽ là cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp về chính sách quản lý xã hội và quản lý phát triển xã hội trong giai đoạn mới, đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển TP.HCM trở thành Thành phố có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình. Đánh giá chính sách và thực trạng quản lý dân số nhập cư; đặc điểm, cơ cấu nguồn nhân lực, chất lượng cuộc sống và mức độ tiếp cận các dịch vụ xã hội; Phân tích những nhân tố tác động đến quá trình gia tăng dân số cơ học; Đánh giá cơ hội và thách thức từ quá trình gia tăng dân số; Đề xuất giải pháp về

chính sách quản lý xã hội và quản lý phát triển xã hội trong giai đoạn mới.

Số hồ sơ lưu: HCM-096-2022

85544.02-2023 **Tác động của ý thức thuộc về đến sự gắn kết xã hội của lao động trẻ di dân tại TP Hồ Chí Minh hiện nay**/ ThS. Đỗ Hồng Quân, Trần Tử Vân Anh; Đặng Thị Quốc Anh Đào - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tìm hiểu về tác động của ý thức thuộc về đến sự gắn kết xã hội của lao động trẻ di dân tại Tp HCM hiện nay. Từ đó giúp giải thích về ý thức thuộc về và sự gắn kết xã hội của lao động trẻ di dân tại Tp HCM. Dự đoán về mức độ di động dân số đối với nhóm lao động trẻ tại Tp HCM hiện nay. Phân tích tác động của ý thức thuộc về đến sự gắn kết xã hội của lao động trẻ di dân. Tìm hiểu cấu trúc cộng đồng của lao động trẻ di dân. Tìm hiểu những biểu hiện của ý thức thuộc về (sense of belonging) ở lao động trẻ di dân tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. Đánh giá tác động của ý thức thuộc về đến mức độ gắn kết xã hội của lao động trẻ di dân tại Thành phố Hồ Chí Minh. Qua đó, phân tích những yếu tố khiến cho người lao động trẻ gắn bó với thành phố Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-108-2022

50404. Dân tộc học

84363.02-2023 **Nghiên cứu bảo tồn, phát huy văn hóa dân tộc Chu Ru trong hoạt động của Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam**/ ThS. Nghiêm Thị Minh Hằng, TS. Nguyễn Thị Ngân; TS. Dương Thùy Linh; CN. Nguyễn Việt Bắc; CN. Dương Viết Bình; CN. Lưu Thị Hồng Ly; CN. Phạm Thị Nga; KS. Ngô Văn Trọng - Thái Nguyên - Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam, 2021; 01/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thực trạng văn hóa truyền thống dân tộc Chu Ru trong bối cảnh hiện nay. Hệ thống, tư liệu hóa di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể của dân tộc Chu Ru). Qua đó nhận diện đặc trưng văn hóa của dân tộc Chu Ru phục vụ công tác trưng bày, giới thiệu về văn hóa dân tộc Chu Ru tại Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam. Đề xuất các giải pháp bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc Chu Ru trong bối cảnh hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 20659

84815.02-2023 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp tổ chức Tết cổ truyền của một số dân tộc thiểu số Việt Nam**/ TS. Trần Hữu Sơn, TS. Hà Hữu Nga; ThS. Phan Thị Hằng; ThS. Sờ Có Suy; TS. Mai Thị Hạnh; TS. Đặng Thị Oanh; TS. Nguyễn Thị Dung; TS. Trần Hạnh Nguyên; TS. Nguyễn Thị Nhung; ThS. Man Khánh Quỳnh - Hà Nội - Viện nghiên cứu văn hóa dân gian ứng dụng, 2021; 01/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về tết cổ truyền các dân tộc thiểu số; Bài học kinh nghiệm và chính sách của một số quốc gia trong tổ chức tết cổ truyền của một số dân tộc thiểu số;

Đánh giá, phân tích thực trạng tổ chức đón tết cổ truyền của các dân tộc thiểu số Việt Nam và những tác động đến kinh tế - xã hội; Đánh giá hiệu quả, tác động, ảnh hưởng của chính sách, chế độ liên quan đến tết cổ truyền của các dân tộc thiểu số Việt Nam; Đề xuất một số giải pháp, chính sách nhằm bảo tồn di sản văn hóa truyền thống, chế độ nghỉ của người lao động và các quy định về tổ chức thăm hỏi, chúc tết cổ truyền các dân tộc thiểu số.

Số hồ sơ lưu: 20871

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội

84095.02-2023 **Đánh giá tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với phát triển thể dục thể thao**/ PGS. TS. Nguyễn Hồng Dương, TS. Vũ Thị Hồng Thu; ThS. Nguyễn Thị Hồng Liên; KS. Cù Đức Thịnh; TS. Nguyễn Mạnh Tuân; ThS. Doãn Mạnh Cường; ThS. Nguyễn Văn Vũ; ThS. Lê Công Duyên; CN. Hoàng Thị Hiền - Hà Nội - Viện Khoa học Thể dục thể thao, 2020; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát những đặc trưng cơ bản của cuộc CMCN 4.0 (CMCN 4.0) và những ứng dụng thành tựu của CMCN 4.0 trong các lĩnh vực hoạt động thể dục thể thao (TDTT). Đánh giá thực trạng về mức độ sẵn sàng, cơ hội và thách thức tham gia cuộc CMCN 4.0 của TDTT Việt Nam và đánh giá các tác động của CMCN 4.0 đến phát triển TDTT Việt Nam. Định hướng ứng dụng các thành tựu của CMCN 4.0 trong các lĩnh vực hoạt động TDTT đến năm 2030 và đề xuất giải pháp, chính sách phát triển TDTT Việt Nam trước tác động của CMCN 4.0.

Số hồ sơ lưu: 20446

84451.02-2023 **Cải thiện vệ sinh môi trường cho hộ dân của một số xã an toàn khu vùng dân tộc thiểu số và miền núi**/ TS. Nguyễn Hồng Vĩ, ThS. Hà Thị Hòa; CN. Bùi Thùy Trang; TS. Trần Quốc Hùng; ThS. Nguyễn Thị Kiều Nhung; ThS. Nguyễn Thị Nhung; TS. Đậu Thế Tụng; ThS. Đinh Thị Thu Thảo; ThS. Hoàng Lệ Nhật; ThS. Phương Đoàn; ThS. Nguyễn Thu Phương; CN. Hàn Thị Minh Thảo; ThS. Phương Thị Hảo; CN. Nguyễn Thị Phương Thảo; ThS. Nguyễn Thị Phương Thanh; KS. Đinh Văn Bắc - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách dân tộc, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và vệ sinh môi trường cho hộ dân thông qua tập huấn, chuyển giao quy trình kỹ thuật và xây dựng, thực hiện mô hình xử lý phụ phẩm nông nghiệp thành thức ăn chăn nuôi gia súc; xử lý chất thải chăn nuôi gia súc thành phân hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế hộ tại một số xã an toàn khu vùng Đông Bắc. Tập huấn, chuyển giao quy trình kỹ thuật xử lý phụ phẩm nông nghiệp thành thức ăn chăn nuôi gia súc; xử lý chất thải chăn nuôi gia súc thành phân hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp cho

các hộ dân tại 04 xã an toàn của vùng dự án cho trên 280 lượt người tham dự. - Hỗ trợ cho 137 hộ thuộc 04 xã vùng dụ án tham gia xây dựng tổng số 279 mô hình. Trong đó 71 hộ gia đình tham gia với 213 mô hình chế biến phụ phẩm nông nghiệp (rơm, thân cây ngô, cỏ) và 66 hộ gia đình tham gia xây dựng 66 hố ủ phân hữu cơ composst.

Số hồ sơ lưu: 20707

84468.02-2023 **Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động văn hóa trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025**/ PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Châm, TS. Trần Hoài; TS. Hoàng Cầm; TS. Nguyễn Giáo; ThS. Trần Đức Tùng; GS.TS. Lê Hồng Lý; TS. Nguyễn Trí Ngọc; PGS.TS. Đinh Vũ Thanh; ThS. Lương Thu Trang; ThS. Đỗ Thị Thu Hà; TS. Đinh Mỹ Linh; ThS. Nguyễn Hà Phương; TS. Nguyễn Đặng Anh Minh; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Trần Thị Thu Hà; ThS. Lê Thị Phượng - Hà Nội - ++Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, 2021; 11/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan nghiên cứu của các học giả trong nước và nước ngoài về hoạt động và vai trò của thiết chế văn hoá trong xã hội truyền thống và đương đại nhằm xây dựng khung tiếp cận và nền tảng lý luận để nâng cao hiệu quả của các hoạt động văn hoá gắn với thiết văn hóa cấp cơ sở trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Tìm hiểu, đánh giá, phân tích một cách có hệ thống và tổng thể về hiện trạng hoạt động văn hoá gắn với thiết chế văn hoá mới, nhận diện những thuận lợi, thách thức cũng như hiệu quả của hoạt động văn hoá gắn với thiết chế văn hoá mới cấp cơ sở đối với đời sống văn hoá, xã hội của các cộng đồng, tộc người. Tìm hiểu, đánh giá, phân tích một cách có hệ thống và tổng thể về hiện trạng hoạt động văn hoá gắn với thiết chế văn hoá truyền thống ở các xã, thôn nông thôn mới thuộc các tộc người, vùng miền; đánh giá vai trò, ý nghĩa cũng như hiệu quả hoạt động của các hoạt động văn hoá gắn với đến thiết chế văn hoá truyền thống đối với đời sống văn hoá, xã hội ở các xã, thôn nông thôn mới thuộc các tộc người, vùng miền.

Số hồ sơ lưu: 20701

84804.02-2023 **Nghiên cứu đánh giá kết quả cuộc vận động "Xây dựng giá trị hình mẫu thanh niên Việt Nam thời kỳ mới" giai đoạn 2018-2022**/ TS. Phan Thanh Nguyệt, ThS. Vũ Thị Bích Thảo; TS. Trần Văn Đông; ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh; ThS. Trần Thị Thu Ngân; ThS. Nguyễn Duy Hiệp; TS. Bùi Phương Thanh; CN. Vũ Long Khánh; ThS. Nguyễn Hữu Hoàng; ThS. Nguyễn Hoàng Phúc - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Thanh niên, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở lý luận về đánh giá kết quả cuộc vận động "Xây dựng giá trị hình mẫu thanh niên Việt Nam thời kỳ mới" giai đoạn 2018-2022. Đánh giá kết quả thực hiện cuộc vận động "Xây dựng giá trị hình mẫu thanh niên Việt Nam thời kỳ mới" giai đoạn 2018-2022;

Phân tích những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại hạn chế trong triển khai thực hiện cuộc vận động. Đề xuất một số giải pháp nhằm triển khai thực hiện cuộc vận động có hiệu quả hơn trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 20884

84821.02-2023 **Đề xuất cơ ch ế chính sách huy động nguồn lực xã hội để chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu phục vụ xây dựng nông thôn mới bền vững**/ TS. Trần Quang Hoài, ThS. Nguyễn Đức Quang; TS. Trần Văn Đạt; ThS. Nguyễn Văn Hùng; KS. Vũ Trường Xuân; ThS. Nguyễn Thành Phương; ThS. Nguyễn Anh Sơn; CN. Đỗ Thị Hồng Nhung; TS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Tiến Đạt - Hà Nội - Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật phòng chống thiên tai, 2021; 11/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng kết cơ sở lý luận và thực tiễn về huy động nguồn lực xã hội để chủ động phòng chống thiên tai (PCTT) và thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) phục vụ xây dựng nông thôn mới. Đánh giá thực trạng ở các địa phương trong việc huy động các nguồn lực để thực hiện nội dung về chủ động PCTT trong xây dựng nông thôn mới. Thí điểm 01 mô hình về huy động nguồn lực để thực hiện nội dung về chủ động PCTT trong xây dựng nông thôn mới (NTM). Đề xuất giải pháp thu hút, huy động các nguồn lực xã hội để chủ động PCTT và thích ứng với BĐKH phục vụ xây dựng NTM.

Số hồ sơ lưu: 20897

84833.02-2023 **Nghiên cứu đề xuất chính sách đặc thù hỗ trợ, phát triển dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn**/ TS. Võ Thị Minh Lệ, TS. Nguyễn Thị Tám; PGS.TS. Bế Trung Anh; ThS. Vũ Tuyết Lan; TS. Nguyễn Bình Giang; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Nga; TS. Phạm Quang Linh; CN. Trần Thị Quỳnh Trang; ThS. Lê Hồng Thanh; TS. Nguyễn Văn Tạo; TS. Phạm Anh Tuấn; TS. Trần Thị Hà; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; PGS.TS. Lê Hiếu Học; ThS. Nguyễn Thị Phương Mai - Hà Nội - Viện Dân tộc học, 2022; 05/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Trên cơ sở hệ thống hóa lý luận, xây dựng lý thuyết nghiên cứu; kết quả phân tích đánh giá thực trạng chính sách và thực trạng đời sống các dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, đề tài đề xuất các chính sách đặc thù hỗ trợ, phát triển dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 20892

50501. Luật học

84472.02-2023 **Bảo vệ quyền con người bằng cơ chế bảo hiến trong nhà nước pháp quyền: kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam**/ PGS. TS. Hoàng Văn Nghĩa, PGS.TS. Tường Duy Kiên; PGS.TS.

Nguyễn Minh Hằng; PGS.TS. Đặng Dũng Chí; PGS.TS. Trương Hồ Hải; PGS.TS. Tô Văn Hòa; TS. Bùi Hải Thiêm; TS. Phạm Trọng Nghĩa; TS. Lê Thị Thu Mai; ThS. Lê Thị Hồng Phúc - Hà Nội - Viện Quyền con người, 2022; 05/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ khái niệm, nội hàm, đặc trưng của chủ nghĩa hiến pháp, cơ chế bảo vệ hiến pháp trên thế giới, khu vực hiện nay, nhất là các cơ chế bảo vệ hiến pháp các mô hình nhà nước pháp quyền và nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, từ cách tiếp cận dựa trên quyền con người. Làm rõ quá trình hình thành, phát triển, phân tích so sánh các đặc điểm và nội dung của các học thuyết, quan niệm về nhà nước pháp quyền trong lịch sử nhân loại, các trường phái và truyền thống về nhà nước pháp quyền ở phương Tây và phương Đông, các yếu tố ảnh hưởng và tác động tới sự lựa chọn mô hình nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 20685

50601. Khoa học chính trị

85280.02-2023 **Lịch sử Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Phong trào Thanh niên tỉnh Trà Vinh (1931-2017)**/ TS. Lâm Ngọc Rạng, TS.NGƯT. Lâm Ngọc Rạng; ThS. Trần Trí Cường. ThS. Nguyễn Văn Dũ; ThS. Dương Thanh Tuấn; CN. Cao Thị Mỹ Trinh; ThS. Nguyễn Thanh Nghị; ThS. Phạm Thị Kiều; CN. Nguyễn Minh Thùy; ThS. Huỳnh Minh Phúc; CN. Nguyễn Thị Diệu Hiền - Trà Vinh - Trường Chính trị tỉnh Trà Vinh, 2022; 12/2019 - 01/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố).

Đề tài đã làm rõ bối cảnh lịch sử hình thành và phát triển, sự đóng góp, cũng như hình thức tổ chức, hoạt động. Đồng thời xác định các phong trào đấu tranh của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Phong trào Thanh niên tỉnh Trà Vinh (1931-2017).

Số hồ sơ lưu: TVH-2022-004

50602. Hành chính công và quản lý hành chính

84069.02-2023 **Nghiên cứu đề xuất đổi mới và hoàn thiện thể chế phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030**/ PGS. TS. Trần Quốc Toản, PGS. TS. Bùi Tất Thắng; PGS. TS. Nguyễn Thị Nguyệt; TS. Phạm Văn Hồng, TS. Lê Xuân Thành; TS. Trần Anh Tuấn; ThS. Hoàng Văn Thụ; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh; CN. Bùi Kiều Anh; ThS. Lê Minh Sơn - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2021; 04/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Luận chứng cơ sở lý luận và thực tiễn về thể chế khoa học công nghệ; trên cơ sở đó đề xuất khung tổng thể về thể chế khoa học công nghệ; đề xuất định hướng các giải pháp xây dựng thể chế thể chế khoa học công nghệ của đất nước trong giai đoạn mới. Đánh giá khái quát thực trạng thể chế phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam, tập trung ở giai đoạn

2010-2020; Đề xuất khung tổng thể thể chế khoa học công nghệ; cơ chế vận hành của thể chế khoa học công nghệ giai đoạn 2021-2030. Đề xuất định hướng nội dung và các giải pháp xây dựng Thể chế khoa học công nghệ trong giai đoạn mới.

Số hồ sơ lưu: 20426

84186.02-2023 **Nghiên cứu đề xuất một số định hướng ưu tiên phát triển khoa học và công nghệ trong một số ngành, lĩnh vực giai đoạn 2021-2030**/ ThS. Nguyễn Hồng Anh, ThS. Tạ Doãn Hải; TS. Hoàng Xuân Long; TS. Nguyễn Việt Hòa; CN. Nguyễn Thị Thùy Linh - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2021; 02/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được một số định hướng ưu tiên phát triển một số lĩnh vực khoa học, công nghệ quốc gia, những giải pháp khoa học, công nghệ để thúc đẩy những lĩnh vực và sản phẩm trọng điểm của một số bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2021-2030. Làm rõ và đề xuất định hướng phát triển trong một số lĩnh vực KH&CN ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030; Làm rõ và đề xuất một số giải pháp KH&CN để thúc đẩy một số lĩnh vực và sản phẩm trọng điểm của một số bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2021-2030.

Số hồ sơ lưu: 20484

84474.02-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn thực hiện các quy trình điện tử thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 và dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên cổng dịch vụ công quốc gia thuộc lĩnh vực đo lường, đánh giá sự phù hợp**/ ThS. Phan Thị Bích Hạnh, CN. Nguyễn Quang Hạnh; CN. Trần Thị Thúy Hà; ThS. Lê Thị Thúy Sâm; CN. Cao Việt Bách; ThS. Bùi Trung Dũng; CN. Đỗ Thị Nga; Nguyễn Tiến Đông; CN. Đỗ Thanh Tùng; Doãn Đình Dũng - Hà Nội - Vụ Đo lường, 2022; 11/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn để xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn thực hiện quy trình điện tử để thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên cổng dịch vụ công quốc gia thuộc lĩnh vực đo lường, đánh giá sự phù hợp đáp ứng yêu cầu của quản lý nhà nước và yêu cầu của thực tiễn triển khai hoạt động, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 20688

84829.02-2023 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Hợp tác xã nông nghiệp gắn với quản lý Nhà Nước**/ KS. Lê Anh Hoàng, KS. Nguyễn Đình Tĩnh; TS. Hồ Lê Phi Khanh; TS. Vũ Dương Quỳnh; ThS. Lê Anh Tuấn; KS. Nguyễn Văn Lực; KS. Lương Tuấn Anh; KS. Nguyễn Việt Hùng; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; KS. Hà Phương - Hà Nội - Hợp tác xã Nông nghiệp Số, 2021; 11/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng áp dụng công nghệ số vào: Hoạt động sản

xuất và kinh doanh tại các hợp tác xã nông nghiệp (HTX NN) vào quản lý nhà nước của Cục KTHT & PTNT đối với HTX nông nghiệp. Thiết kế hệ thống công nghệ số tại các HTX NN phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của các HTX NN (quản lý truy xuất nguồn gốc, cổng thông tin, cơ sở dữ liệu đồng bộ để phân tích, số hoá các văn bản của Nhà nước đến các HTX, phản hồi của các HTX đến Cục KTHT) và xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ số vào công tác quản lý Nhà nước của Cục KTHT & PTNT đối với HTX NN. Thử nghiệm ứng dụng hệ thống công nghệ số (phần mềm quản trị HTX, cơ sở dữ liệu được số hoá, hệ thống truy xuất nguồn gốc) tại 30 HTX NN ở một số tỉnh/thành phố, thuộc các lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi để đánh giá tính hiệu quả của ứng dụng công nghệ số trước khi triển khai mở rộng. Thử nghiệm ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý nhà nước đối với HTX NN tại Cục KTHT & PTNT và các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, huyện nhằm tạo ra mối quan hệ quản lý, điều hành và giao tiếp trực tiếp giữa cơ quan quản lý nhà nước với các HTX NN. Phổ biến, nâng cao năng lực thực thi (quản lý và điều hành), quản trị dữ liệu thông tin thông qua hệ thống công nghệ số cho cán bộ nhà nước và các HTX NN được lựa chọn tham gia đề tài. Tổng kết, đánh giá hiệu quả của ứng dụng công nghệ số vào hoạt động SXKD của HTX NN gắn với quản lý nhà nước và đề xuất chính sách, lộ trình mở rộng triển khai công nghệ số vào các HTX NN gắn với quản lý nhà nước đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: 20902

84831.02-2023 **Xử lý hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ**/ TS. Nguyễn Quốc Văn, ThS. Nguyễn Phương Vy; TS. Nguyễn Văn Tuấn; TS. Mai Văn Duẩn; ThS. Vũ Minh Lượng; TS. Lê Việt Long; ThS. Nguyễn Hồng Điệp; ThS. Nguyễn Thúy Hằng; CN. Đoàn Thị Loan; CN. Trần Lan Hương; ThS. Ngô Thu Trang; CN. Nguyễn Đăng Hạnh; CN. Đậu Thị Hiền; ThS. Đào Thu Hà; CN. Nguyễn Hữu Thắng - Hà Nội - Viện chiến lược và khoa học thanh tra, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, pháp lý cơ bản có liên quan đến xử lý hành vi vi phạm hành chính (VPHC) trong các lĩnh vực quản lý nhà nước (QLNN) của Thanh tra Chính phủ (TTCP). Đánh giá thực trạng pháp luật và thực trạng xử lý hành vi VPHC trong các lĩnh vực QLNN của TTCP. Đề xuất quan điểm, giải pháp (chính trị, pháp lý và tổ chức thực tiễn) nhằm nâng cao hiệu quả xử lý hành vi VPHC trong các lĩnh vực QLNN của TTCP.

Số hồ sơ lưu: 20898

84838.02-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất trong cả nước**/ ThS. Đỗ Thị Kiều Trang,

Nguyễn Văn Tùng; Nguyễn Quang Lịch; Lê Thị Loan; Vũ Văn Phán; Tào Thành Nam; Phạm Thanh Trà; Nguyễn Mai Dương; Nguyễn Thị Huệ; Đinh Viết Dũng - Hà Nội - Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ, 2022; 06/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định luận cứ khoa học và thực tiễn để rà soát, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp đơn giản hóa chế độ báo cáo tại Bộ Khoa học và Công nghệ; xây dựng và thực thi phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo. Xây dựng Văn bản thay thế Văn bản quy định chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2019 trên cơ sở chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

Số hồ sơ lưu: 20906

84856.02-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn phù hợp với quy định tại Nghị định số 78/2018/NĐ-CP của Chính phủ**/ ThS. Nguyễn Văn Khôi, ThS. Phạm Thị Phương Thảo; ThS. Trịnh Minh Tùng; CN. Vũ Văn Dương; CN. Phùng Quang Minh; ThS. Hoàng Thị Thúy Hồng; CN. Trần Duy Tài; ThS. Lăng Thị Diệu Linh; KS. Đỗ Thị Tuyết - Hà Nội - Vụ Tiêu chuẩn, 2019; 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Thông qua việc rà soát, đánh giá thực trạng, cập nhật các quy định pháp luật mới ban hành (Nghị định 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ), các quy định quốc tế mới về tiêu chuẩn, hợp chuẩn, nhằm: Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân cụ thể hơn và sát với điều kiện thực tế trong công tác lập kế hoạch, xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn. Sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động tiêu chuẩn hóa trong tình hình mới, đề cao nguyên tắc ban kỹ thuật, nguyên tắc đồng thuận... trong hoạt đông xây dựng tiêu chuẩn, thúc đẩy xã hội hóa trong xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn. Tiếp tục hoàn thiện quy định pháp lý điều chỉnh hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở, xuất bản phát hành tiêu chuẩn phù hợp với thực tiễn QLNN, SXKD trong tình hình mới.

Số hồ sơ lưu: 20923

84857.02-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với quy định tại Nghị định số 78/2018/NĐ-CP của Chính phủ**/ ThS. Lê Xuân Trường, ThS. Nguyễn Văn Khôi; ThS. Đỗ Hồng Giang; ThS. Nghiêm Thanh Hải; ThS. Hoàng Thị Thúy Hồng; CN. Trần Duy Tài; KS. Đỗ Thị Tuyết; ThS. Lăng Thị Diệu Linh; KS. Vũ Thị Hồng Hạnh; KS. Trần Đức Thái - Hà Nội - Vụ Tiêu chuẩn, 2019; 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, phân tích các quy định quốc tế mới liên quan tới xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật (CPTPP, EVFTA, RCEP, ASEAN…). Nghiên cứu, đánh giá

thực trạng công tác lập kế hoạch, xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật tại các Bộ quản lý chuyên ngành. Nghiên cứu, đánh giá thực trạng công tác kế hoạch, xây dựng, tổ chức thực hiện quy chuẩn Việt Nam (QCVN) tại Bộ Khoa học và Công nghệ. Nghiên cứu, đánh giá thực trạng hoạt động xây dựng, ban hành và áp dụng quy chuẩn địa phương (QCĐP) tại địa phương. Nghiên cứu, đánh giá việc viện dẫn tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài trong QCVN.

Số hồ sơ lưu: 20924

84861.02-2023 **Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác thi đua khen thưởng ngành lao động - thương binh và xã hội**/ TS. Bùi Sỹ Tuấn, ThS. Trương Tất Ga; CN. Nguyễn Anh Tuấn; CN. Vũ Thị Hoàn; ThS. Nguyễn Thành Nam; ThS. Nguyễn Hữu Long; ThS. Nguyễn Thị Thủy; CN. Trần Hải Hà; CN. Phạm Khánh Linh; CN. Đặng Minh Tâm - Hà Nội - Văn phòng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, 2022; 01/2021 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý lu ận v ề đổi mới, nâng cao chất lượng công tác thi đua, khen thưởng ở Việt Nam hiện nay. Đánh giá thực trạng chất lượng công tác thi đua, khen thưởng Ngành Lao động thương binh xã hội (LĐTBXH) giai đoạn 2013 - 2020. Đề xuất các giải pháp nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng công tác thi đua, khen thưởng Ngành LĐTBXH giai đoạn 2021 - 2025, đề xuất tiêu chí để đánh giá các giải pháp là sáng kiến để bình xét thi đua, khen thưởng.

Số hồ sơ lưu: 20918

84868.02-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng cơ chế phối hợp trong xây dựng, thự hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra chuyên ngành của các cơ quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ**/ ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lý, Hà Thị Giang; Nguyễn Hữu Quân; Nguyễn Thị Thu Hà; Trần Xuân Bách; Nguyễn Tiến Trung - Hà Nội - Thanh tra Bộ, 2021; 06/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Rà soát, đánh giá hệ thống các văn bản liên quan đến công tác thanh tra, kiểm tra nói chung và chuyên ngành Khoa học và Công nghệ (KH&CN) nói riêng. Rà soát, đánh giá thực trạng việc xây dựng và thực hiện kế hoạch chanh tra, kiểm tra của các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành KH&CN; Đề xuất cơ chế (Quy chế với các quy định cụ thể) phối hợp xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành KH&CN.

Số hồ sơ lưu: 20927

84869.02-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ**

khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước/ ThS. Đinh Thị Hà Giang, Nguyễn Trọng Bình; Nguyễn Hùng Cường; Nguyễn Quyết Chiến; Đào Thị Minh Nguyệt; Tào Thành Nam; Ngô Giang Nam; Nguyễn Anh Tuấn; Nguyễn Thu Hường - Hà Nội - Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia, 2017; 03/2017 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Nhiều tổ chức KHCN, doanh nghiệp, các nhà khoa học, các cơ quan quản lý không đồng tình về các điểm sau: Sự thiếu chính xác của các khái niệm mới, quy trình mới được dùng trong Thông tư; Sự tái lặp lại các công việc, công đoạn trong tổ chức triển khai theo quy trình của Thông tư quy định gây sự chồng chéo, chậm trễ về thời gian, phí phạm sức lực và trí tuệ. Quy trình quản lý phức tạp, bị rối hơn do tăng thêm đầu mối tham gia vào quản trình quản lý. Gây khó khăn rất lớn cho các cơ quan chủ trì và chủ nhiệm các nhiệm vụ khi phải tìm cách tiếp cận đến lãnh đạo các cơ quan có thẩm quyền là các Bộ ngành, Tỉnh, Thành phố để có được sự cam kết. Bộ KH&CN mất dần cơ hội tiếp cận, xem xét quyết định các đề xuất từ các tổ chức KHCN, doanh nghiệp và các cá nhân, cũng như không giữ được vai trò trực tiếp quản lý các chương trình do Bộ được giao quản lý.

Số hồ sơ lưu: 20928

85464.02-2023 **Phân cấp ngân sách nhà nước và bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam: Hàm ý chính sách cho thành phố Hồ Chí Minh**/ ThS. Hồ Minh Chí, Võ Hồng Đức; Võ Thế Anh; Nguyễn Công Thắng - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Việc tìm hiểu các nguồn gây ra bất bình đẳng phát sinh từ loại chi tiêu này của chính phủ ở cấp tỉnh là rất quan trọng cho các mục đích chính sách. Khám phá mối quan hệ giữa bất bình đẳng chi tiêu của chính phủ cho giáo dục và bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam bằng cách sử dụng dữ liệu hai năm một lần từ năm 2010 đến năm 2016. Mức độ bất bình đẳng trong chi tiêu công của Việt Nam từ năm 2010 đến năm 2016 là bao nhiêu? Bất bình đẳng chi tiêu công có ảnh hưởng đến bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam không?

Số hồ sơ lưu: HCM-097-2022

50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị

84362.02-2023 **Kiểm soát tài sản, thu nhập của Đảng viên trong bối cảnh mới**/ PGS. TS. Nguyễn Thị Báo, TS. Đinh Thị Hương Giang; PGS.TS. Lê Quốc Lý; PGS.TS. Trương Hồ Hải; PGS.TS. Tào Thị Quyên; TS. Trần Văn Long; TS. Tạ Văn Nam; TS. Nguyễn Thị Thanh Nhàn; TS. Nguyễn Xuân Trường; TS. Trịnh Như Quỳnh; TS. Trần Duy Hưng; PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2021; 02/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định cơ sở khoa học và thực tiễn về kiểm soát tài sản, thu nhập của

đảng viên trong bối cảnh mới: Làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò của kiểm soát tài sản, thu nhập của đảng viên; thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong của kiểm soát tài sản, thu nhập của đảng viên; kinh nghiệm quốc tế về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn và những giá trị có thể tham khảo cho Việt Nam. Hai là, phân tích, đánh giá thực trạng kiểm soát tài sản, thu nhập của đảng viên ở Việt Nam hiện nay: chỉ ra kết quả, hạn chế và nguyên nhân của những kết quả, hạn chế và những vấn đề đặt từ thực tiễn kiểm soát tài sản, thu nhập của đảng viên.

Số hồ sơ lưu: 20658

84475.02-2023 **Thực trạng tổ chức, hoạt động các loại hình "nghiệp đoàn", "nhóm", "mạng lưới" các tổ chức phi Chính phủ Việt Nam – Định hướng quản lý nhà nước**/ ThS. Trần Thị Bích Ngọc, TS. Nguyễn Huyền Hạnh; TS. Hà Quang Trường; ThS. Vũ Trường Giang; ThS. Lê Thị Kim Liên; ThS. Tạ Tấn; ThS. Nguyễn Ngọc Hưng - Hà Nội - Viện Khoa học Tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một số vấn đề lý luận về tổ chức phi chính phủ, tổ chức phi chính phủ không chính thức, nhận diện các loại hình "nghiệp đoàn", "nhóm", "mạng lưới" tổ chức phi chính phủ không chính thức. Kinh nghiệm của một số nước về tổ chức, hoạt động và quản lý Nhà nước đối với các loại hình "Nghiệp đoàn", "nhóm", "mạng lưới" tổ chức phi chính phủ của một số nước trên thế giới. Phân tích, đánh giá tổ chức và hoạt động của các loại hình "nghiệp đoàn", "nhóm", "mạng lưới" các tổ chức phi chính phủ không chính thức tại Việt Nam để rút ra yếu tố tích cực cần duy trì, phát triển và các vấn đề bất cập đang tồn tại cần có định hướng quản lý. Đề xuất quan điểm, giải pháp định hướng quản lý nhà nước đối với tổ chức, hoạt động các loại hình "nghiệp đoàn", "nhóm", "mạng lưới" các tổ chức phi chính phủ không chính thức tại Việt Nam trong thời kỳ tới.

Số hồ sơ lưu: 20700

84477.02-2023 **Giải pháp phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức thanh niên**/ TS. Đỗ Thị Thu Hằng, ThS. Nguyễn Tuấn Dũng; TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa; TS. Nguyễn Tuấn Anh, ThS. Đỗ Minh Hoàng; ThS. Nguyễn Văn Quý; TS. Trần Văn Đông; TS. Đỗ Thị Tuyết; Nguyễn Đức Hanh; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Thanh niên, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về việc giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức thanh niên, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp phát huy vai trò của các tổ chức này trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội. Nghiên cứu cơ sở lý luận nghiên cứu nâng cao vai trò giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức thanh niên. Phân tích, đánh giá thực trạng vai trò, hoạt động của các tổ chức thanh niên tham gia giám sát, phản biện xã hội. Đề xuất giải pháp phát huy vai trò của các tổ

chức thanh niên trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội.

Số hồ sơ lưu: 20667

50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội

84801.02-2023 **Giải pháp quy hoạch - kiến trúc nông thôn phục vụ xây dựng nông thôn mới ứng phó với thiên tai biến đổi khí hậu tại các tỉnh miền Trung giai đoạn 2021 - 2025**/ PGS. TS. Nguyễn Vũ Phương, TS. Võ Thanh Huy; TS. Lê Đàm Ngọc Tú; TS. Nguyễn Văn Hải; TS. Nguyễn Kim Cường; TS. Nguyễn Phan Duy; ThS. Nguyễn Hữu Ninh; PGS.TS. Vũ Thị Vinh; ThS. Nguyễn Công Bằng; ThS. Ngô Đình Thành; ThS. Hồ Thanh Trúc; ThS. Nguyễn Tuấn Minh - Phú Yên - Trường đại học xây dựng miền Trung, 2021; 11/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá tác động thiên tai, biến đổi khí hậu trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới các tỉnh duyên hải Miền Trung (Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ). Hướng dẫn lồng ghép ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu trong quy hoạch xây dựng nông thôn phục vụ xây dựng xã nông thôn mới nâng cao tại các tỉnh duyên hải Miền Trung giai đoạn 2021 – 2025. Đề xuất mô hình và giải pháp quy hoạch - kiến trúc ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu tại các tỉnh duyên hải Miền Trung.

Số hồ sơ lưu: 20885

85170.02-2023 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp duy trì và nâng cao các tiêu chí đối với các xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2013-2019 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**/ PGS.TS. Nguyễn Tuấn Sơn, - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 07/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng duy trì kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới tại các xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2013-2019 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất các giải pháp duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí tại các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới đáp ứng yêu cầu xã NTM nâng cao. Đánh giá thực trạng và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến xây dựng khu dân cư nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2013-2019. Đề xuất giải pháp xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu và khu dân cư NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: PTO-2021-002

599. Khoa học xã hội khác

85168.02-2023 **Nghiên cứu, xây dựng phát triển sản phẩm du lịch đặc thù tỉnh Phú Thọ.**/ ThS. Phùng Thị Hoa Lê, ThS. Phùng Thị Hoa Lê; CN. Nguyễn Đức Hoà; CN. Đào Anh Tuấn; CN. Nguyễn Thị Kim Thanh; CN. Lê Thị Xuân Hương; CN. Nguyễn Đức Hiệp; CN. Trần Thị Minh Hiền; CN. Đàm Thị Thuý Hằng; CN. Đỗ Hồng Minh; CN. Nguyễn Hữu Chính. - Phú Thọ - Trung tâm Thông tin Xúc tiến Du lịch, 2021; 02/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổ chức điều tra khảo sát, đánh giá thực trạng sản phẩm du lịch đặc thù tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016 - 2018. Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về 03 dòng sản phẩm du lịch đặc thù đặc thù tỉnh Phú Thọ. Xây dựng và thử nghiệm đưa vào hoạt động một số sản phẩm du lịch đặc thù tỉnh Phú Thọ. Tuyên truyền, quảng bá bộ cơ sở dữ liệu về 03 dòng sản phẩm du lịch đặc thù tỉnh Phú Thọ và 02 tour du lịch gắn với sản phẩm du lịch đặc thù tỉnh Phú Thọ đã được xây dựng.

Số hồ sơ lưu: PTO-2021-003

6. Khoa học nhân văn

60199. Các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác

84808.02-2023 **Nghiên cứu nguồn tư liệu Hán Nôm về người Hoa ở Việt Nam từ thế kỷ XVII-đầu XX**/ PGS. TS. Đinh Khắc Thuân, TS. Nguyễn Huy Khuyến; TS. Cao Việt Anh; TS. Trần Thị Thu Hường; TS. Nguyễn Văn Tuân - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2021; 06/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan về tình hình nghiên cứu về người Hoa ở Việt Nam từ thế kỷ XVII đầu XX; Khái quát nguồn tư liệu Hán Nôm về người Hoa ở Việt Nam từ thế kỷ XVII- đầu XX. Đánh giá mức độ tin cậy nguồn tư liệu Hán Nôm này trong việc nghiên cứu người Hoa ở Việt Nam. Sự du nhập của người Hoa vào Việt Nam và các tổ chức của cộng đồng người Hoa ở Việt Nam thế kỷ XVII đầu XX. Hoạt động kinh tế của người Hoa ở Việt Nam; Hoạt động văn hóa, tín ngưỡng của người Hoa ở Việt Nam; Chính sách với người Hoa ở Việt Nam giai đoạn thế kỷ XVII - đầu XX và sự hòa nhập, đóng góp của người Hoa với cộng đồng người Việt. Ứng xử của người Việt với người Hoa ở Việt Nam. Bài học kinh nghiệm và tư vấn chính sách.

Số hồ sơ lưu: 20889

60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam

85161.02-2023 **Tư liệu hóa và phục dựng một số di sản văn hóa truyền thống điển hình của người Dao Quần Chẹt trên địa bàn huyện Yên Lập**/ ThS. Trần Việt Hùng, Th.S. Đinh Hải Nam; KS. Hoàng Mạnh Sơn; Th.S Trần Việt Hùng; CN. Bùi Hồng Hoàng; Th.S Nguyễn Minh Tuấn; Th.S Hà Việt Hùng; Th.S Lê Quang; CN. Trịnh Tiến Xuân; Th.S Phùng Duy Nam; CN. Nguyễn Thị Hằng. - Phú Thọ - UBND huyện Yên Lập, 2021; 06/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan tới đề tài. Điều tra, khảo sát bổ sung thông tin và đánh giá thực trạng lưu giữ, bảo tồn các di văn hóa truyền thống điển hình của người Dao Quần Chẹt trên địa bàn huyện Yên Lập (giai đoạn 2014 - 2019). Tư liệu hóa, số hóa các di sản văn hoá truyền thống của người Dao Quần Chẹt trên địa bàn huyện Yên Lập. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa truyền thống điển hình của người Dao Quần Chẹt trên

địa bàn huyện Yên Lập. Phục dựng một số di sản văn hóa truyền thống điển hình của người Dao Quần Chẹt trên địa bàn huyện Yên Lập. Thông tin, tuyên truyền các kết quả thực hiện đề tài.

Số hồ sơ lưu: PTO-2021-006

85165.02-2023 **Tư liệu hóa và phục dựng một số di sản văn hóa truyền thống điển hình của dân tộc Mường trên địa bàn huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ**/ Nguyễn Văn Mạnh, ThS. Đặng Quang Huy; ThS. Nguyễn Duy Anh; ThS. Trần Quang Thành; ThS. Phạm Tú; CN. Đinh Thị Kiều An; CN. Lương Thị Thanh Nhàn; CN. Đỗ Mạnh Huyên; CN. Đào Thị Hồng Dung; CN. Trần Thị Hương Giang. - Phú Thọ - UBND huyện Thanh Sơn, 2021; 06/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan tới đề tài. Điều tra, khảo sát bổ sung thông tin và đánh giá thực trạng lưu giữ, bảo tồn các di sản văn hóa truyền thống điển hình của dân tộc Mường trên địa bàn huyện Thanh Sơn (giai đoạn 2014 – 2019). Tư liệu hóa, số hóa các di sản văn hoá truyền thống của dân tộc Mường trên địa bàn huyện Thanh Sơn. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa truyền thống điển hình của dân tộc Mường trên địa bàn huyện Thanh Sơn. Phục dựng một số di sản văn hóa truyền thống đặc trưng của dân tộc Mường trên địa bàn huyện Thanh Sơn.

Số hồ sơ lưu: PTO-2021-004

60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ

84071.02-2023 **Nghiên cứu bối cảnh trong nước và quốc tế đối với định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam giai đoạn 2021-2030**/ ThS. Nguyễn Lan Anh, ThS. Hà Công Hải; ThS. Đặng Thu Giang; ThS. Tạ Doãn Hải; TS. Trần Quang Huy; ThS. Nguyễn Mạnh Tiến; ThS. Trần Đức Trung; CN. Nguyễn Hương Giang; ThS. Chu Thị Thu Hà; CN. Nguyễn Thị Thu Hà - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2022; 12/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được xu hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; bối cảnh trong nước và quốc tế và các vấn đề đặt ra đối với định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam giai đoạn 2021-2030. Nghiên cứu các tư liệu trong và ngoài nước có liên quan đến bối cảnh quốc tế và bối cảnh trong nước có tác động đến khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam; nghiên cứu các văn bản định hướng của Đảng và Nhà nước về chủ trương, đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các vấn đề có liên quan khác như: chuyển đổi số, Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, tăng trưởng xanh, công nghiệp hoá.

Số hồ sơ lưu: 20427

84834.02-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn làm căn cứ để xây dựng mục tiêu, nội**

dung, sản phẩm dự kiến về việc phát triển và ứng dụng công nghệ vũ trụ phục vụ phát triển kinh tế và xã hội tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025/ TS. Võ Thị Lan Anh, PGS. TS. Đào Ngọc Chiến; ThS. Bùi Thị Liên Hương; ThS. Nguyễn Hoàng Long - Hà Nội - Văn phòng Bộ-Bộ Khoa học và Công nghệ, 2022; 11/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá tình hình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ vũ trụ trên thế giới và tại Việt Nam trong giai đoạn vừa qua theo các hướng nghiên cứu cơ bản, phát triển công nghệ và nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng công nghệ vũ trụ. Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn trong việc xây dựng mục tiêu, nội dung và sản phẩm dự kiến về việc phát triển và ứng dụng công nghệ vũ trụ phục vụ phát triển kinh tế và xã hội tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025.

Số hồ sơ lưu: 20890

85487.02-2023 **Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận "Dê Lạc Thủy" cho sản phẩm Dê Lạc Thủy của huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình**/ ThS. Thân Thị Thái, ThS. Thân Thị Thái; KS. Phạm Thị Nguyệt Hà; ThS. Nguyễn Hải Hòa; KS. Trần Thị Nguyệt; KS. Phạm Bá Phương; ThS. Trần Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Văn Ga; ThS. Lê Thúy Hằng - Hòa Bình - Trung tâm Nghiên cứu Đất và Phân bón vùng Trung du, 2020; 04/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tạo lập, quản lý và phát triển Nhãn hiệu chứng nhận "Dê Lạc Thủy" dùng cho sản phẩm Dê của huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình nhằm kiểm soát chất lượng, xúc tiến thương mại cho sản phẩm; Góp phần nâng cao được giá trị sản phẩm, giữ gìn và phát huy giá trị đặc sản của địa phương.

Số hồ sơ lưu: DLT_HB

Phụ lục:THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢTHỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm khoa học và công nghệ c ấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhi ệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

2. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa h ọc và công nghệ . Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục

Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cách thức thực hiện:

- Đăng ký trực tuyến tại một trong các trang dịch vụ công của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: https://dichvucong.vista.gov.vn, hoặc trang dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ https://dichvucong.most.gov.vn, hoặc trang dịch vụ công quốc gia của Chính phủhttps://dichvucong.gov.vn.

- Nộp trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Khi nhận được hồ sơ, Bộ phận Một cửa sẽ liên hệ để hướng dẫn tổ chức/cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ/01 nhiệm vụ

- 01 phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- 01 quyển báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đóng bìa mạ chữ vàng, gáy in tên chủ nhiệm nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trang bìa lót bên trong có chữ ký của chủ nhiệm và dấu xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.

- 01 bản điện tử báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.

- 01 biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản sao);

- 01 văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).

- 01 văn bản minh chứng việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.

- 01 phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*:* Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:*

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- Phiếu mô tả công nghệ.

- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.

- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

- Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ - Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024-3934-9116; Fax: 024-3934-9127.

Email: quanly@vista.gov.vn

** Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 024-3934-9119*